



ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 0104089394 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/08/2009, thay đổi lần thứ 14 ngày 10/11/2017)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 272/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 11 năm 2021)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI CÁC ĐỊA ĐIỂM SAU TỪ NGÀY/...../2021:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín

Điện thoại: 0243.376.5503 Fax: 0243.376.5504 Website: <https://cpc1hn.com.vn>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN

Địa chỉ: Tầng 4, số 18 Lý Thường Kiệt, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024.6275 3844 Fax: 024.6275 3816 Website: <http://www.aseansc.com.vn>

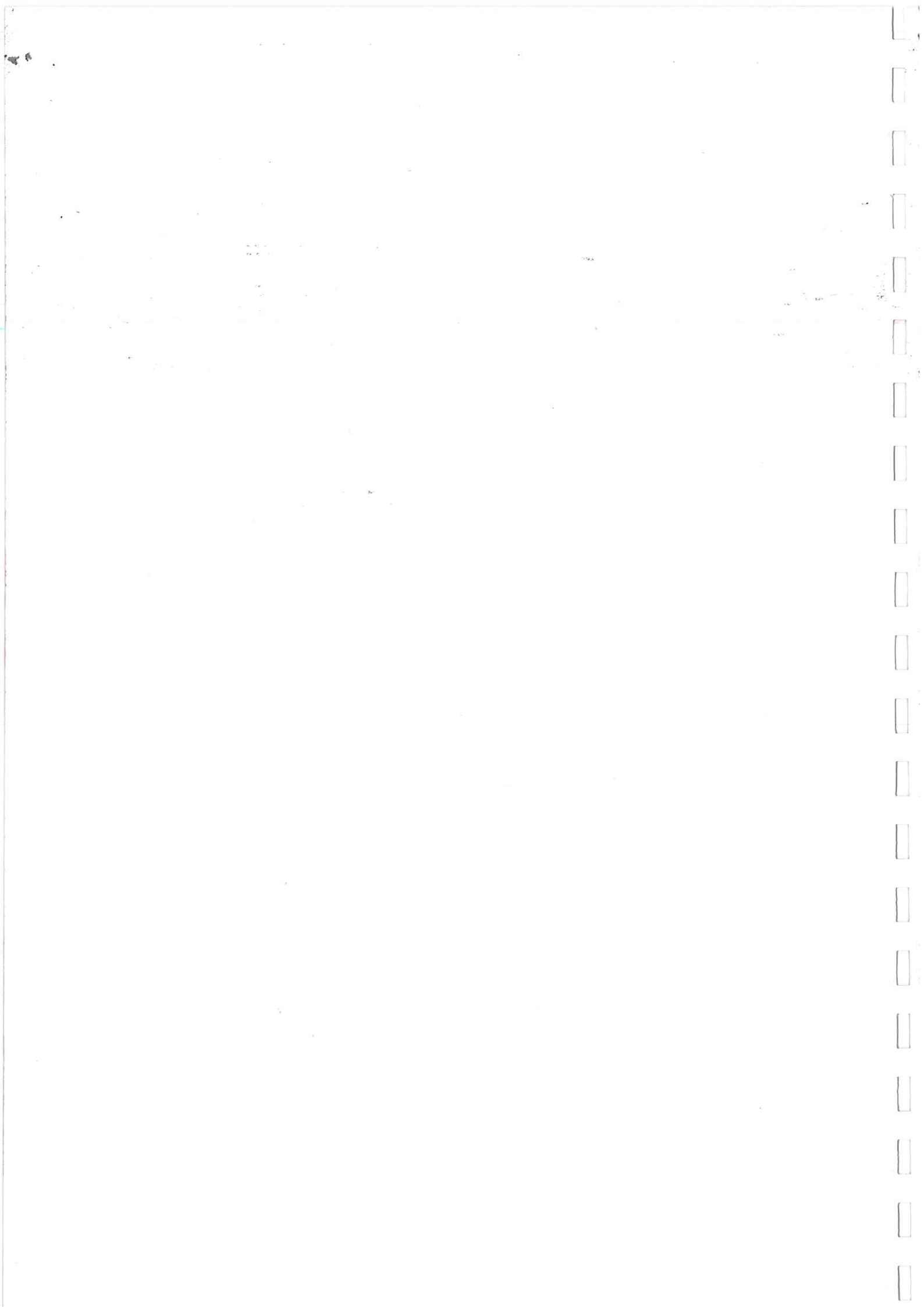
Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên: Tạ Thị Hải Huyền

Chức vụ : Phó trưởng phòng Tổ chức hành chính

Số điện thoại: 0243.3765.503

Hà Nội, tháng 11 năm 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 0104089394 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/08/2009, thay đổi lần thứ 14 ngày 10/11/2017)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu:	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá chào bán:	11.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:	4.057.260 cổ phiếu (Bốn triệu, không trăm năm mươi bảy nghìn, hai trăm sáu mươi cổ phiếu)
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:	40.572.600.000 đồng (Bốn mươi tỷ, năm trăm bảy mươi hai triệu, sáu trăm nghìn đồng)

TỔ CHỨC TƯ VẤN:



ASEAN SECURITIES

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN

Địa chỉ: Tầng 4, số 18 Lý Thường Kiệt, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 6275 3844

Fax: (84-24) 6275 3816

Website: <http://www.aseansc.com.vn>

TỔ CHỨC SOÁT XÉT BCTC BÁN NIÊN NĂM 2021



CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ATC

Địa chỉ: Tòa nhà ATC – Lô D12 – Khu đấu giá Vạn Phúc – P. Vạn Phúc – Q. Hà Đông – TP. Hà Nội

Điện thoại: (+84-24) 3 200 0162

Fax: (+84-4) 3 200 0163

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BCTC NĂM 2020



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Sudico, Đường Mễ Trì, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 8689.566/88

Fax: (84.4) 8686.248

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BCTC NĂM 2019

bakertilly
A & C

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C – CHI NHÁNH HÀ NỘI

Địa chỉ: 40 Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 37.367.879

Fax: (84-24) 37.367.869



ASEAN SECURITIES

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	9
1. Tổ chức phát hành.....	9
2. Tổ chức tư vấn	9
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	10
1. Rủi ro về kinh tế	10
1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế	10
1.2. Lạm phát.....	12
1.3. Rủi ro về lãi suất.....	13
2. Rủi ro về luật pháp.....	13
3. Rủi ro đặc thù (ngành, lĩnh vực hoạt động).....	16
3.1. Rủi ro biến động giá nguyên liệu.....	16
3.2. Rủi ro tỷ giá hối đoái	16
3.3. Rủi ro ngành	17
3.4. Rủi ro cạnh tranh	17
3.5. Rủi ro hàng giả, hàng nhái.....	18
4. Rủi ro của đợt chào bán.....	18
5. Rủi ro pha loãng	18
6. Rủi ro quản trị công ty.....	21
7. Rủi ro khác.....	22
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT.....	22
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	24
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành.....	24
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành	26
3. Cơ cấu tổ chức Công ty	27
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty	28
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối:.....	31
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành	31
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty tại các doanh nghiệp khác:	33

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành	34
8.1. Cổ phiếu phổ thông	34
8.2. Cổ phiếu ưu đãi.....	34
8.3. Các loại chứng khoán khác.....	34
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	34
10. Hoạt động kinh doanh.....	34
10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh.....	34
10.2. Tài sản	38
10.3. Thị trường hoạt động	41
10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính	41
10.5. Các hợp đồng lớn.....	43
10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn	58
10.7. Vị thế của Công ty trong ngành.....	75
10.8. Hoạt động Marketing.....	77
10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế	79
10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển	84
10.11. Về công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ.....	87
10.12. Chiến lược kinh doanh.....	88
10.13. Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan.	89
11. Chính sách đối với người lao động.....	90
12. Chính sách cổ tức.....	92
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất.....	93
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty	93
15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	93
16. Thông tin về cam kết của Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích	93
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH.....	93
1. Kết quả hoạt động kinh doanh.....	93

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất	93
1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty	95
1.3. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty kể từ thời điểm 31/12/2021	96
2. Tình hình tài chính	96
2.1. Các chỉ tiêu cơ bản	96
2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	104
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty.....	105
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.....	106
4.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh.....	106
4.2 Căn cứ đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh	107
4.3 Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức	107
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG	109
1. Thông tin về cổ đông sáng lập	109
Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội không có cổ đông sáng lập đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng.	109
2. Thông tin về cổ đông lớn.....	109
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng	127
3.1. Hội đồng quản trị.....	127
3.2. Ban kiểm soát	137
3.3. Ban Tổng Giám đốc.....	140
3.4. Kế toán trưởng.....	142
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	144
1. Loại cổ phiếu	144
2. Mệnh giá cổ phiếu	144
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán	144
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá	144
5. Giá chào bán dự kiến	144
6. Phương pháp tính giá.....	144
7. Phương thức phân phối.....	144

7.1. Phân phối và thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu phát hành thêm (“quyền mua”)	144
7.2. Chuyển nhượng quyền mua:	145
8. Đăng ký mua cổ phiếu	145
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu	146
10. Phương thức thực hiện quyền	148
11. Phương án xử lý cổ phiếu không chào bán hết và cổ phiếu lẻ phát sinh	148
12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu	149
13. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu	149
14. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của tổ chức phát hành.....	149
15. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài	149
16. Các loại thuế có liên quan	150
16.1. Đối với Công ty	150
16.2. Đối với nhà đầu tư	151
17. Thông tin về các cam kết	152
18. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt: ..	152
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	153
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	153
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	156
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	157
XII. PHỤ LỤC	157

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020	11
Hình 2. Chỉ số lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2011- 2020.....	12
Hình 3. Sơ đồ cơ cấu tổ chức và cơ cấu bộ máy quản lý của công ty	28
Hình 4. Một số hình ảnh về sản phẩm của Công ty:.....	35
Hình 5. Quy mô của các doanh nghiệp sản xuất dược phẩm năm 2020.....	75
Hình 6. Hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất dược phẩm năm 2020	76

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật ngành Dược	14
Bảng 2. Mức độ pha loãng EPS và BVPS	19
Bảng 3. Quá trình tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành	31
Bảng 4. Cơ cấu cổ đông tại ngày 01/11/2021	34
Bảng 5. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	36
Bảng 6. Sản lượng sản xuất giai đoạn 2019 – 2021	36
Bảng 7. Phân loại doanh thu thuần theo nhóm kênh bán hàng.....	37
Bảng 8. Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.....	37
Bảng 9. Giá trị tài sản cố định tại ngày 30/09/2021	38
Bảng 10. Giá trị tài sản lớn.....	38
Bảng 11. Danh sách đất đai, nhà xưởng	40
Bảng 12. Cơ cấu doanh thu thuần theo thị trường hoạt động.....	41
Bảng 13. Danh mục các hợp đồng lớn	44
Bảng 14. Các khách hàng lớn của CPC1 Hà Nội	59
Bảng 15. Các nhà cung cấp lớn của CPC1 Hà Nội.	72
Bảng 16. Danh sách nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp Công ty đã được cấp bằng bảo hộ	79
Bảng 17. Danh sách nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp Công ty đã nộp hồ sơ xin cấp bằng bảo hộ.....	83
Bảng 18. Số lượng và cơ cấu người lao động tại thời điểm 30/09/2021	90
Bảng 19. Bảng số lượng và thu nhập người lao động trong Công ty trong năm 2019, 2020... ..	91
Bảng 20. Một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	93
Bảng 21. Vốn chủ sở hữu	96
Bảng 22. Tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu năm 2019, 2020 và 9 tháng đầu năm 2021	96
Bảng 23. Bảng trích khấu hao	98
Bảng 24. Tình hình các khoản phải thu.....	98

Bảng 25. Chi tiết các khoản nợ phải thu quá hạn ngày 30/09/2021	99
Bảng 26. Tình hình các khoản phải trả.....	99
Bảng 27. Tình hình vay nợ	100
Bảng 28. Chi tiết khoản vay cá nhân.....	100
Bảng 29. Thuế và các khoản thu, phải nộp Nhà nước.....	101
Bảng 30. Khoản mục chậm nộp thuế năm 2019.....	102
Bảng 31. Trích lập các quỹ theo luật định trong năm.....	103
Bảng 32. Một số Chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty.....	104
Bảng 33. Bảng Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức	106
Bảng 34. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 01/11/2021	109
Bảng 35. Số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phần của Cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn.....	111
Bảng 36. Các hợp đồng, giao dịch giữa CPC1 Hà Nội với cổ đông lớn và những người có liên quan	112
Bảng 37. Danh sách các doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực hoặc là khách hàng lớn mà cổ đông lớn có lợi ích liên quan.....	122
Bảng 38. Thời gian dự kiến của đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	147
Bảng 39. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán	153

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Ông Lê Nam Thắng	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Thanh Bình	Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Bà Đặng Thị Thu Thủy	Chức vụ: Kế toán trưởng kiêm Người phụ trách quản trị Công ty
Bà Trần Thụy Khanh	Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, Chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN

Bà Lê Thị Thanh Bình	Chức vụ Tổng Giám đốc
----------------------	-----------------------

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Asean tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 02/HĐTV/2021/DTP – Asean Securities ký ngày 22/01/2021 với Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Rủi ro về kinh tế là loại rủi ro hệ thống thông qua những biến động như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, ...có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế nói chung và lĩnh vực hoạt động của Công ty nói riêng. Vì vậy, việc phân tích các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế sẽ làm rõ mức độ tác động của loại rủi ro này cũng như đưa ra được các biện pháp hạn chế, khắc phục mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, GDP năm 2019 đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 7,02%, cao hơn mức tăng của các năm 2011-2017. Tốc độ tăng trưởng kinh tế vẫn theo đà đi lên kể từ năm 2012.

Năm 2020, đại dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (Covid-19) bùng phát mạnh đã ảnh hưởng tới nền kinh tế toàn cầu. Nhờ sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cùng với sự vào cuộc của cộng đồng doanh nghiệp và người dân để đẩy lùi dịch bệnh, duy trì các hoạt động sản xuất kinh doanh, tác động y tế và kinh tế của dịch bệnh không nghiêm trọng như nhiều quốc gia khác. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2020, đạt mức 2,91%, là mức tăng thấp nhất trong giai đoạn thống kê 2011-2020.

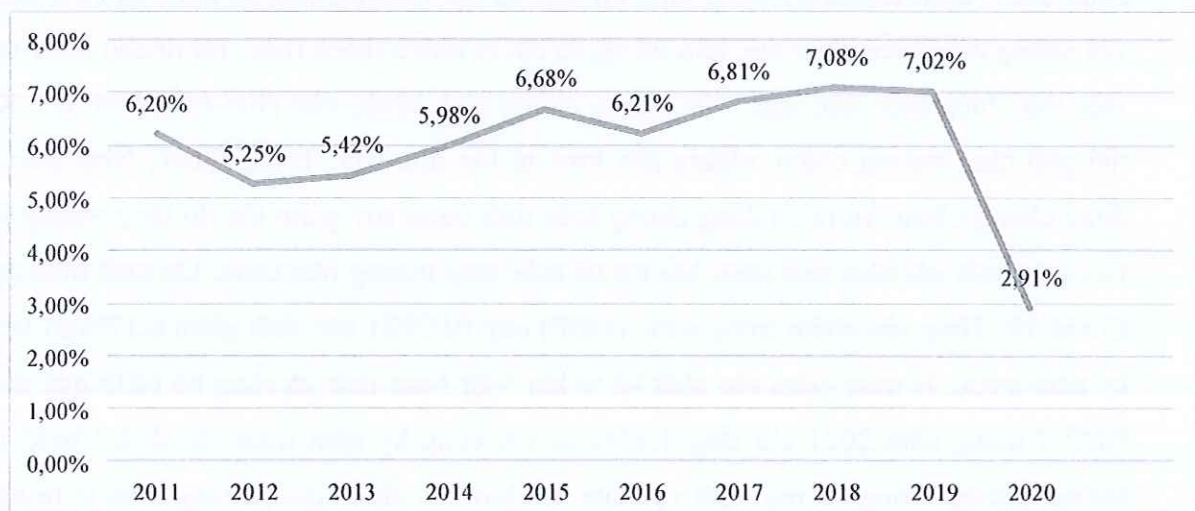
Năm 2021, dịch Covid-19 bùng phát tại một số địa phương trên cả nước từ cuối tháng Tư với những diễn biến phức tạp, khó lường đã đặt ra nhiều thách thức, rủi ro cho nước ta trong việc thực hiện mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế”. Kinh tế thế giới tăng trưởng chậm, những nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Cộng đồng chung Châu Âu (EU) đang chứng kiến tình trạng suy giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế và có thể mất vài năm mới phục hồi trở lại mức tăng trưởng như trước khi xuất hiện đại dịch Covid-19. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý III/2021 ước tính giảm 6,17% so với cùng kỳ năm trước, là mức giảm sâu nhất kể từ khi Việt Nam tính và công bố GDP quý đến nay. GDP 9 tháng năm 2021 chỉ tăng 1,42% so với cùng kỳ năm trước do dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh. (Theo số liệu của Tổng cục Thống kê).

Theo Báo cáo cập nhật Triển vọng Phát triển Châu Á (ADO) 2021, kinh tế Việt Nam dự kiến đạt mức tăng trưởng 3,8% trong năm nay và 6,5% vào năm 2022. Lạm phát dự báo sẽ được kiềm chế trong năm 2021 và 2022 do tốc độ tăng trưởng chậm lại.¹

Trong báo cáo cập nhật kinh tế Đông Á và Thái Bình Dương kỳ mùa thu vừa được phát hành, Ngân hàng thế giới (World Bank) dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam có thể đạt khoảng 4,8% trong năm 2021. Còn trong dài hạn, World Bank dự báo kinh tế Việt Nam tăng trưởng ở mức 6,5 đến 7% từ năm 2022 trở đi. Theo World Bank, những dự báo này được tính toán trên giả định là các biện pháp hạn chế đi lại sẽ giúp kiểm soát lây nhiễm thành công vào cuối quý III để nền kinh tế bật lại vào quý IV/2021.

Sự phát triển trong đời sống người dân đã kéo theo nhu cầu về chăm sóc sức khỏe tăng lên. Cũng từ đó, ngành dược phẩm là ngành được cả xã hội quan tâm cả về chất lẫn về lượng. Việt Nam hiện được xếp vào nhóm những nước có ngành dược mới nổi (Pharmerging-theo phân loại của tổ chức IQVIA Institute). Dân số đang bước vào giai đoạn “già hóa” (World Bank cảnh báo, Việt Nam đang trải qua giai đoạn tốc độ già hóa dân số nhanh nhất từ trước tới nay, tỷ trọng dân số từ 65 tuổi trở lên là 6,5% vào năm 2017, dự kiến sẽ đạt 21% vào năm 2050), đồng nghĩa với nhu cầu về dược phẩm, vật tư y tế phải đáp ứng kịp thời và đầy đủ. Nielsen nhận định, sức khỏe luôn là một trong hai mối quan ngại hàng đầu của người tiêu dùng Việt Nam. Tuy nhiên, với tình hình dịch bệnh hiện nay sẽ đặt ra nhiều thách thức cho Công ty trong thời gian sắp tới.

Hình 1. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020



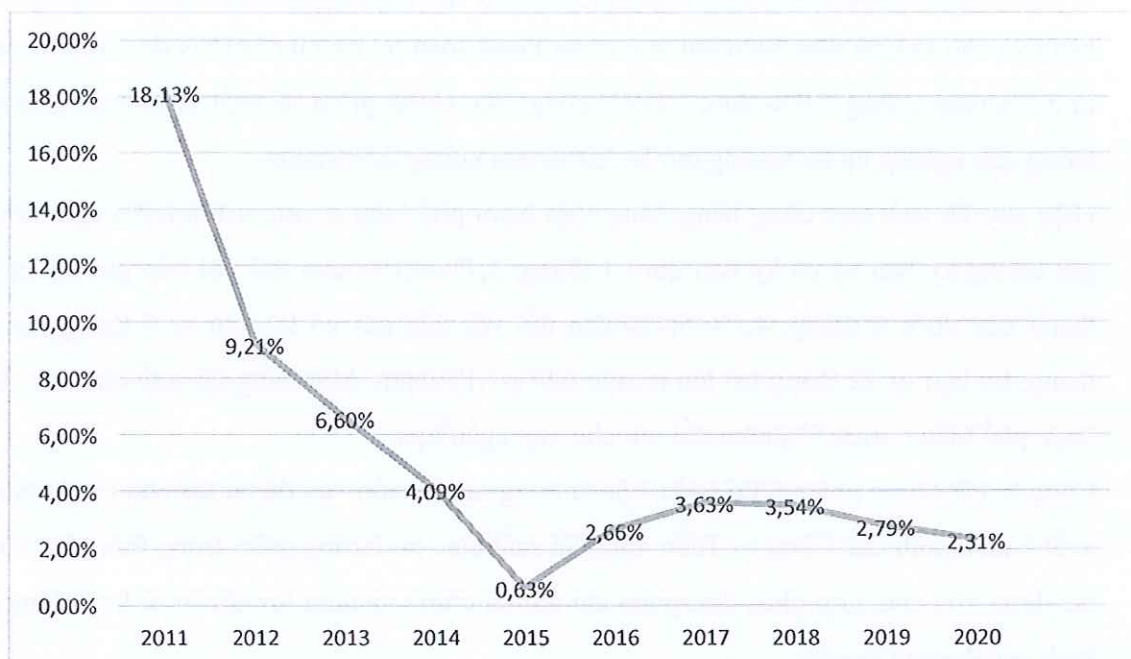
(Nguồn: Tổng Cục Thống kê)

¹ (Nguồn: <https://www.adb.org/vi/news/viet-nam-economy-slow-down-covid-19-adb-bullish-economic-growth-medium-longer-term>)

1.2. Lạm phát

Lạm phát là yếu tố vĩ mô có tác động đến toàn bộ nền kinh tế, ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Trong những năm gần đây, Chính phủ đã triển khai quyết liệt các biện pháp kiềm chế lạm phát và ổn định vĩ mô, nhờ đó mà từ năm 2015 trở lại đây, lạm phát ổn định ở mức thấp. CPI năm 2019 là tăng 2,79% so với bình quân năm 2018. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2020 tăng 2,31% so với bình quân năm 2019. Lạm phát cơ bản tháng 9/2021 giảm 0,26% so với tháng trước, tăng 0,74% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân 9 tháng năm 2021 tăng 0,88% so với bình quân cùng kỳ năm 2020. (Nguồn Tổng cục thống kê). Tuy nhiên, theo ý kiến của các chuyên gia, rủi ro lạm phát trên thế giới vẫn tăng cao sẽ có tác động gián tiếp tới nước ta, khi giá nhiều loại nguyên, nhiên, vật liệu tiếp tục ở mức cao như xăng dầu, gas, thép khiến giá hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam tăng, gia tăng tỷ lệ “nhập khẩu lạm phát”.²

Hình 2. Chỉ số lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2011- 2020



(Nguồn: Tổng Cục Thống kê)

Hoạt động kinh doanh của CPC1 Hà Nội luôn chịu tác động trực tiếp và gián tiếp từ những thay đổi trong mặt bằng giá. Sự biến động của lạm phát sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới giá cả nguyên vật liệu đầu vào cũng như các kế hoạch đầu tư, kinh doanh của Công ty. Công ty luôn chủ động trong việc ký kết các hợp đồng cung cấp nguyên liệu, đa dạng hóa nhà cung cấp và dự trữ nguyên vật liệu tồn kho phù hợp.

² <https://vneconomy.vn/6-thang-cuoi-nam-nguy-co-nhap-khau-lam-phat.htm>

1.3. Rủi ro về lãi suất

Đối với một doanh nghiệp sản xuất thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao ảnh hưởng tới lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất giữa các doanh nghiệp khác nhau tùy vào cơ cấu nợ vay. Sự biến động của lãi suất sẽ tác động trực tiếp đến các chi phí lãi vay hàng năm của Doanh nghiệp.

Năm 2019, mặt bằng lãi suất cho vay VND duy trì ở mức 6,0% - 9,0%/năm đối với vay ngắn hạn. Mặc dù NHNN có những động thái giảm trần lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VND nhưng chỉ áp dụng cho các lĩnh vực ưu tiên.

Từ năm 2020, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) tiếp tục điều hành chính sách lãi suất theo hướng giảm dần. Trong năm 2020, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã 3 lần điều chỉnh giảm các mức lãi suất điều hành để hỗ trợ thanh khoản cho các tổ chức tín dụng, giảm chi phí vay vốn của doanh nghiệp và người dân làm mặt bằng lãi suất trên thị trường có xu hướng giảm. Hiện nay, lãi suất tái cấp vốn giảm từ 4,5%/năm xuống 4,0%/năm; lãi suất tái chiết khấu từ 3,0%/năm xuống 2,5%/năm; lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với các ngân hàng từ 5,5%/năm xuống 5,0%/năm. NHNN cũng điều chỉnh giảm lãi suất chào mua giấy tờ có giá thông qua nghiệp vụ thị trường mở từ 3,0%/năm xuống 2,5%/năm.

Hiện nay lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam phổ biến ở mức 0,1%-0,2%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 3,7%-4,1%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 4,4%-6,4%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên ở mức 6,0%-7,1%/năm. Mặt bằng lãi suất cho vay đồng Việt Nam phổ biến ở mức 5%/năm đối với cho vay ngắn hạn.

Công ty CP Dược phẩm CPC1 Hà Nội sử dụng nguồn vốn vay để tài trợ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Biến động lãi suất theo xu hướng giảm trong thời gian vừa qua có tác dụng tích cực, góp phần làm giảm chi phí tài chính và tăng lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để giảm thiểu rủi ro biến động về lãi suất, Công ty luôn chủ động theo dõi tình hình lãi suất để đưa ra những quyết định đúng đắn và đúng lúc.

2. Rủi ro về luật pháp

Ngành Dược là một trong những ngành chịu nhiều tác động bởi sự quản lý của Nhà nước. Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản pháp lý để quản lý Ngành Dược bao gồm các văn bản liên quan đến các vấn đề những chính sách của Nhà nước về lĩnh vực dược, quản lý của Nhà nước về giá thuốc, điều kiện kinh doanh thuốc, quản lý thuốc thuộc danh mục phải kiểm soát đặc biệt, tiêu chuẩn chất lượng thuốc, cơ sở kiểm nghiệm thuốc... Tiêu biểu như Luật Dược

số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016 chính thức có hiệu lực ngày 01/01/2017, các văn bản dưới luật như Nghị định số 54/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược, Thông tư số 02/2018/TT-BYT Quy định về thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc, Thông tư số 11/2018/TT-BYT quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc. Năm 2019, Bộ Y tế vừa ban hành Thông tư 15/2019/TT-BYT qui định việc đấu thầu thuốc trong các cơ sở y tế công lập. Với những quy định nghiêm ngặt trong việc quản lý công tác đấu thầu, cung ứng thuốc, Công ty sẽ gặp không ít những khó khăn trong công tác bán hàng qua kênh hệ điều trị. Tuy nhiên, để giảm thiểu những rủi ro này Công ty luôn chủ động cải thiện nội lực, áp dụng các tiêu chuẩn mới phù hợp với Luật hiện hành đảm bảo điều kiện kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Bảng 1. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật ngành Dược

STT	Tên văn bản	Số hiệu	Ngày ban hành	Nội dung chính	Ảnh hưởng đối với CPC1 Hà Nội
1	Thông tư 15/2020/TT-BYT về Danh mục thuốc đấu thầu, Danh mục thuốc đấu thầu tập trung, Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá do Bộ Y tế ban hành	15/2020/TT-BYT	08/10/2020	Quy định nguyên tắc, tiêu chí xây dựng và ban hành Danh mục thuốc đấu thầu, Danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp quốc gia, Danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp địa phương, Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT	Thông tư 15/2020/TT-BYT đưa ra một khái niệm về các nước SRA. CPC1 Hà Nội đang hướng tới mục tiêu xây dựng nhà máy đạt tiêu chuẩn EU-GMP
2	Thông tư 35/2018/TT-BYT quy định về Thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành	35/2018/TT-BYT	22/11/2018	Quy định việc công bố áp dụng, ban hành và đánh giá việc đáp ứng Thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc.	CPC1 Hà Nội đã đạt tiêu chuẩn GMP từ năm 2014, hiện đang có hệ thống các nhà xưởng thuốc sinh phẩm, thuốc vô trùng và thuốc không vô trùng

STT	Tên văn bản	Số hiệu	Ngày ban hành	Nội dung chính	Ảnh hưởng đối với CPC1 Hà Nội
3	Thông tư 36/2018/TT-BYT quy định về Thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành	36/2018/TT-BYT	22/11/2016	Quy định việc công bố áp dụng, ban hành và đánh giá việc đáp ứng Thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc.	Liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc
4	Thông tư 03/2018/TT-BYT quy định về Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành	03/2018/TT-BYT	02/09/2018	Quy định việc công bố áp dụng và đánh giá việc đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc.	CPC1 Hà Nội có hệ thống phân phối thuốc đạt chuẩn GDP trên 3 miền Bắc - Trung - Nam
5	Thông tư 04/2018/TT-BYT về quy định Thực hành tốt phòng thí nghiệm do Bộ Y tế ban hành	04/2018/TT-BYT	02/09/2018	Quy định việc công bố áp dụng và đánh giá việc đáp ứng Thực hành tốt phòng thí nghiệm.	CPC1 Hà Nội có phòng thí nghiệm tại nhà máy đạt tiêu chuẩn GLP

Bên cạnh đó, các doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Dược, Luật Chứng khoán, các Văn bản dưới luật và các Luật khác. Trong những năm gần đây, nhằm đáp ứng nhu cầu hội nhập sâu rộng trên trường quốc tế, ký kết nhiều hiệp định, các văn bản Luật dần được ban hành mới. Trong đó, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 26/11/2019, Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020. Hệ thống pháp luật đang trong giai đoạn hoàn thiện với nhiều sửa đổi bổ sung dẫn đến sự thay đổi và có thể phát sinh bất cập, ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Do đó, Công ty luôn chủ động tìm hiểu và cập nhật những thông tin, kiến thức về luật nhằm tuân thủ các điều luật, nâng cao tính minh bạch và hiệu quả của hoạt động của công ty.

3. Rủi ro đặc thù (ngành, lĩnh vực hoạt động)

3.1. Rủi ro biến động giá nguyên liệu

Đối với mặt hàng dược phẩm, chi phí nguyên vật liệu thường chiếm khoảng 80% tổng chi phí và 60% doanh thu. Vì vậy, sự biến động của giá cả nguyên vật liệu ảnh hưởng lớn đến biên lợi nhuận sản xuất của Công ty, đặc biệt trong tình hình giá bán bị kiểm soát bởi Cục Quản lý dược Việt Nam. Ngoài ra, công nghệ hóa dược Việt Nam vẫn chưa theo kịp trình độ của các nước phát triển trên thế giới nên hầu hết nguyên liệu sản xuất dược phẩm tại Việt Nam đều phải nhập khẩu.

Chịu ảnh hưởng chung từ dịch bệnh Covid-19, các nước phải thực hiện đóng cửa hoặc hạn chế xuất khẩu, nhập khẩu trong nửa đầu năm 2020 và đầu năm 2021. Điều này phần nào ảnh hưởng đến việc nhập khẩu nguyên vật liệu đầu vào để sản xuất của CPC1 Hà Nội. Tình hình dịch bệnh trong nước và Trung Quốc là 02 thị trường cung cấp nguyên vật liệu sản xuất chủ yếu được kiểm soát tốt nên kế hoạch về sản xuất không bị ảnh hưởng. Về hàng hóa nhập khẩu phân phối từ thị trường Châu Âu vẫn đúng kế hoạch, riêng với Ấn Độ vẫn còn duy trì các lệnh phong tỏa sẽ gây khó khăn đến kế hoạch bán hàng của Công ty nếu như dịch bệnh không được kiểm soát tốt ở quốc gia này.

Do bất ổn về thiên tai, dịch bệnh đã tác động đến việc gia tăng dự trữ nguồn nguyên liệu dự phòng của các quốc gia và làm gia tăng giá nguyên liệu. Bên cạnh đó, do ảnh hưởng của lạm phát, trong thời gian gần đây giá cả phần lớn các nguyên vật liệu cũng như hàng hóa đều tăng. Nếu tình trạng tăng giá nguyên vật liệu kéo dài thì thị trường sẽ đồng loạt điều chỉnh giá bán ra sản phẩm cho tất cả các ngành hàng, khi đó, Công ty có thể tăng giá bán ra, doanh thu tăng và triệt tiêu được ảnh hưởng về rủi ro giá nguyên vật liệu đến lợi nhuận của Công ty. Ngoài ra, để góp phần hạn chế rủi ro này, Công ty đã thiết lập và duy trì mối quan hệ lâu dài với các nhà cung cấp lớn trên thị trường để đảm bảo có thể chủ động nguồn nguyên liệu và hàng hóa với giá cả ổn định. Bên cạnh đó, Công ty luôn tăng cường công tác dự báo thị trường để có thể chủ động và có kế hoạch dự trữ nguyên vật liệu hợp lý, giảm thiểu tác động trong những giai đoạn giá cả thị trường có sự biến động mạnh.

3.2. Rủi ro tỷ giá hối đoái

Nguồn nguyên liệu để sản xuất các sản phẩm của Công ty phần lớn được nhập khẩu từ nước ngoài. Do đó giá cả nguyên vật liệu có thể bị tác động bởi những biến động về tỷ giá hối đoái. Để giảm thiểu ảnh hưởng về rủi ro tỷ giá, Công ty đã tiến hành dự báo biến động giá cả của nguyên vật liệu vào thời điểm thích hợp. Trong những năm gần đây, mức dao động tỷ giá khá

thấp, việc dự báo tỷ giá trong ngắn hạn cũng không quá khó khăn. Vì vậy, hoạt động xuất nhập khẩu của Công ty đã phần nào chịu ít hơn ảnh hưởng của biến động tỷ giá.

3.3. Rủi ro ngành

Thuốc là hàng hóa đặc biệt, có thời hạn sử dụng và liên quan đến sức khỏe và sự an toàn của con người; tốn kém nhiều chi phí và thời gian đầu tư nghiên cứu sản phẩm. Nguyên liệu và sản phẩm thuốc có thời hạn nên nếu chậm luân chuyển sẽ tốn thêm chi phí tiêu hủy cho Doanh nghiệp. Do vậy, Công ty luôn tập trung xây dựng kế hoạch tiêu thụ và luân chuyển sản phẩm một cách hợp lý để hạn chế rủi ro này.

Sự gia nhập ngành của các doanh nghiệp dược mới làm gia tăng sức ép cạnh tranh giữa các công ty trên thị trường nội địa. Ngoài ra, việc Việt Nam gia nhập WTO cùng với sự dỡ bỏ các hàng rào thuế quan và các hạn chế liên quan đến việc kinh doanh xuất nhập khẩu dược phẩm sẽ tạo cơ hội cho nhiều doanh nghiệp dược phẩm nước ngoài tham gia vào thị trường Việt Nam và có thể dẫn đến sự cạnh tranh không cân sức ngay trên sân nhà. Để khắc phục ảnh hưởng của rủi ro cạnh tranh, Công ty luôn chú trọng đầu tư khoa học công nghệ, nguồn nhân lực, nghiên cứu phát triển, cải tiến không ngừng, cho ra đời những sản phẩm độc đáo có chất lượng với giá thành hợp lý, có tính cạnh tranh cao; hệ thống phân phối ngày càng mở rộng đáp ứng kịp thời nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.

3.4. Rủi ro cạnh tranh

Việc thực hiện các Hiệp định thương mại tự do (FTA), hình thành cộng đồng ASEAN vào đầu năm 2019, Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTTP) có hiệu lực sẽ mở ra cơ hội và không gian phát triển rộng lớn hơn, nhưng thách thức cũng lớn hơn đối với các doanh nghiệp Ngành Dược. Tiến trình này sẽ thu hút mạnh các nhà đầu tư ngoại tham gia vào nền kinh tế, tạo nên sự đa dạng trong cả cung và cầu, song song đó là sự cạnh tranh mạnh mẽ do hội nhập mang lại, nhất là cạnh tranh ngày càng gay gắt ngay cả trên thị trường trong nước. Mặc dù hiện nay, kênh phân phối của CPC1 Hà Nội đã trải rộng khắp cả nước, tuy nhiên mức độ cạnh tranh trong những năm tới có thể gia tăng do các doanh nghiệp với nguồn tài chính ổn định như: Dược Hậu Giang, Trapharco... đang đẩy mạnh mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm chiếm lĩnh thị trường dược cả trong và ngoài nước. Trong bối cảnh đó, CPC1 Hà Nội sẽ tiếp tục đẩy mạnh đa dạng các kênh phân phối, xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu, xây dựng đội ngũ nghiên cứu viên vững về chuyên môn, đội ngũ nhân viên kinh doanh linh hoạt trong triển khai sản phẩm để nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, giữ vững thị phần, vị thế của Công ty, tăng tính cạnh tranh với các doanh nghiệp trong ngành.

3.5. Rủi ro hàng giả, hàng nhái

Mặc dù Chính phủ luôn có nhiều biện pháp nhằm bảo vệ nhãn hiệu hàng hóa sản xuất trong nước nhưng hàng giả, hàng nhái, hàng nhập lậu xuất hiện ngày càng phổ biến và tinh vi trên thị trường. Theo thống kê của Cục Sở hữu trí tuệ cho thấy, mỗi năm có hơn 3000 trường hợp vi phạm nhãn hiệu hàng hóa và cạnh tranh không lành mạnh. Bên cạnh những nỗ lực của Công ty trong việc chống hàng giả, hàng nhái, thì sự hỗ trợ của cơ quan quản lý Nhà nước là rất cần thiết trong việc hạn chế và loại bỏ hàng giả, hàng nhái các mặt hàng thuốc tân dược, nhằm đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng. Các cơ quan quản lý chuyên ngành thuộc Chính phủ và chính quyền địa phương cần phải tăng cường các biện pháp nhằm sớm loại bỏ hàng giả, hàng nhái, hàng nhập lậu ra khỏi thị trường thì hoạt động sản xuất, kinh doanh Ngành Dược phẩm mới thuận lợi và lành mạnh.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Quá trình tổ chức chào bán cổ phiếu cũng như sau khi đợt chào bán kết thúc luôn tiềm ẩn những rủi ro nhất định như số lượng chứng khoán chào bán không đạt được như mục tiêu đề ra của phương án phát hành hoặc Công ty không thu được số tiền như đã dự kiến, ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch mở rộng huy động vốn của Công ty. Thêm nữa, khi phát hành thêm cổ phiếu thì Công ty còn phải tính thêm đến rủi ro pha loãng với khả năng số lượng cổ phiếu lưu hành tăng trong khi lợi nhuận vẫn giữ nguyên hoặc không đạt mức kỳ vọng so với mức vốn điều lệ mới, nghĩa là thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) giảm đi.

Trong quá trình tổ chức chào bán cổ phiếu cũng như sau khi đợt chào bán kết thúc luôn tiềm ẩn những rủi ro nhất định. Tuy nhiên, với một chiến lược định hướng phát triển ổn định, năng lực tài chính vững mạnh, thương hiệu đã được khẳng định nên cổ phiếu của Công ty luôn có sức hấp dẫn nhất định trên thị trường. Tình hình kinh tế vĩ mô nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng được đánh giá là đã bước qua đáy của đợt khủng hoảng để vào giai đoạn phục hồi. Tín hiệu tích cực từ nền kinh tế sẽ tạo nên niềm tin của nhà đầu tư vào sự phát triển của Công ty trong thời gian tới.

5. Rủi ro pha loãng

Việc phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu có thể xuất hiện rủi ro pha loãng, bao gồm:

- (i) Pha loãng Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS)
- (ii) Pha loãng Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BVPS)
- (iii) Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết
- (iv) Pha loãng giá giao dịch cổ phiếu

➤ Về pha loãng Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS)

Công thức tính:

$$EPS = \frac{\text{Lãi (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Lượng cổ phiếu phát hành thêm sẽ làm tăng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty CP Dược phẩm CPC1 Hà Nội dẫn tới sự pha loãng giá trị cổ phiếu.

Trong điều kiện doanh thu và lợi nhuận chưa tăng kịp so với tốc độ tăng trưởng của vốn điều lệ, thu nhập trên cổ phiếu sẽ bị giảm do lợi nhuận sau thuế của Công ty CP Dược phẩm CPC1 Hà Nội được chia cho số lượng cổ phiếu nhiều hơn.

➤ Về pha loãng Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BVPS)

Công thức tính:

$$BVPS = \frac{\text{Giá trị vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Tại thời điểm kết thúc đợt chào bán, nếu tốc độ tăng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần đang lưu hành sau đợt phát hành thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm.

Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2019, 2020 (theo BCTC đã được kiểm toán) và kế hoạch kinh doanh năm 2021 của CPC1 Hà Nội và với giả định CPC1 Hà Nội hoàn thành đợt phát hành, cổ phiếu được chuyển giao cho nhà đầu tư vào quý IV/2021, ảnh hưởng của việc chào bán cổ phiếu lên giá trị sổ sách và EPS được xác định như sau:

Bảng 2. Mức độ pha loãng EPS và BVPS

Giả định ngày 31/12/2021 là ngày hoàn tất đợt phát hành

Chỉ tiêu	Đơn vị	Công thức tính	Giá trị (triệu đồng)
Lợi nhuận sau thuế năm 2020	triệu đồng	(1)	97.210,60
Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2020	triệu đồng	(2)	359.594,52
Lợi nhuận sau thuế năm 2021 (dự kiến)	triệu đồng	(3)	117.000,00
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trước đợt phát hành	cổ phiếu	(4)	12.171.782
Vốn chủ sở hữu dự kiến năm 2021 (nếu không phát hành)	triệu đồng	(5)	458.759
Vốn chủ sở hữu dự kiến năm 2021 (sau phát hành, giả sử hoàn tất phát hành trong tháng 12/2021)	triệu đồng	(6)	503.389
Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán chứng khoán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	Cổ phiếu	(7)	4.057.260

Chỉ tiêu	Đơn vị	Công thức tính	Giá trị (triệu đồng)
Tổng số lượng cổ phiếu lưu hành dự kiến năm 2021 (nếu không phát hành)	cổ phiếu	(8)	12.171.782
Tổng số lượng cổ phiếu lưu hành dự kiến năm 2021 (sau phát hành)	cổ phiếu	(9)=(6)+(7)	16.229.042
Tổng số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân dự kiến năm 2021 (sau khi phát hành)	cổ phiếu	(10)=[(8)*10+(9)*2]/12	12.182.897
Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2020	đồng/cổ phiếu	(11)=(2)/(4)	29.543
Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2021 dự kiến (nếu không phát hành)	đồng/cổ phiếu	(12)=(6)/(4)	37.690
Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2021 dự kiến (sau phát hành)	đồng/cổ phiếu	(13)=(6)/(9)	31.018
EPS năm 2020	đồng/cổ phiếu	(14)=(1)/(4)	7.987
EPS dự kiến năm 2021 (nếu không phát hành)	đồng/cổ phiếu	(15)=(3)/(8)	9.612
EPS dự kiến năm 2021 (sau phát hành)	đồng/cổ phiếu	(16)=(3)/(10)	9.604

Như vậy, do ảnh hưởng của việc phát hành thêm làm cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành tăng lên, EPS dự kiến năm 2021 có thể bị pha loãng từ 9.612 đồng/cổ phiếu xuống 9.604 đồng/cổ phiếu và giá trị sổ sách dự kiến tại 31/12/2021 sẽ bị pha loãng từ 37.690 đồng/cổ phiếu xuống còn 31.018 đồng/cổ phiếu.

➤ **Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết**

Tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông đang sở hữu).

➤ **Pha loãng giá giao dịch cổ phiếu**

Tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu, giá của cổ phiếu Công ty sẽ được thị trường điều chỉnh kỹ thuật theo công thức sau:

$$\text{Giá thị trường (điều chỉnh)} = (PR_{(t-1)} + PR * a) / (1 + a)$$

Trong đó:

- + $PR_{(t-1)}$: Giá giao dịch của cổ phiếu Công ty tại ngày trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền
- + PR : Giá phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu

+ a: Tỷ lệ vốn tăng (số lượng cổ phiếu chào bán/số lượng cổ phiếu đang lưu hành)

Ví dụ: Giá giao dịch của cổ phiếu DTP ngày trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền là 100.000 đồng/ cổ phiếu. Giá phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu là 11.000 đồng/ cổ phiếu. Tỷ lệ chào bán cho cổ đông hiện hữu là 1: 0,333333). Như vậy, giá thị trường điều chỉnh là:

Giá thị trường (điều chỉnh) = $(100.000 + 11.000 * 0,333333) / (1 + 0,333333) = 77.750$ đồng/CP.

6. **Rủi ro quản trị công ty**

Bao gồm toàn bộ các yếu tố có khả năng làm cho doanh nghiệp chịu thiệt hại về mặt lợi ích. Các yếu tố có thể xuất phát từ nguyên nhân chủ quan hoặc khách quan, ảnh hưởng trực tiếp đến công tác quản trị tài chính, nhân sự, năng suất hoạt động sản xuất kinh doanh, thương hiệu... Các rủi ro chủ quan chủ yếu là do con người tạo nên, phát sinh từ sai lầm của cả cấp lãnh đạo, cán bộ quản lý và người lao động. Ngược lại, các sự kiện bất khả kháng, sự thay đổi đột ngột của các văn bản luật, biến động thị trường... là các rủi ro khách quan, vượt khỏi tầm kiểm soát của con người. Vì thế, doanh nghiệp yêu cầu phải có đủ khả năng nhận biết, đánh giá và khắc phục các yếu tố rủi ro này để đảm bảo việc quản trị doanh nghiệp được thực hiện một cách ổn định và có hiệu quả.

Trong quá trình hoạt động, để giảm thiểu các rủi ro có thể xảy ra về mặt quản trị, Công ty luôn có kế hoạch rà soát lại các chính sách, quy trình nội bộ, thủ tục nghiệp vụ để đảm bảo rằng mọi quyết định, hoạt động của cấp quản lý luôn chính xác và mang lại lợi ích thiết thực cho Công ty. Các cán bộ quản lý cao cấp chịu trách nhiệm giám sát và kiểm tra trực tiếp hoạt động của các cán bộ quản lý cấp thấp hơn nhằm đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành. Để đảm bảo luôn cập nhật nhanh, đúng và đầy đủ các văn bản pháp luật, Ban lãnh đạo Công ty tận dụng tối đa các nguồn lực sẵn có để hỗ trợ cấp lãnh đạo trong việc đưa ra các quyết định quan trọng liên quan đến Công ty.

Cơ cấu điều hành và quản trị của Công ty được thiết lập và tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan. Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, hệ thống quản trị của Công ty còn được kiểm soát bởi Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ngoài ra, với kinh nghiệm lâu năm trong ngành giúp đội ngũ quản trị của Công ty có đủ khả năng nhận biết, đánh giá và khắc phục các yếu tố rủi ro để đảm bảo việc quản trị doanh nghiệp được thực hiện một cách ổn định và có hiệu quả.

7. Rủi ro khác

Giá cổ phiếu của Công ty không thể không tránh khỏi những biến động chung của thị trường chứng khoán Việt Nam và thị trường chứng khoán thế giới. Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh... Nếu xảy ra, những rủi ro đó sẽ có thể gây thiệt hại về con người, tài sản của Công ty hoặc làm cho số lượng khách hàng của Công ty bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

- **Bản cáo bạch** : Bản cáo bạch phát hành ra công chúng cho cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
- **BCTC** : Báo cáo tài chính
- **CBCNV** : Cán bộ, công nhân viên
- **CBTT** : Công bố thông tin
- **CPC1 Hà Nội/DTP/Công ty/Tổ chức phát hành** : Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
- **CTCP** : Công ty Cổ phần
- **CTCK** : Công ty Chứng khoán
- **ĐHĐCĐ** : Đại hội đồng cổ đông
- **Điều lệ** : Điều lệ Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
- **DTT** : Doanh thu thuần
- **ĐVT** : Đơn vị tính
- **EPS** : Earning Per Share - Là lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu
- **Giấy CN ĐKKD** : Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh
- **HĐQT** : Hội đồng Quản trị
- **LNST** : Lợi nhuận sau thuế

- NHNN : Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- Covid-19 : Dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona
- SARS-CoV-2 : Dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona
- SXKD : Sản xuất kinh doanh
- Thuế GTGT : Thuế Giá trị gia tăng
- Thuế TNCN : Thuế Thu nhập cá nhân
- Thuế TNDN : Thuế Thu nhập doanh nghiệp
- TNHH : Trách nhiệm hữu hạn
- TSCĐ : Tài sản cố định
- TTCK : Thị trường chứng khoán
- TPCN : Thực phẩm chức năng
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- TTLK/VSD : Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
- Luật Doanh nghiệp : Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 năm 2020 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua
- Luật Chứng khoán : Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 năm 2020 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua
- WHO : Tổ chức Y tế thế giới
- GMP : Thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc
- GDP : Thực hành tốt phân phối thuốc
- GSP : Thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc

Các từ ngữ, khái niệm khác được sử dụng trong Bản Cáo Bạch này nhưng không được giải thích/định nghĩa trong mục này sẽ có nghĩa như được giải thích/định nghĩa trong các mục khác của Bản Cáo Bạch này.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

- Tên tiếng Việt: : Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
- Tên tiếng Anh : Ha Noi CPC1 Pharmaceutical Joint Stock Company
- Tên viết tắt : CPC1 HN., JSC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104089394 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/08/2009 và thay đổi lần thứ 14 ngày 10/11/2017
- Địa chỉ trụ sở chính : Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội
- Chi nhánh Công ty
 - Chi nhánh Hà Nội : Số 356A, đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
 - Chi nhánh Đà Nẵng : Lô 144-B2-2 đường Hoàng Thị Loan, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
 - Chi nhánh TP. HCM : Số 26 - 28, đường Hàn Mạc Tử, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại : 0243.3765503
- Fax : 0243.3765504
- Website : <http://cpc1hn.com.vn>
- Vốn điều lệ : 121.717.820.000 đồng
- Người đại diện theo pháp luật : Ông Lê Nam Thắng – Chủ tịch HĐQT Công ty
- Mã cổ phiếu : DTP
- Sàn đăng ký giao dịch : UPCOM
- Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (Chi tiết: Doanh nghiệp sản xuất thuốc);	2100 (Chính)
2	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;	5210
3	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế);	4659
4	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);	4931
5	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;	4933
6	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;	8230

STT	Tên ngành	Mã ngành
7	Sản xuất sản phẩm từ plastic (Chi tiết: Sản xuất bao bì từ plastic);	2220
8	Sản xuất bao bì bằng gỗ;	1623
9	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa;	1702
10	Quảng cáo;	7310
11	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;	3250
12	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh;	2023
13	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;	1104
14	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;	7730
15	Kinh doanh bất động sản; quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản).	6810
16	Dịch vụ đóng gói;	8292
17	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Doanh nghiệp bán buôn thuốc, bán buôn dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh);	4649
18	Vận tải hành khách đường bộ khác (Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo hợp đồng);	4932
19	Hoạt động tư vấn quản lý (Chi tiết: Tư vấn và giúp đỡ kinh doanh hoặc dịch vụ lập kế hoạch, tổ chức, hoạt động hiệu quả, thông tin quản lý; Dịch vụ tư vấn hỗ trợ thành lập doanh nghiệp và quản lý doanh nghiệp (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán, thuế, kiểm toán, tài chính));	7020
20	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;	7320
21	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh);	4772
22	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: Bán lẻ kính mắt, kính thuốc);	4773
23	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, dinh dưỡng, thực phẩm chăm sóc sức khỏe, thực phẩm bổ dưỡng, thực phẩm bổ sung và các thực phẩm chế biến khác);	1079
24	Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, dinh dưỡng, thực phẩm chăm sóc sức khỏe, thực phẩm bổ dưỡng, thực phẩm bổ sung và các thực phẩm chế biến khác);	4632

STT	Tên ngành	Mã ngành
25	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, dinh dưỡng, thực phẩm chăm sóc sức khỏe, thực phẩm bổ dưỡng, thực phẩm bổ sung và các thực phẩm chế biến khác);	4722
26	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Buôn bán vacxin, sinh phẩm y tế; Xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Nhập khẩu trang thiết bị y tế; Bán buôn dược liệu, thuốc đông y, thuốc từ dược liệu; Bán buôn chế phẩm diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế; Bán buôn nguyên liệu, phụ gia thực phẩm, thức ăn chăn nuôi);	4669
27	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Dịch vụ nhập khẩu ủy thác);	5229
28	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Đại diện thương nhân (không bao gồm các hoạt động của Luật sư); Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh);	8299
29	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Gồm: - Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học và kỹ thuật tự nhiên Loại trừ nghiên cứu và phát triển thực nghiệm công nghệ sinh học; - Nghiên cứu và phát triển khoa học tự nhiên; - Nghiên cứu và phát triển kỹ thuật và công nghệ; - Nghiên cứu và phát triển khoa học y khoa;	7210
30	(Không bao gồm những ngành, nghề mà pháp luật cấm kinh doanh và chỉ kinh doanh sau khi có đủ điều kiện theo quy định pháp luật).	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

- Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103039694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/08/2009 với vốn điều lệ ban đầu là 2 tỷ đồng và 03 cổ đông sáng lập.
- Để đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty trong giai đoạn tiếp theo, từ năm 2011, Công ty bắt đầu triển khai xây dựng Nhà máy sản xuất Dược phẩm với diện tích 30.306,3 m² tại địa chỉ Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Đến 2014, Nhà máy chính thức đi vào hoàn thiện và vận hành đạt chuẩn GMP-WHO với các chứng nhận GMP, GDP, GSP.
- Năm 2015-2016: Công ty phát triển sản xuất và hệ thống kinh doanh.
- Tháng 6/2016, Chi nhánh Hà Nội được thành lập tại địa chỉ 63F3 Khu đô thị Đại Kim, phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Hà Nội – đặt dấu mốc cho giai đoạn chính thức tự kinh doanh một số mặt hàng của Công ty.

- Từ tháng 1/2017 đến tháng 12/2018: Công ty thực hiện dự án nghiên cứu Sản xuất sinh khối Probiotic từ vi khuẩn Bifidobacterium với Bộ Công thương với chi phí 7,1 tỷ đồng.
- Từ năm 2018 trở đi, đánh dấu bước phát triển mạnh mẽ trong hoạt động kinh doanh của Công ty với việc mở rộng các chi nhánh đại diện tại các tỉnh, thành phố lớn: Ngày 25/10/2018, Chi nhánh Hồ Chí Minh được thành lập. Ngày 24/7/2019, Chi nhánh Đà Nẵng được thành lập.
- Ngày 19/7/2018: Công ty được công nhận là Doanh nghiệp Khoa học công nghệ với danh mục 46 sản phẩm thuốc. .

Cũng trong năm 2018, Công ty có đơn hàng xuất khẩu đầu tiên.

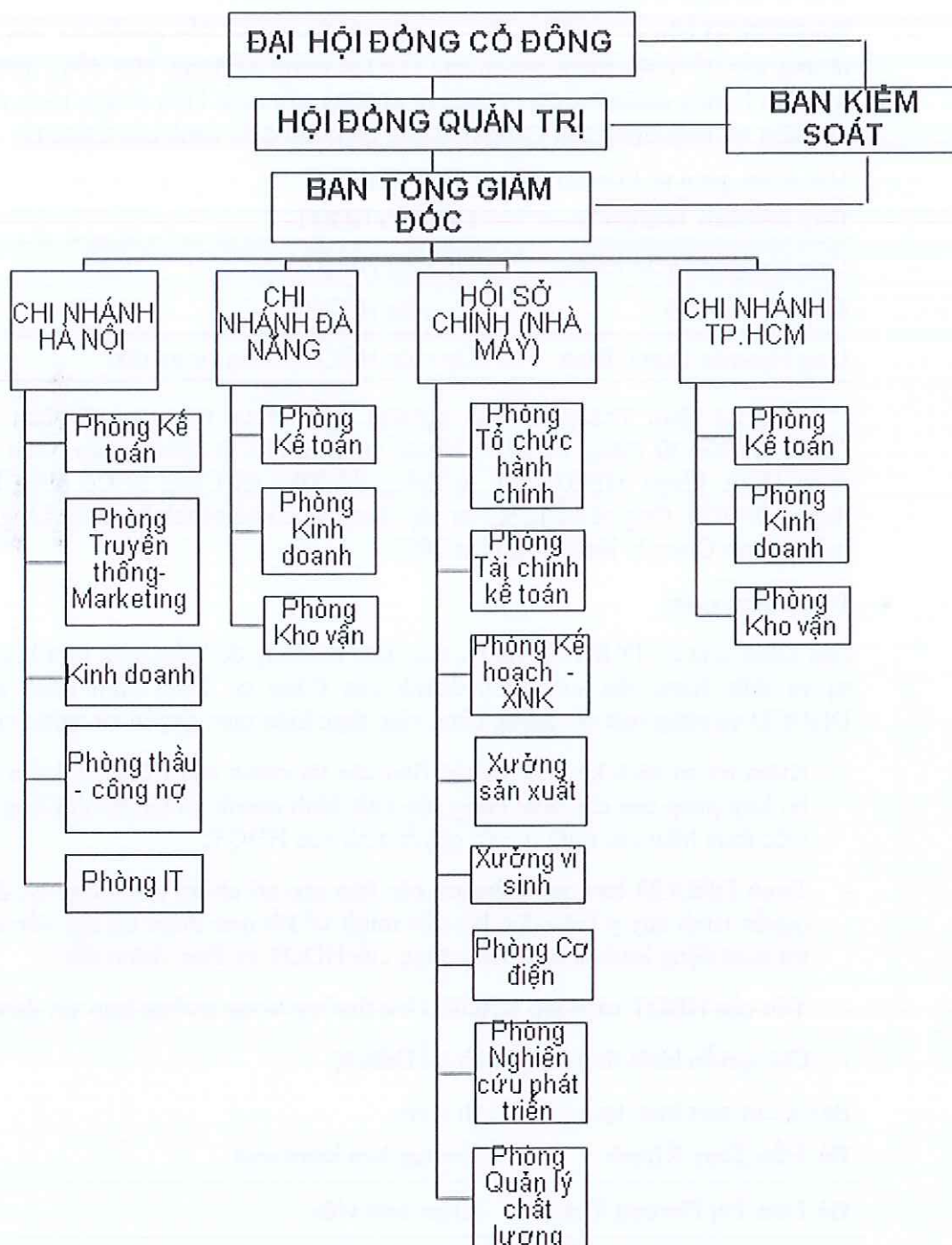
- Trong năm 2019, công ty đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận trong quá trình phát triển sản xuất kinh doanh:
 - + Đạt GMP về sản xuất nguyên liệu và thành phẩm sinh phẩm.
 - + Mở rộng phạm vi xuất khẩu sản phẩm tới trên 10 quốc gia.
 - + Tối ưu hóa sản xuất bằng việc thực hiện Hồ sơ Lô online, truy xuất từng giai đoạn trong quá trình sản xuất đến từng đơn vị sản phẩm.
 - + Áp dụng quản trị theo mục tiêu (OKR) với toàn bộ các vị trí trong toàn hệ thống.
 - + Từ tháng 10/2019 đến nay Công ty thực hiện dự án nghiên cứu với Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội về việc sản xuất 4 thuốc nhỏ mắt hỗn dịch với chi phí 14,5 tỷ đồng.
 - + Hợp tác đào tạo, nghiên cứu với Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ sinh học – Đại học Bách Khoa Hà Nội.
- Năm 2020, Công ty hợp tác thử lâm sàng với Trung tâm dược lý Lâm sàng – Đại học Y Hà Nội đối với 2 sản phẩm Probiotic: Bacillus Subtilis và Bacillus clausii với giá trị ước tính 6 tỷ đồng/1 sản phẩm.
- Cũng trong năm này, Công ty đã ký kết hợp đồng dịch vụ tư vấn EU – GMP với Tập đoàn Rieckermann và hợp tác về đào tạo và nghiên cứu khoa học với Trường Đại học Dược Hà Nội.
- Đến thời điểm hiện tại, Công ty tự hào là đơn vị Dược phẩm sử dụng hệ thống dây chuyền máy móc hiện đại, đáp ứng nhu cầu sản xuất các sản phẩm có yêu cầu khắt khe so với các doanh nghiệp cùng ngành như dây chuyền sản xuất thuốc tiêm ống nhựa BFS, dây chuyền sản xuất viên nang mềm, dây chuyền sản xuất chai xịt vỏ nhôm.

3. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty

Hình 3. Sơ đồ cơ cấu tổ chức và cơ cấu bộ máy quản lý của công ty



Nguồn: CPC1 Hà Nội

• **Đại hội đồng cổ đông:**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, hoạt động thông qua các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ công ty quy định, ĐHĐCĐ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của

Công ty và tài chính cho năm tiếp theo, bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Công ty.

- **Hội đồng quản trị:**

Do ĐHĐCĐ bầu ra, quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị giữ vai trò định hướng chiến lược kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban điều hành của Công ty.

Hội đồng quản trị hiện tại có 04 thành viên:

Ông Lê Nam Thắng (*)	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Doãn Liêm	Ủy viên HĐQT
Ông Vũ Văn Hà	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Thanh Bình	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc

(*) Ông Lê Nam Thắng có kinh nghiệm quản lý tại Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội từ tháng 11/2015. Ngoài ra, Ông còn là người quản lý tại Công ty Cổ phần Dược Phẩm MEDZAVY từ tháng 04/2017 và Công ty Cổ phần Upharma từ tháng 08/2020. Ông có bằng Kỹ sư xây dựng và có kế hoạch bổ sung bằng cấp chuyên môn ngành Quản lý kinh tế từ năm 2022.

- **Ban Kiểm soát:**

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ

Ban kiểm soát hiện tại có 03 thành viên:

Bà Trần Thụy Khanh	Trưởng ban kiểm soát
Bà Trần Thị Phương Thảo	Kiểm soát viên
Bà Trương Thị Huệ	Kiểm soát viên

- **Ban Tổng Giám đốc:**

Có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến lược và kế hoạch đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Ban Tổng Giám đốc Công ty gồm có:

Ông Nguyễn Thanh Bình Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Trần Minh Thanh Phó Tổng Giám đốc

- **Kế toán trưởng:** giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của Công ty, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Kế toán trưởng của Công ty hiện tại là:

Đặng Thị Thu Thủy Kế toán trưởng kiêm Người phụ trách quản trị Công ty

- Phòng Tổ chức hành chính:
Thực hiện công tác nhân sự, đào tạo, tiền lương, chế độ chính sách cho người lao động và công tác hành chính, phục vụ.
- Phòng Tài chính Kế toán:
Có nhiệm vụ thực hiện công tác kế toán của Công ty, đề xuất các giải pháp và điều kiện tạo nguồn vốn cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh, đầu tư, phát triển của Công ty, giúp Công ty giám sát tài chính và phát huy các nguồn lực tài chính tại Công ty theo pháp luật về tài chính và kế toán.
- Phòng Kế hoạch – Xuất nhập khẩu:
Có chức năng lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, thực hiện các hoạt động xuất nhập khẩu, phát triển thị trường và tìm kiếm nguồn hàng hóa cho Công ty. Quản lý kho nguyên vật liệu, hàng hóa cho công ty.
- Xưởng sản xuất:
Thực hiện tất cả các công đoạn sản xuất từ khâu nhận nguyên phụ liệu đến khi cho ra thành
- Xưởng Vi sinh
Nghiên cứu, sản xuất nguyên liệu, thành phẩm sinh phẩm đáp ứng kế hoạch sản xuất của Công ty.
- Phòng Cơ điện:
Thực hiện chức năng quản lý kỹ thuật, giám sát và thực hiện việc bảo quản, bảo dưỡng, vận hành các thiết bị, máy móc, tài sản do Ban Tổng giám đốc phân quyền.
- Phòng Nghiên cứu Phát triển:
Có chức năng làm tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc Công ty trong công tác cải tiến sản phẩm, nghiên cứu các sản phẩm mới và đăng ký lưu hành thuốc, theo dõi các hoạt động kỹ thuật, tham gia giải quyết các sự cố kỹ thuật trong quá trình sản xuất.
- Phòng Quản lý chất lượng:
Chức năng Kiểm tra chất lượng: Thực hiện việc xây dựng tiêu chuẩn và phương pháp kiểm nghiệm đối với nguyên liệu, bao bì, bán thành phẩm, thành phẩm, thực hiện công tác kiểm nghiệm (lấy mẫu, thử nghiệm và lưu mẫu), thực hiện thử nghiệm độ ổn định của thuốc.

Chức năng đảm bảo chất lượng: Có chức năng tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý hệ thống chất lượng, thực hiện soát xét tài liệu nội bộ thuộc hệ thống chất lượng, giám sát từ nguyên liệu đầu vào, quá trình sản xuất đến thành phẩm xuất xưởng đảm bảo đạt tiêu chuẩn chất lượng, giám sát việc thực hiện kinh doanh theo các quy định hiện hành của Bộ Y tế.

• **Các chi nhánh trực thuộc Công ty:**

Bao gồm: Chi nhánh Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

Việc sắp xếp các bộ phận phòng ban tại các chi nhánh được bố trí theo kế hoạch kinh doanh của Công ty theo từng thời kỳ. Ngoài ra các chi nhánh có nhiệm vụ thực hiện định hướng chiến lược và đảm bảo hoàn thiện các kế hoạch kinh doanh mà Công ty đã đề ra.

5. **Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối:**

Không có.

6. **Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành**

Bảng 3. Quá trình tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm (nghìn đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (nghìn đồng)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý, Đơn vị cấp
Vốn điều lệ tại thời điểm thành lập Công ty ngày 05/08/2009			2.000.000	Góp vốn thành lập công ty	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103039694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/8/2009
1	Tháng 03/2010	48.000.000	50.000.000	Phát hành cổ phần cho các cổ đông hiện hữu: + Số lượng cổ phần phát hành: 4.800.000 cổ phần; + Mệnh giá: 10.000 đ/cổ phần; + Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.	- Quyết định số 01/2010/QĐ-CPC1 ngày 16/03/2010 của Đại hội đồng cổ đông về việc tăng vốn điều lệ; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104089394 thay đổi lần 1 ngày 22/03/2010

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm (nghìn đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (nghìn đồng)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý, Đơn vị cấp
2	Tháng 11/2013	41.717.820	91.717.820	Phát hành cổ phần cho các cổ đông hiện hữu: + Số lượng phát hành: 4.171.782 CP; + Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần; + Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 771/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/11/2013 về việc triển khai Phương án tăng vốn điều lệ của Công ty. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104089394 thay đổi lần thứ 07 ngày 18/11/2013.
3	Tháng 6/2014	10.000.000	101.717.820	Phát hành cổ phần cho các cổ đông hiện hữu: + Số lượng CP phát hành: 1.000.000 CP; + Mệnh giá: 10.000đồng/cổ phần + Giá phát hành: 11.000 đồng/cổ phần.	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 174/2014/QN-CPC1HN ngày 16/4/2014 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104089394 thay đổi lần thứ 8 ngày 16/6/2014.
4	Tháng 5/2016 (*)	20.000.000	121.717.820	Phát hành cổ phần riêng lẻ: + Số lượng CP phát hành: 2.000.000 CP; + Mệnh giá: 10.000đồng/cổ phần + Giá phát hành: 11.000đồng/cổ phần	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 651/2015/NQ-CPC1HN ngày 05/8/2015 về việc phát hành cổ phần chào bán cổ phần riêng lẻ; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104089394 thay đổi lần 13 ngày 12/05/2016.

Nguồn: CPC1 Hà Nội.

(*) Tại lần tăng vốn thứ 4: Thời điểm tháng 6/2015 Công ty mới được UBCKNN chấp thuận là công ty đại chúng nên chưa nắm rõ được các quy định đối với công ty đại chúng, Công ty đã thực hiện đợt phát hành này khi chưa xin phép UBCKNN.

Cụ thể, Công ty đã thực hiện chào bán 2 triệu cổ phiếu riêng lẻ trong tháng 09/2015 và không đăng ký với UBCKNN. UBCKNN đã có văn bản số 1613/UBCK-TT ngày 13/03/2019 gửi Công ty về việc vi phạm nghĩa vụ công ty đại chúng. Theo văn bản đó, về việc phát hành riêng lẻ 2.000.000 cổ phiếu, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước không xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty mà áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm a khoản 4 điều 4 nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23/09/2013: "Tổ chức có hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này phải thu hồi cổ phiếu, trái phiếu đã chào bán, phát hành và phải hoàn trả cho nhà đầu tư tiền mua cổ phiếu, trái phiếu hoặc tiền đặt cọc (nếu có) cộng thêm tiền lãi tính theo lãi suất ghi trên trái phiếu hoặc lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng mà tổ chức vi phạm mở tài khoản thu tiền mua cổ phiếu hoặc tiền đặt cọc tại thời điểm quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà đầu tư. Thời hạn nhà đầu tư gửi yêu cầu là 60 ngày kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành". Tuy nhiên, sau 60 ngày kể từ ngày công văn ban hành thì Công ty không nhận được bất kỳ yêu cầu hoàn trả tiền mua cổ phiếu nào của nhà đầu tư.

Do đó, Công ty đã ghi nhận tăng vốn điều lệ và thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mức vốn điều lệ 121.717.820.000 đồng.

Tháng 12/2019, các nhà đầu tư Lê Thị Kim Ánh, Nguyễn Thanh Bình và Đỗ Thị Sang đã có văn bản gửi Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội xác nhận về số cổ phần đã đầu tư trong đợt chào bán tháng 09/2015, đồng thời cam kết trong mọi hoàn cảnh không yêu cầu Công ty hoàn trả tiền mua cổ phiếu và tiền lãi suất tính trên số tiền các nhà đầu tư đã đầu tư tương ứng với số cổ phần đã mua tại thời điểm chào bán.

ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của CPC1 Hà Nội tổ chức ngày 12/05/2021 đã thông qua Tờ trình v/v báo cáo và trình phê duyệt kết quả sử dụng vốn của đợt phát hành riêng lẻ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 651/2015/NQ-CPC1HN ngày 05/08/2015 của Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội theo tờ trình số 678/2021/TTr-HĐQT ngày 19/04/2021.

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty tại các doanh nghiệp khác:

Không có

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Bảng 4. Cơ cấu cổ đông tại ngày 01/11/2021

TT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
1	Cổ đông trong nước	149	12.171.782	121.717.820.000	100%
1.1	Tổ chức	1	2.000.000	20.000.000.000	16,43%
1.2	Cá nhân	148	10.171.782	101.717.820.000	83,57%
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0,00%
2.1	Tổ chức	0	0	0	0,00%
2.2	Cá nhân	0	0	0	0,00%
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0,00%
Tổng cộng		149	12.171.782	121.717.820.000	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông của CPC1 Hà Nội tại ngày 01/11/2021 do VSD cung cấp

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có.

8.3. Các loại chứng khoán khác

Không có.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định pháp luật: 0%.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty: Không có.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty hiện tại: là 0% (theo danh sách cổ đông chốt ngày 01/11/2021).

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của CPC1 Hà Nội là sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. Đây là hoạt động cốt lõi đem về doanh thu, lợi nhuận chủ yếu cho CPC1 Hà Nội.

Công ty có trên 200 loại sản phẩm khác nhau, chia thành 2 nhóm chính: thuốc và thực phẩm chức năng.

➤ Danh mục sản phẩm thuốc của Công ty bao gồm:

- Thuốc tiêm: đa dạng từ các mặt hàng phổ thông như nước cất ống nhựa, thuốc tiêm

Adrenalin, Noradrenalin, đến các thuốc tiêm thuộc nhóm thuốc hiếm đáp ứng nhu cầu điều trị cấp cứu như thuốc tiêm Digoxin, thuốc tiêm Propranolol, thuốc tiêm Adenosin...

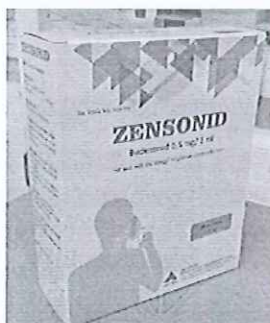
- Thuốc khí dung: Zensalbu, Zensonid, Nebusal, Zencombi...
 - Thuốc nhỏ mắt: Moxieye, Q-mumasa, Lacieye, Hylaform, Dexamoxi...
 - Thuốc nang mềm: Lyodura, Denesity, Enzicoba
 - Thuốc xịt: VNP spray baby, mucome,
 - Thuốc kem gel: tinefin, trinolon...
 - Thuốc ống uống: Fogyma, Conipa, Eucol, Dismolan, Duchat...
- Thực phẩm chức năng: các loại thực phẩm chức năng làm đẹp da, bổ sung vitamin, khoáng chất.... Chất lượng tốt, giá cả hợp lý, được người tiêu dùng tin tưởng sử dụng. Tiêu biểu có thể kể đến là các sản phẩm:
- TPCN dạng lỏng: Novothym, Zentokid, Beejuvit
 - TPCN dạng viên nang mềm: Novofe, Novodia, Fast Paloma

Hoạt động SXKD của Công ty không mang tính thời vụ mà liên tục quanh năm.

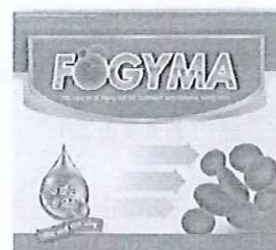
Hình 4. Một số hình ảnh về sản phẩm của Công ty:



Gel rửa tay khô



Sản phẩm Zensonid



Sản phẩm Fogyma



Sản phẩm Nebusal



Sản phẩm Noradrenalin



Nước cất ống nhựa

10.1.1 Sản lượng sản phẩm/ giá trị dịch vụ qua các năm

Doanh thu của Công ty đến từ 02 hoạt động kinh doanh: bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ. Trong đó, doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm là hoạt động kinh doanh chiếm tỷ trọng lớn nhất, lên đến 98,60% tổng doanh thu năm 2020.

Trong năm 2020, dù tình hình dịch Covid 19 diễn biến phức tạp, các doanh nghiệp đều bị ảnh hưởng nhưng doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm của Công ty tăng 18% so với năm 2019 do

Công ty đã áp dụng các chiến lược kinh doanh phù hợp, thúc đẩy các kênh bán hàng mới và kết hợp với các cộng tác viên.

Doanh thu cung cấp dịch vụ của Công ty đến từ hoạt động cho các đơn vị thuê mặt bằng làm kho để thuốc, văn phòng, làm dịch vụ ủy thác nhập khẩu.

Bảng 5. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2019		Năm 2020		9 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	434.796,25	97,55%	513.066,13	98,60%	388.900,76	98,39%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.936,58	2,45%	7.279,04	1,40%	6.381,28	1,61%
TỔNG CỘNG	445.732,83	100,00%	520.345,17	100,00%	395.282,04	100,00%

Nguồn: BCTC năm 2020 đã được kiểm toán và BCTC 9 tháng đầu năm 2021 của CPC1 Hà Nội

a. Sản xuất, bán sản phẩm thuốc

Bảng 6. Sản lượng sản xuất giai đoạn 2019 – 2021

STT	Dòng sản phẩm	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	9 tháng đầu năm 2021
1	Gel	Tuýp	358.326	197.172	101.947
2	Gel thuốc	Tuýp		67.168	87.111
3	Gel trang thiết bị y tế	Tuýp		425.887	266.386
4	Nang mềm thuốc	Viên	13.427.280	8.220.235	8.100.330
5	Nang mềm TPCN	Viên	3.721.595	3.057.960	1.863.240
6	Ống uống sinh phẩm	ống	10.215.160	12.528.740	14.197.930
7	Ống uống thuốc	ống	45.500.421	38.550.670	33.183.598
8	Ống uống TPCN	ống	8.037.239	7.885.405	8.169.192
9	Ống uống TTB	ống		1.221.610	687.460
10	Thuốc tiêm BFS	ống	64.322.373	49.156.808	64.196.448
11	Xịt	lọ	203.419	155.141	51.043
12	Xịt thuốc	lọ	387.075	375.429	430.749
13	Xịt trang thiết bị y tế	lọ	4.909	121.911	163.006
14	Sinh phẩm	ml		416.700	1.228.480
15	Viên đặt	Viên		487.377	680.226

Nguồn: CPC1 Hà Nội

Bảng 7. Phân loại doanh thu thuần theo nhóm kênh bán hàng

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	% Doanh thu thuần	Năm 2020	% Doanh thu thuần	9 tháng đầu năm 2021	% Doanh thu thuần
Doanh thu bán qua kênh Thầu ETC	183.637,62	41,34%	220.621,83	42,55%	162.923,51	41,41%
Doanh thu bán các kênh khác	260.608,18	58,66%	297.826,92	57,45%	230.477,78	58,59%
Tổng doanh thu thuần	444.245,80	100,00%	518.448,76	100,00%	393.401,29	100,00%

Nguồn: CPC1 Hà Nội

Công ty bán hàng với tỷ trọng khá đồng đều giữa kênh ETC và các kênh bán khác. Cơ cấu bán hàng của Công ty qua kênh ETC khá ổn định trong những năm qua, đạt từ 41,3% đến 42,6% trên tổng doanh thu thuần.

b. Hoạt động cho các đơn vị thuê mặt bằng làm kho để thuốc, văn phòng, làm dịch vụ ủy thác nhập khẩu

Doanh thu cung cấp dịch vụ của Công ty đến từ hoạt động cho các đơn vị thuê mặt bằng làm kho để thuốc, văn phòng, làm dịch vụ ủy thác nhập khẩu. Tuy nhiên doanh thu này nhỏ đạt 7,279 tỷ đồng năm 2020, chiếm tỷ trọng 1,40% doanh thu thuần và giảm 33,44% so với cùng kỳ năm trước.

10.1.2 Chi phí sản xuất

Bảng 8. Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		9 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng/ DTT
Giá vốn hàng bán	199.901,90	45,00%	250.374,58	48,29%	185.798,24	47,23%
Chi phí tài chính	12.046,40	2,71%	12.158,31	2,35%	6.507,00	1,65%
Chi phí bán hàng	86.785,10	19,54%	125.087,69	24,13%	100.811,23	25,63%
Chi phí QLDN	32.746,93	7,37%	24.929,85	4,81%	15.523,20	3,95%
Chi phí khác	2.747,25	0,62%	993,09	0,19%	625,27	0,16%
Tổng chi phí	334.227,58	75,23%	413.543,52	79,77%	309.264,92	78,61%

Nguồn: BCTC năm 2020 đã được kiểm toán và BCTC 9 tháng đầu năm 2021 của CPC1 Hà Nội

Với đặc thù ngành sản xuất dược phẩm, chỉ tiêu giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất trên doanh thu thuần của Công ty, với tỷ lệ 48,29% trong năm 2020.

Tỷ trọng chi phí GVHB trên doanh thu thuần tăng từ 45,00% năm 2019 lên 48,29% năm 2020. Tỷ trọng chi phí bán hàng trên doanh thu thuần tăng từ 19,54% năm 2019 lên 24,13% năm 2020 do Công ty gia tăng nhân sự sale, đẩy mạnh hoạt động mở rộng kênh phân phối.

10.2. Tài sản

Bảng 9. Giá trị tài sản cố định tại ngày 30/09/2021

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Nguyên giá tại 30/09/2021	Giá trị còn lại tại ngày 30/09/2021	Tỷ lệ GTCL/NG
I. TSCĐ hữu hình	352.545,84	218.056,30	61,85%
Nhà cửa vật kiến trúc (*)	88.344,74	68.659,27	77,72%
Máy móc, thiết bị	233.917,04	133.424,61	57,04%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	15.673,75	9.578,00	61,11%
TSCĐ hữu hình khác	14.610,31	6.394,41	43,77%
II. TSCĐ vô hình (**)	20.986,43	16.495,65	78,60%
Quyền khai thác, sử dụng hạ tầng kỹ thuật	20.260,43	15.873,58	78,35%
Phần mềm	726,00	622,07	85,68%
Tổng cộng	373.532,27	234.551,95	62,79%

Nguồn: BCTC 9 tháng đầu năm 2021 của CPC1 Hà Nội

Bảng 10. Giá trị tài sản lớn

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên tài sản	Thời gian đưa vào SD	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	GTCL tại ngày 30/09/2021
1	Hệ thống thoát nước mưa tổng thể	01/09/2014	2.784,16	1.676,02	1.108,14
2	Hệ thống thoát nước bản ngoài trời	01/09/2014	2.095,58	1.261,50	834,07
3	Hệ thống nước thải	01/09/2014	2.591,66	1.544,97	1.046,69
4	Máy đóng ống uống dùng trong ngành Dược Model DGS350	02/01/2014	2.409,62	1.546,86	862,76

STT	Tên tài sản	Thời gian đưa vào SD	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	GTCL tại ngày 30/09/2021
5	Máy phát điện	01/05/2014	2.556,67	1.907,99	648,68
6	Hệ thống máy đúc, thổi, rót, hàn ống thuốc và phụ kiện đi kèm (model 460 - 15)	01/06/2019	91.098,38	26.476,61	64.621,77
7	Dây chuyền sản xuất viên nang cứng và phụ kiện đồng bộ Model CJ - 5	02/01/2014	6.771,00	5.245,70	1.525,30
8	Hệ thống lên men kép 30 - 300L	04/09/2018	1.826,39	936,03	890,37
9	Trạm biến áp	01/10/2013	2.319,63	1.241,23	1.078,40
10	Máy MDI	18/02/2021	6.248,05	641,54	5.606,51
11	Hệ thống thổi rót ống tiêm nhựa công nghệ vô khuẩn và phụ kiện đồng bộ	28/01/2015	49.577,65	31.816,87	17.760,78
12	Máy đóng vỉ sản xuất viên đặt tự động	10/10/2019	2.792,94	919,72	1.873,22
13	Hệ thống phòng cháy chữa cháy	01/09/2014	1.540,01	778,03	761,98
14	Máy nén khí IRNK-OF, máy sấy khí D600IN-A	30/12/2019	1.240,50	362,92	877,58
15	Hệ thống máy sắc ký lỏng hiệu năng cao HPLC	01/07/2020	1.069,09	222,73	846,36
16	Hệ thống máy sắc ký lỏng hiệu năng cao HPLC Model 1260 Infinity II	19/12/2018	1.075,45	374,39	701,07
17	Điều hòa kho hàng hóa	01/10/2013	3.001,27	1.713,66	1.287,60
18	Điều hòa xưởng sản xuất	01/09/2014	14.945,82	7.214,61	7.731,21
19	Máy đóng gói sản phẩm - soft bag	15/10/2020	2.527,83	405,45	2.122,38
20	Dây chuyền sản xuất viên nang mềm và phụ kiện đồng bộ Model YWJ250-I	02/01/2014	3.229,00	2.501,61	727,39
21	Nhà kho hàng hóa 3000m2	01/10/2013	21.988,74	5.965,46	16.023,28
22	Nhà xưởng sản xuất	01/09/2014	39.626,49	6.044,65	33.581,84
23	Nhà điều hành sản xuất	01/09/2014	14.023,48	2.218,42	11.805,06
24	Nhà ăn ca	02/01/2014	1.620,64	679,91	940,73
25	Sân đường nội bộ	01/09/2014	6.851,79	2.651,68	4.200,11
26	Quyền khai thác đất thuê	01/01/2012	20.260,43	4.386,85	15.873,58

STT	Tên tài sản	Thời gian đưa vào SD	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	GTCL tại ngày 30/09/2021
27	Ô tô FORD EXPLORER 2.3L (BKS: 30G-313.17)	25/05/2020	2.049,24	467,55	1.581,69
28	Ô tô 7 chỗ ISUZU MU-X (BKS: 30G-913.13)	26/02/2021	783,24	77,31	705,93
29	Ô tô 7 chỗ ISUZU MU-X (BKS: 30G-912.33)	26/02/2021	783,24	77,31	705,93

Nguồn: CPC1 Hà Nội

Bảng 11. Danh sách đất đai, nhà xưởng

STT	Tài sản		Diện tích (m ²)	Địa chỉ	Loại hình	Thời hạn sử dụng còn lại	Mục đích
1	Quyền khai thác đất thuê		30.306,3	Cụm CN Hà Bình Phương, Xã Văn Bình, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	Trả tiền 1 lần	36 năm	Xây dựng nhà máy GMP - WHO
2	Công trình gắn liền với quyền khai thác thuê đất	Nhà xưởng sản xuất + Kho	3.386,0	Cụm CN Hà Bình Phương, Xã Văn Bình, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	Đấu thầu xây dựng	38 năm	Xưởng sản xuất
		Nhà kho hàng hóa 3000 m ²	3.076,5		Đấu thầu xây dựng	22 năm	Kho lưu hàng hóa
		Nhà điều hành sản xuất	960,0		Đấu thầu xây dựng	38 năm	Phòng ban chức năng
		Nhà ăn ca	259		Đấu thầu xây dựng	13 năm	Nhà ăn tập thể
		Kho vật tư và Xưởng cơ khí	113		Đấu thầu xây dựng	13 năm	Xưởng cơ khí

Nguồn: CPC1 Hà Nội

10.3. Thị trường hoạt động

Sản phẩm của Công ty chủ yếu được tiêu thụ ở thị trường trong nước, với tỷ trọng trên doanh thu thuần lần lượt là 98,7% và 96,6% trong 2 năm 2019, 2020 và 95,8% trong 9 tháng đầu năm 2021.

Bảng 12. Cơ cấu doanh thu thuần theo thị trường hoạt động

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		9 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị	Tỷ trọng Doanh thu thuần (%)	Giá trị	Tỷ trọng Doanh thu thuần (%)	Giá trị	Tỷ trọng Doanh thu thuần (%)
Doanh thu thị trường nội địa	438.482,89	98,70%	500.872,74	96,61%	376.670,28	95,75%
Doanh thu thị trường xuất khẩu	5.762,91	1,30%	17.576,01	3,39%	16.731,01	4,25%
Tổng Doanh thu thuần	444.245,80	100,00%	518.448,76	100,00%	393.401,29	100,00%

Nguồn: CPC1 Hà Nội

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Doanh thu thuần năm 2020 của Công ty đạt 518,45 tỷ đồng, tăng 16,70% so với cùng kỳ năm ngoái. Lợi nhuận sau thuế đạt 97,210 tỷ đồng, tăng 3,34% so với cùng kỳ. Đây là một sự nỗ lực rất lớn của Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV bởi năm 2020 Công ty vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid 19 vẫn còn nhiều diễn biến phức tạp.

Hoạt động đầu tư của Công ty chủ yếu là mở rộng hoạt động kinh doanh, đầu tư vào hệ thống dây chuyền máy móc, xây dựng và phát triển thương hiệu, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Với mục tiêu tạo ra các sản phẩm thuốc với chất lượng tốt, an toàn, tiện lợi cho bệnh nhân và nhân viên y tế, Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội đã đầu tư xây dựng Nhà máy tại Cụm công nghiệp Hà Bình Phương đạt tiêu chuẩn GMP – WHO với số tiền đầu tư gần 300 tỷ đồng, tổng diện tích đất là 30.306,3 m².
- Nhu cầu chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh là một trong những nhu cầu cơ bản của người dân. Đặc biệt, khi đời sống xã hội được nâng cao thì người dân có xu hướng ưa chuộng các sản phẩm thuốc tân dược có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, được tạo ra từ một quy trình nghiên cứu phát triển và sản xuất tiêu chuẩn quốc tế. Bên cạnh việc nghiên cứu và sản xuất thuốc, việc bảo quản trong quá trình lưu trữ và vận chuyển đến tận tay người tiêu dùng cũng là một công đoạn hết sức quan trọng. Nhận biết được việc đó, đặc biệt trong bối cảnh nhiều dịch bệnh liên quan đến virus đang xuất hiện ngày một nhiều, cùng với kinh nghiệm sẵn có, CPC1 Hà Nội đã quyết định đầu tư mua sắm, nhập khẩu từ Thụy

Sỹ hệ thống máy sản xuất ống nhựa siêu vô trùng để chứa thuốc, cụ thể là các loại thuốc dưới dạng dung dịch lỏng.

- Hệ thống được áp dụng công nghệ BFS (Blow-Fill-Seal) là công nghệ tiên tiến nhất hiện nay để sản xuất các sản phẩm thuốc dung dịch chứa trong ống nhựa. Công nghệ BFS đã được Cục Quản lý dược phẩm Mỹ công nhận là quá trình vô trùng cao cấp. Các sản phẩm này đều đang được sử dụng phổ biến trong khám chữa bệnh tại các nước phát triển như Mỹ, Ấn Độ... Đây là xu thế tất yếu mà các doanh nghiệp dược tại Việt Nam đang hướng đến để đảm bảo an toàn và chất lượng sản phẩm.
- Nhiều doanh nghiệp trong nước đã mạnh dạn đầu tư dây chuyền công nghệ hiện đại này để mang đến sản phẩm và dịch vụ tốt nhất cho khách hàng như Traphaco (2017)... Tại Việt Nam, CPC1 Hà Nội là doanh nghiệp đi tiên phong đưa công nghệ BFS vào sản xuất khi đã nhập 01 hệ thống máy BFS nhãn hiệu Rieckermann – Weiler Engineering 640 từ Mỹ vào năm 2015.
- Đến năm 2017, Công ty đã đầu tư thêm 01 hệ thống máy BFS gần như tương tự hệ thống đang chuẩn bị nhập khẩu (giống nhau về nhà sản xuất, công nghệ sản xuất, công suất và các tính năng cơ bản, máy dự kiến đầu tư có thêm một số tính năng phát triển hơn chiếc máy đầu tư năm 2017).
- Thực tế hoạt động những năm vừa qua, nhu cầu đối với sản phẩm đầu ra từ các máy BFS là rất lớn, cung chưa đáp ứng đủ nhu cầu. Hiện tại, Công ty đang sản xuất 02 loại dung dịch thuốc là các loại thuốc uống và các loại thuốc tiêm. Thuốc uống và thuốc tiêm có hoạt chất khác nhau không được sản xuất trên cùng 01 dây chuyền. Để đáp ứng nhu cầu sử dụng thuốc của các cơ sở y tế, bệnh viện trên toàn quốc, Công ty đang vận hành 07 dây chuyền sản xuất dung dịch thuốc khác nhau. Công suất tối đa có thể đạt được của cả 07 dây chuyền nếu cho chạy 16 giờ/ngày và 250 ngày/năm là 150 lít/giờ.
- Tháng 6/2019, Công ty đã đầu tư và đưa dây chuyền công nghệ BFS trị giá hơn 90 tỷ đồng vào hoạt động với công suất thiết kế là 10 triệu đơn vị sản phẩm/1 tháng, sản phẩm chính là dòng thuốc tiêm, nhỏ mắt dạng ống nhựa. Sản lượng dự kiến máy BFS năm 2021 đạt 60 triệu đơn vị sản phẩm, đạt 50% công suất máy.
- Năm 2021, ĐHĐCĐ thường niên của CPC1 Hà Nội quyết định đầu tư thêm 01 hệ thống máy BFS nhằm mục đích nâng cao năng suất, mức độ hiệu quả và đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng, dự kiến quý 3/2022 máy BFS mới sẽ hoàn thành việc lắp đặt và đi vào sản xuất. Việc đầu tư dây chuyền sản xuất mới ngoài việc tăng doanh thu cho doanh nghiệp còn giúp doanh nghiệp nâng cao vị thế của mình so với các doanh nghiệp cùng ngành, thể hiện việc CPC1 Hà Nội luôn đi đầu trong lĩnh vực nghiên cứu và sở hữu các công nghệ sản xuất tiên tiến trên thế giới.
- Các chi nhánh với vai trò mở rộng địa bàn kinh doanh, đi sâu đi sát phát triển hệ thống khách hàng trong phạm vi toàn quốc chiếm tới 62,66% tổng doanh thu của Công ty. Trong đó, tỷ trọng doanh thu tiêu thụ của chi nhánh Hà nội, Tp HCM và Đà Nẵng năm 2020 lần lượt là 43,31%, 14,34% và 5,01%.
- Chi nhánh Hà Nội được thành lập vào ngày 03/06/2016 với địa bàn kinh doanh tại các tỉnh Miền Bắc. Địa chỉ chi nhánh đặt tại Số 356A, đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Chi nhánh Hồ Chí Minh được thành lập vào ngày 24/10/2018, phụ trách khu vực các tỉnh Miền Trung, Tây nguyên. Địa chỉ chi nhánh đặt tại số 26 - 28, đường Hàn Mạc Tử, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Đà Nẵng được thành lập vào ngày 24/07/2019 có địa bàn kinh doanh bao gồm khu vực các tỉnh Miền Trung. Địa chỉ chi nhánh đặt tại Lô 144-B2-2 đường Hoàng Thị Loan, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- Thời gian gần đây Công ty thực hiện đẩy mạnh phát triển hệ thống, mở thêm các văn phòng, địa điểm kinh doanh để ổn định nhân sự, tạo hứng khởi cho CBCNV làm việc, gắn bó lâu dài với Công ty. Chi nhánh Đà Nẵng và TP HCM, dù đi vào hoạt động từ năm 2019 và 2018 là động lực tăng trưởng cho Công ty trong năm 2020 với mức tăng trưởng doanh số lần lượt là 46,99% và 47,43%, mức tăng trưởng nhân sự lần lượt là 144,44% và 77,65% so với cùng kỳ.
- Các văn phòng, địa điểm kinh doanh Công ty mới mở thêm trong năm 2020, 2021 tại Đắk Lắk; Khánh Hòa, Thanh Hóa, Nghệ An, Hải Phòng, v.v...giúp tăng trưởng doanh thu, mở rộng thị phần.

10.5. Các hợp đồng lớn

Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa được thực hiện trong 2 năm liên tục đến thời điểm hiện tại

Bảng 13. Danh mục các hợp đồng lớn

STT	Tên hợp đồng	Giá trị/ năm (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	SP, DV đầu vào/ đầu ra	Đối tác giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty	Các đối tác tham gia
1	844/QĐ-SYT	12.704,53	22/07/2020	Trong vòng 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Thuốc	SYT Bình Thuận	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT
1.1	94/HĐ-BVBT	1.571,02	14/08/2020	12 tháng kể từ ngày 14/08/2020	Thuốc	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Thuận	Không	
1.2	56/HĐ-BVBTT	989,83	31/07/2020	12 tháng kể từ ngày 31/07/2020	Thuốc	Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Bình Thuận	Không	
2	844/QĐ-SYT	16.993,96	08/10/2020	Trong vòng 12 tháng kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	Thuốc	SYT Hai Dương	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT
2.1	3845/2020/HĐ/ CPC1HN-GL	1.239,04	23/10/2020	12 tháng kể từ ngày 08/10/2020	Thuốc	TTYT huyện Gia Lộc	Không	
2.2	3827/2020/HĐ/ CPC1HN-TM	791,93	22/10/2020	12 tháng kể từ ngày 08/10/2020	Thuốc	TTYT huyện Thanh Miện	Không	

STT	Tên hợp đồng	Giá trị/ năm (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	SP, DV đầu vào/ đầu ra	Đối tác giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty	Các đối tác tham gia
3	135/QĐ-SYT	41.144,90	01/02/2021	Từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2022	Thuốc	SYT Nghệ An	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT
3.1	768/2021/HĐKT/ĐKT	4.021,41	04/02/2021	Từ ngày 04/02/2021 đến ngày 31/12/2022	Thuốc	Bệnh viện Hữu Nghị Đa khoa Nghệ An	Không	
3.2	770/2021/HĐKT/BVSN	2.671,02	04/02/2021	Từ ngày 04/02/2021 đến ngày 31/12/2022	Thuốc	Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Nghệ An	Không	
4	25 /QĐ-SYT	13.286,49	14/01/2021	12 tháng kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	Thuốc	SYT Hải Phòng	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT
4.1	426/2021/HĐ/CP CIHN-VT	5.980,22	25/01/2021	Từ ngày 25/01/2021 đến hết ngày 13/01/2022	Thuốc	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp	Không	
4.2	439/2021/HĐ/CP CIHN-KA	1.349,91	25/01/2021	Từ ngày 25/01/2021 đến hết ngày 13/01/2022	Thuốc	Bệnh viện Kiến An	Không	

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI



STT	Tên hợp đồng	Giá trị/ năm (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	SP, DV đầu vào/ đầu ra	Đối tác giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty	Các đối tác tham gia
5	78/QĐ-SYT	14.193,81	26/01/2021	Từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2021	Thuốc	SYT Thanh Hóa	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT
5.1	566/2021/HĐ/CP C1HN -PTH	1.308,20	28/01/2021	kể từ ngày 28/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021	Thuốc	Bệnh viện Phổi Thanh Hóa	Không	
5.2	567/2021/HĐ/CP C1HN-ĐKT	1.196,69	28/01/2021	kể từ ngày 28/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021	Thuốc	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa	Không	
6	50/QĐ-SYT	10.521,58	29/01/2021	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Thuốc	SYT Hà Tĩnh	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT
6.1	762/HĐKT/2021- 2023/BVTP	956,63	04/02/2021	kể từ ngày 04/02/2021 đến hết ngày 31/01/2023	Thuốc	Bệnh viện Đa khoa Thành Phố Hà Tĩnh	Không	
6.2	18T/BVTHT- CPC1HN	2.415,48	04/02/2021	kể từ ngày 04/02/2021 đến hết ngày 31/01/2023	Thuốc	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Tĩnh	Không	

STT	Tên hợp đồng	Giá trị/ năm (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	SP, DV đầu vào/ đầu ra	Đối tác giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty	Các đối tác tham gia
7	341/QĐ-SYT	6.928,74	02/04/2019	02/04/2019 - 02/04/2020	Thuốc	SYT Bình Thuận thầu qua Codupha	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT
7.1	1514/2019/HĐ /CPC1HN-CODUPHA HCM	Hợp đồng nguyên tắc, giá trị thực tế theo số lượng đặt mua từng thời điểm	03/09/2019	Kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2020	Thuốc	Codupha HCM	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT
8	255/QĐ-SYT	8.252,22	31/01/2019	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Thuốc	SYT Lạng Sơn	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT
8.1	265/2019/HĐ/CP C1HN-DDKT	3,15	15/02/2019	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Thuốc	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT
8.2	266/2019/HĐ/ CPC1HN-PLS	901,86	18/02/2019	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Thuốc	Bệnh viện Phổi Lạng Sơn	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT
9	193/QĐ-SYT	6.152,19	19/06/2019	19/06/2019 – 19/06/2020	Thuốc	SYT Bình Phước	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI



STT	Tên hợp đồng	Giá trị/ năm (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	SP, DV đầu vào/ đầu ra	Đối tác giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty	Các đối tác tham gia
9.1	1062/2019/HĐ/ CPC1HN-ĐKT	2.341,91	27/06/2019	Kể từ ngày 27/06/2019 đến hết ngày 27/06/2020	Thuốc	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Phước	Không	
9.2	1074/2019/HĐ/ CPC1HN-LN	628,96	27/06/2019	Kể từ ngày 27/06/2019 đến hết ngày 27/06/2020	Thuốc	TTYT huyện Lộc Ninh	Không	
10	129/2021/HĐ/CP C1HN- VTYTDL	Hợp đồng nguyên tắc, giá trị thực tế theo số lượng đặt mua từng thời điểm	16/05/2019	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.	Thuốc	Công ty Cổ phần Dược – Vật tư y tế Đắc Lắc	Không	Không
11	135/QĐ-SYT	41.144,90	01/02/2021	Từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2022	Thuốc	SYT Nghệ An	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT
11.1	768/2021/HĐKT/ ĐKT	4.021,41	04/02/2021	Từ ngày 04/02/2021 đến ngày 31/12/2022	Thuốc	Bệnh viện Hữu Nghị Đa khoa Nghệ An	Không	
11.2	770/2021/HĐKT/ BVSN	2.671,02	04/02/2021	Từ ngày 04/02/2021 đến ngày 31/12/2022	Thuốc	Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Nghệ An	Không	
12	25 /QĐ-SYT	13.286,49	14/01/2021	12 tháng kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	Thuốc	SYT Hải Phòng	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI



STT	Tên hợp đồng	Giá trị/ năm (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	SP, DV đầu vào/ đầu ra	Đối tác giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty	Các đối tác tham gia
12.1	426/2021/HĐ/CP CIHN-VT	5.980,22	25/01/2021	Từ ngày 25/01/2021 đến hết ngày 13/01/2022	Thuốc	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp	Không	
12.2	439/2021/HĐ/CP CIHN-KA	1.349,91	25/01/2021	Từ ngày 25/01/2021 đến hết ngày 13/01/2022	Thuốc	Bệnh viện Kiến An	Không	
13	78/QĐ-SYT	14.193,81	26/01/2021	Từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2021	Thuốc	SYT Thanh Hóa	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT
13.1	566/2021/HĐ/CP CIHN-PTH	1.308,20	28/01/2021	kể từ ngày 28/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021	Thuốc	Bệnh viện Phôi Thanh Hóa	Không	
13.2	567/2021/HĐ/CP CIHN-DKT	1.196,69	28/01/2021	kể từ ngày 28/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021	Thuốc	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa	Không	
14	50/QĐ-SYT	10.521,58	29/01/2021	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Thuốc	SYT Hà Tĩnh	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI



STT	Tên hợp đồng	Giá trị/ năm (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	SP, DV đầu vào/ đầu ra	Đối tác giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty	Các đối tác tham gia
14.1	762/HDKT/2021-2023/BVTP	956,63	04/02/2021	kể từ ngày 04/02/2021 đến hết ngày 31/01/2023	Thuốc	Bệnh viện Đa khoa Thành Phố Hà Tĩnh	Không	
14.2	18T/BVTHT-CPC1HN	2.415,48	04/02/2021	kể từ ngày 04/02/2021 đến hết ngày 31/01/2023	Thuốc	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Tĩnh	Không	
15	410/QĐ-SYT	5.312,99	24/03/2021	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Thuốc	SYT Bắc Ninh	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT
15.1	1382/2021/HĐ/CPC1HN-ĐKT	959,59	01/04/2021	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.	Thuốc	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Ninh	Không	
15.2	1383/2021/HĐ/CPC1HN-SN	1.088,49	01/04/2021	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.	Thuốc	Bệnh viện Sản Nhi Bắc Ninh	Không	
16	280/QĐ-SYT	13.488,80	09/04/2021	18 tháng kể từ ngày thỏa thuận khung có hiệu lực	Thuốc	SYT Tuyên Quang	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT

STT	Tên hợp đồng	Giá trị/ năm (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	SP, DV đầu vào/ đầu ra	Đối tác giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty	Các đối tác tham gia
16.1	1452/2021/HĐ/C PC1HN-ĐKT	7.920,90	13/04/2021	kể từ ngày kí đến ngày 13/10/2022	Thuốc	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang	Không	
16.2	1462/2021/HĐ/C PC1HN-SD	706,30	13/04/2021	kể từ ngày kí đến ngày 13/10/2022	Thuốc	Trung tâm Y tế huyện Sơn Dương	Không	
17	764/QĐ-SYT	18.726,60	09/06/2021	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết tháng 12/2022	Thuốc	SYT Đồng Nai 2021	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT
17.1	23KD/2021G1/B VĐKĐN	4.965,90	23/06/2021	kể từ ngày ký đến hết tháng 12/2022	Thuốc	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	Không	
17.2	24/21/TG.G1/HĐ -BVTN	4.583,90	30/06/2021	Kể từ ngày 01/07/2021 đến hết tháng ngày 31/12/2022	Thuốc	Bệnh viện Đa khoa Thống nhất Đồng Nai	Không	
18	2345/QĐ-SYT	6.967,57	10/08/2021	16/08/2022	Thuốc, TPCN	SYT Lạng Sơn	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT

STT	Tên hợp đồng	Giá trị/ năm (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	SP, DV đầu vào/ đầu ra	Đối tác giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty	Các đối tác tham gia
18.1	Hợp đồng Bán hàng hóa số 2922/2021/HĐ/C PC1HN-ĐKTL	2.922,52	16/08/2021	12 tháng, từ ngày hợp đồng có hiệu lực.	Thuốc, TPCN	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn	Không	
18.2	Hợp đồng Bán hàng hóa số 2931/2021/HĐ/C PC1HN-HUULUNG	737,18	16/08/2021	12 tháng, từ ngày hợp đồng có hiệu lực.	Thuốc, TPCN	Trung tâm y tế huyện Hữu Lũng	Không	
19	1083/QĐ-SYT	13.462,88	19/08/2021	19/08/2022	Thuốc, TPCN	SYT Bình Thuận	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT
19.1	Hợp đồng Bán hàng hóa số 3078/HĐ-BVBBT	3.212,01	25/08/2021	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.	Thuốc, TPCN	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Bình Thuận	Không	
19.2	Hợp đồng Bán hàng hóa số 3100/2021/HĐ/C PC1HN-BVLG	2.396,21	27/08/2021	Trong vòng 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.	Thuốc, TPCN	Bệnh viện đa khoa khu vực LAGI	Không	
20	1320/QĐ-SYT	17.990,29	12/08/2021	12/08/2023	Thuốc, TPCN	SYT tỉnh Bắc Giang	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT

STT	Tên hợp đồng	Giá trị/ năm (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	SP, DV đầu vào/ đầu ra	Đối tác giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty	Các đối tác tham gia
20.1	Hợp đồng Bán hàng hóa số 3017/HĐ/CPC1H N-SN	5.114,35	30/08/2021	02 năm (24 tháng) kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.	Thuốc, TPCN	Bệnh viện Sản Nhi Bắc Giang	Không	
20.2	Hợp đồng Bán hàng hóa số 3043/2021/ĐKBG	3.522,03	23/08/2021	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.	Thuốc, TPCN	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang	Không	
21	Hợp đồng Bán hàng hóa số 046/2021/HĐD.L 2 CR	5.936,70	29/07/2021	10 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng	Thuốc, TPCN	Bệnh viện Chợ Rẫy	Không	Không
22	920/QĐ-SYT	12.337,05	31/07/2021	06/08/2023	Thuốc, TPCN	SYT Đồng Tháp	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT
22.1	Hợp đồng Bán hàng hóa số 2800/2021/HĐ/C PC1HN-QDY	1.542,73	06/08/2021	24 tháng kể từ ngày kết quả mua thuốc tập trung và thỏa thuận khung có hiệu lực.	Thuốc, TPCN	Bệnh viện Quân y – Dân y tỉnh Đồng Tháp	Không	
22.2	Hợp đồng Bán hàng hóa số 2797/2021/HĐ/C PC1HN-KVHN	1.435,77	06/08/2021	24 tháng kể từ ngày kết quả mua thuốc tập trung và thỏa thuận khung có hiệu lực.	Thuốc, TPCN	Bệnh viện đa khoa khu vực Hồng Ngự	Không	

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI



STT	Tên hợp đồng	Giá trị/ năm (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	SP, DV đầu vào/ đầu ra	Đối tác giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty	Các đối tác tham gia
23	Hợp đồng cho thuê văn phòng	Giá trị năm 2019 và năm 2020: 1.716,00/ mỗi năm	Năm 2017	Từ năm 2017 đến nay	Thuê văn phòng	Công ty CP Dược phẩm Trung Ương CPC1	Cổ đông lớn, tổ chức có liên quan tới Ông Nguyễn Doãn Liêm và Ông Vũ Văn Hà	
24	Hợp đồng uỷ thác	31.999,55	02/01/2019	02/01/2019- 31/12/2019	Dịch vụ nhập hàng uỷ thác nguyên phụ liệu sản xuất thuốc	Công ty CP Dược phẩm Trung Ương CPC1	Cổ đông lớn, Tổ chức có liên quan tới Ông Nguyễn Doãn Liêm và Ông Vũ Văn Hà	
25	Hợp đồng uỷ thác	19.889,77	02/01/2020	02/01/2020- 31/12/2020	Như trên	Công ty CP Dược phẩm Trung Ương CPC1	Cổ đông lớn, Tổ chức có liên quan tới Ông Nguyễn Doãn Liêm và Ông Vũ Văn Hà	Không

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI



STT	Tên hợp đồng	Giá trị/ năm (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	SP, DV đầu vào/ đầu ra	Đối tác giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty	Các đối tác tham gia
26	Hợp đồng uỷ thác	46,88	02/01/2021	02/01/2021- 31/12/2021	Như trên	Công ty CP Dược phẩm Trung Ương CPC1	Cổ đông lớn, Tổ chức có liên quan tới Ông Nguyễn Doãn Liêm và Ông Vũ Văn Hà	Không
27	Hợp đồng Bán hàng hóa số 152/2019/CPC1- XNK	19.283,71	02/01/2019	02/01/2019- 31/12/2019	Thuốc, TPCN	Công ty CP Dược phẩm Trung Ương CPC1	Cổ đông lớn, Tổ chức có liên quan tới Ông Nguyễn Doãn Liêm và Ông Vũ Văn Hà	Không
28	Hợp đồng Bán hàng hóa số 745/HĐ-CPC1	17.090,89	07/01/2020	07/01/2020- 31/12/2020	Thuốc, TPCN	Công ty CP Dược phẩm Trung Ương CPC1	Cổ đông lớn, Tổ chức có liên quan tới Ông Nguyễn Doãn Liêm và Ông Vũ Văn Hà	Không

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI



STT	Tên hợp đồng	Giá trị/ năm (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	SP, DV đầu vào/ đầu ra	Đối tác giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty	Các đối tác tham gia
29	Hợp đồng Bán hàng hóa số 745/HĐ-CPC1	8.208,36 (*)	02/01/2021	02/01/2021-31/12/2021	Thuốc, TPCN	Công ty CP Dược phẩm Trung Ương CPC1	Cổ đông lớn, Tổ chức có liên quan tới Ông Nguyễn Doãn Liêm và Ông Vũ Văn Hà	Không
30	Hợp đồng Mua hàng hóa số 01/2019/HĐNT/T T-CPC1CN	10.926,26	02/01/2019	02/01/2019-31/12/2019	Thuốc, TPCN	Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh	Công ty do Ông Nguyễn Thanh Bình làm Giám đốc	Không
31	Hợp đồng Mua hàng hóa số 01/2020/HĐNT/T T-CPC1HN	11.590,94	02/01/2020	02/01/2020-31/12/2020	Thuốc, TPCN	Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh	Công ty do Ông Nguyễn Thanh Bình làm Giám đốc	Không
32	Hợp đồng Mua hàng hóa số 01/2021/HĐNT/T T-CPC1CN	6.815,25 (*)	02/01/2021	02/01/2021-31/12/2021	Thuốc, TPCN	Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh	Công ty do Ông Nguyễn Thanh Bình làm Giám đốc	Không

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI



STT	Tên hợp đồng	Giá trị/ năm (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	SP, DV đầu vào/ đầu ra	Đối tác giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty	Các đối tác tham gia
33	Hợp đồng Bán hàng hóa số 19/2019/HĐ/ CPC1HN-TT	24.723,04	02/01/2019	02/01/2019-31/12/2019	Thuốc, TPCN	Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh	Công ty do Ông Nguyễn Thanh Bình làm Giám đốc	Không
34	Hợp đồng Bán hàng hóa số 24/2020/HĐ/ CPC1HN-TT	27.368,26	02/01/2020	02/01/2020-31/12/2020	Thuốc, TPCN	Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh	Công ty do Ông Nguyễn Thanh Bình làm Giám đốc	Không
35	Hợp đồng Bán hàng hóa số 21/2021/HĐ/ CPC1HN-TT	19.913,26 (*)	02/01/2021	02/01/2021-31/12/2021	Thuốc, TPCN	Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh	Công ty do Ông Nguyễn Thanh Bình làm Giám đốc	Không
36	Hợp đồng Bán hàng hóa số 18/2019/HĐ/ CPC1HN-VNP	12.771,18	02/01/2019	02/01/2019-31/12/2019	Thuốc, TPCN	Công ty TNHH Dược phẩm VNP	Công ty do Ông Nguyễn Thanh Bình làm Phó Giám đốc	Không

STT	Tên hợp đồng	Giá trị/ năm (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	SP, DV đầu vào/ đầu ra	Đối tác giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty	Các đối tác tham gia
37	Hợp đồng Bán hàng hóa số 26/2020/HĐ/ CPC1HN-VNP	12.239,70	02/01/2020	02/01/2020-31/12/2020	Thuốc, TPCN	Công ty TNHH Dược phẩm VNP	Công ty do Ông Nguyễn Thanh Bình làm Phó Giám đốc	Không
38	Hợp đồng Bán hàng hóa số 7/2021/HĐ/ CPC1HN-VNP	8.185,91 (*)	02/01/2021	02/01/2021-31/12/2021	Thuốc, TPCN	Công ty TNHH Dược phẩm VNP	Công ty do Ông Nguyễn Thanh Bình làm Phó Giám đốc	Không

(*) Giá trị hợp đồng thực hiện từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

Nguồn: CPC1 Hà Nội

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

❖ Các khách hàng lớn

Công ty bán hàng qua kênh các khách hàng lớn và kênh đầu thầu cung cấp sản phẩm thuốc đến các Sở Y tế. Các khách hàng lớn của Công ty bao gồm:

Bảng 14. Các khách hàng lớn của CPC1 Hà Nội

STT	Tên hợp đồng	Giá trị/ năm (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	SP, DV đầu vào/ đầu ra	Đối tác giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty	Các đối tác tham gia
1	844/QĐ-SYT	12.704,53	22/07/2020	Trong vòng 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Thuốc	SYT Bình Thuận	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT
1.1	94/HĐ-BVBT	1.571,02	14/08/2020	12 tháng kể từ ngày 14/08/2020	Thuốc	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Thuận	Không	
1.2	56/HĐ-BVBBT	989,83	31/07/2020	12 tháng kể từ ngày 31/07/2020	Thuốc	Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Bình Thuận	Không	
2	844/QĐ-SYT	16.993,96	08/10/2020	Trong vòng 12 tháng kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	Thuốc	SYT Hải Dương	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT
2.1	3845/2020/HĐ/ CPC1HN-GL	1.239,04	23/10/2020	12 tháng kể từ ngày 08/10/2020	Thuốc	TTYT huyện Gia Lộc	Không	
2.2	3827/2020/HĐ/ CPC1HN-TM	791,93	22/10/2020	12 tháng kể từ ngày 08/10/2020	Thuốc	TTYT huyện Thanh Miện	Không	



STT	Tên hợp đồng	Giá trị/ năm (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	SP, DV đầu vào/ đầu ra	Đối tác giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty	Các đối tác tham gia
3	135/QĐ-SYT	41.144,90	01/02/2021	Từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2022	Thuốc	SYT Nghệ An	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT
3.1	768/2021/HĐKT/ĐKT	4.021,41	04/02/2021	Từ ngày 04/02/2021 đến ngày 31/12/2022	Thuốc	Bệnh viện Hữu Nghị Đa khoa Nghệ An	Không	
3.2	770/2021/HĐKT/BVSN	2.671,02	04/02/2021	Từ ngày 04/02/2021 đến ngày 31/12/2022	Thuốc	Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Nghệ An	Không	
4	25 /QĐ-SYT	13.286,49	14/01/2021	12 tháng kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	Thuốc	SYT Hải Phòng	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT
4.1	426/2021/HĐ/CP CIHN-VT	5.980,22	25/01/2021	Từ ngày 25/01/2021 đến hết ngày 13/01/2022	Thuốc	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiếp	Không	
4.2	439/2021/HĐ/CP CIHN-KA	1.349,91	25/01/2021	Từ ngày 25/01/2021 đến hết ngày 13/01/2022	Thuốc	Bệnh viện Kiên An	Không	

STT	Tên hợp đồng	Giá trị/ năm (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	SP, DV đầu vào/ đầu ra	Đối tác giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty	Các đối tác tham gia
5	78/QĐ-SYT	14.193,81	26/01/2021	Từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2021	Thuốc	SYT Thanh Hóa	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT
5.1	566/2021/HĐ/CP C1HN -PTH	1.308,20	28/01/2021	kể từ ngày 28/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021	Thuốc	Bệnh viện Phổi Thanh Hóa	Không	
5.2	567/2021/HĐ/CP C1HN-ĐKT	1.196,69	28/01/2021	kể từ ngày 28/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021	Thuốc	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa	Không	
6	50/QĐ-SYT	10.521,58	29/01/2021	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Thuốc	SYT Hà Tĩnh	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT
6.1	762/HĐKT/2021- 2023/BVTP	956,63	04/02/2021	kể từ ngày 04/02/2021 đến hết ngày 31/01/2023	Thuốc	Bệnh viện Đa khoa Thành Phố Hà Tĩnh	Không	
6.2	18T/BVTHT- CPC1HN	2.415,48	04/02/2021	kể từ ngày 04/02/2021 đến hết ngày 31/01/2023	Thuốc	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Tĩnh	Không	

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI



STT	Tên hợp đồng	Giá trị/ năm (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	SP, DV đầu vào/ đầu ra	Đối tác giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty	Các đối tác tham gia
7	341/QĐ-SYT	6.928,74	02/04/2019	02/04/2019 - 02/04/2020	Thuốc	SYT Bình Thuận thầu qua Codupha	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT
7.1	1514/2019/HĐ /CPC1HN-CODUPHA HCM	Hợp đồng nguyên tắc, giá trị thực tế theo số lượng đặt mua từng thời điểm	03/09/2019	Kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2020	Thuốc	Codupha HCM	Không	
8	255/QĐ-SYT	8.252,22	31/01/2019	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Thuốc	SYT Lạng Sơn	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT
8.1	265/2019/HĐ/CP C1HN-DDKT	3,15	15/02/2019	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Thuốc	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn	Không	
8.2	266/2019/HĐ/ CPC1HN-PLS	901,86	18/02/2019	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Thuốc	Bệnh viện Phổi Lạng Sơn	Không	
9	193/QĐ-SYT	6.152,19	19/06/2019	19/06/2019 – 19/06/2020	Thuốc	SYT Bình Phước	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT

STT	Tên hợp đồng	Giá trị/ năm (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	SP, DV đầu vào/ đầu ra	Đối tác giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty	Các đối tác tham gia
9.1	1062/2019/HĐ/ CPC1HN-ĐKT	2.341,91	27/06/2019	Kể từ ngày 27/06/2019 đến hết ngày 27/06/2020	Thuốc	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Phước	Không	
9.2	1074/2019/HĐ/ CPC1HN-LN	628,96	27/06/2019	Kể từ ngày 27/06/2019 đến hết ngày 27/06/2020	Thuốc	TTYT huyện Lộc Ninh	Không	
10	129/2021/HĐ/CP C1HN- VTYTDL	Hợp đồng nguyên tắc, giá trị thực tế theo số lượng đặt mua từng thời điểm	16/05/2019	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.	Thuốc	Công ty Cổ phần Dược – Vật tư y tế Đắk Lắk	Không	Không
11	135/QĐ-SYT	41.144,90	01/02/2021	Từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2022	Thuốc	SYT Nghệ An	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT
11.1	768/2021/HĐKT/ ĐKT	4.021,41	04/02/2021	Từ ngày 04/02/2021 đến ngày 31/12/2022	Thuốc	Bệnh viện Hữu Nghị Đa khoa Nghệ An	Không	
11.2	770/2021/HĐKT/ BVS	2.671,02	04/02/2021	Từ ngày 04/02/2021 đến ngày 31/12/2022	Thuốc	Bệnh viện Sân Nhi tỉnh Nghệ An	Không	

STT	Tên hợp đồng	Giá trị/ năm (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	SP, DV đầu vào/ đầu ra	Đối tác giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty	Các đối tác tham gia
12	25 /QĐ-SYT	13.286,49	14/01/2021	12 tháng kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	Thuốc	SYT Hải Phòng	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT
12.1	426/2021/HĐ/CP CIHN-VT	5.980,22	25/01/2021	Từ ngày 25/01/2021 đến hết ngày 13/01/2022	Thuốc	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiếp	Không	
12.2	439/2021/HĐ/CP CIHN-KA	1.349,91	25/01/2021	Từ ngày 25/01/2021 đến hết ngày 13/01/2022	Thuốc	Bệnh viện Kiến An	Không	
13	78/QĐ-SYT	14.193,81	26/01/2021	Từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2021	Thuốc	SYT Thanh Hóa	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT
13.1	566/2021/HĐ/CP CIHN-PTH	1.308,20	28/01/2021	kể từ ngày 28/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021	Thuốc	Bệnh viện Phổi Thanh Hóa	Không	
13.2	567/2021/HĐ/CP CIHN-ĐKT	1.196,69	28/01/2021	kể từ ngày 28/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021	Thuốc	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa	Không	

STT	Tên hợp đồng	Giá trị/ năm (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	SP, DV đầu vào/ đầu ra	Đối tác giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty	Các đối tác tham gia
14	50/QĐ-SYT	10.521,58	29/01/2021	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Thuốc	SYT Hà Tĩnh	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT
14.1	762/HĐKT/2021-2023/BVTP	956,63	04/02/2021	kể từ ngày 04/02/2021 đến hết ngày 31/01/2023	Thuốc	Bệnh viện Đa khoa Thành Phố Hà Tĩnh	Không	
14.2	18T/BVTHT-CPC1HN	2.415,48	04/02/2021	kể từ ngày 04/02/2021 đến hết ngày 31/01/2023	Thuốc	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Tĩnh	Không	
15	410/QĐ-SYT	5.312,99	24/03/2021	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Thuốc	SYT Bắc Ninh	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT
15.1	1382/2021/HĐ/CP C1HN-DKT	959,59	01/04/2021	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.	Thuốc	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Ninh	Không	
15.2	1383/2021/HĐ/CP C1HN-SN	1.088,49	01/04/2021	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.	Thuốc	Bệnh viện Sản Nhi Bắc Ninh	Không	

STT	Tên hợp đồng	Giá trị/ năm (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	SP, DV đầu vào/ đầu ra	Đối tác giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty	Các đối tác tham gia
16	280/QĐ-SYT	13.488,80	09/04/2021	18 tháng kể từ ngày thỏa thuận khung có hiệu lực	Thuốc	SYT Tuyên Quang	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT
16.1	1452/2021/HĐ/CP C1HN-DKT	7.920,90	13/04/2021	kể từ ngày ký đến ngày 13/10/2022	Thuốc	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang	Không	
16.2	1462/2021/HĐ/CP C1HN-SD	706,30	13/04/2021	kể từ ngày ký đến ngày 13/10/2022	Thuốc	Trung tâm Y tế huyện Sơn Dương	Không	
17	764/QĐ-SYT	18.726,60	09/06/2021	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết tháng 12/2022	Thuốc	SYT Đồng Nai 2021	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT
17.1	23KD/2021/GI/BV ĐKĐN	4.965,90	23/06/2021	kể từ ngày ký đến hết tháng 12/2022	Thuốc	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	Không	
17.2	24/21/TG-GI/HĐ- BV TN	4.583,90	30/06/2021	Kể từ ngày 01/07/2021 đến hết tháng 31/12/2022	Thuốc	Bệnh viện Đa khoa Thống nhất Đồng Nai	Không	

STT	Tên hợp đồng	Giá trị/ năm (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	SP, DV đầu vào/ đầu ra	Đối tác giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty	Các đối tác tham gia
18	2345/QĐ-SYT	6.967,57	10/08/2021	16/08/2022	Thuốc, TPCN	SYT Lạng Sơn	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT
18.1	Hợp đồng Bán hàng hóa số 2922/2021/HĐ/CP CIHN-ĐKTL	2.922,52	16/08/2021	12 tháng, từ ngày hợp đồng có hiệu lực.	Thuốc, TPCN	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn	Không	
18.2	Hợp đồng Bán hàng hóa số 2931/2021/HĐ/CP CIHN-HUULUNG	737,18	16/08/2021	12 tháng, từ ngày hợp đồng có hiệu lực.	Thuốc, TPCN	Trung tâm y tế huyện Hữu Lũng	Không	
19	1083/QĐ-SYT	13.462,88	19/08/2021	19/08/2022	Thuốc, TPCN	SYT Bình Thuận	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT
19.1	Hợp đồng Bán hàng hóa số 3078/HĐ-BVBBT	3.212,01	25/08/2021	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.	Thuốc, TPCN	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Bình Thuận	Không	
19.2	Hợp đồng Bán hàng hóa số 3100/2021/HĐ/CP CIHN-BVLG	2.396,21	27/08/2021	Trong vòng 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.	Thuốc, TPCN	Bệnh viện đa khoa khu vực LAGI	Không	

STT	Tên hợp đồng	Giá trị/ năm (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	SP, DV đầu vào/ đầu ra	Đối tác giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty	Các đối tác tham gia
16	280/QĐ-SYT	13.488,80	09/04/2021	18 tháng kể từ ngày thỏa thuận khung có hiệu lực	Thuốc	SYT Tuyên Quang	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT
16.1	1452/2021/HĐ/CP C1HN-ĐKT	7.920,90	13/04/2021	kể từ ngày ký đến ngày 13/10/2022	Thuốc	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang	Không	
16.2	1462/2021/HĐ/CP C1HN-SD	706,30	13/04/2021	kể từ ngày ký đến ngày 13/10/2022	Thuốc	Trung tâm Y tế huyện Sơn Dương	Không	
17	764/QĐ-SYT	18.726,60	09/06/2021	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết tháng 12/2022	Thuốc	SYT Đồng Nai 2021	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT
17.1	23KD/2021/G1/BV ĐKDN	4.965,90	23/06/2021	kể từ ngày ký đến hết tháng 12/2022	Thuốc	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	Không	
17.2	24/21/TG.G1/HĐ- BVVN	4.583,90	30/06/2021	Kể từ ngày 01/07/2021 đến hết tháng 31/12/2022	Thuốc	Bệnh viện Đa khoa Thống nhất Đồng Nai	Không	

STT	Tên hợp đồng	Giá trị/ năm (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	SP, DV đầu vào/ đầu ra	Đối tác giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty	Các đối tác tham gia
18	2345/QĐ-SYT	6.967,57	10/08/2021	16/08/2022	Thuốc, TPCN	SYT Lạng Sơn	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT
18.1	Hợp đồng Bán hàng hóa số 2922/2021/HĐ/CP CIHN-ĐKTL	2.922,52	16/08/2021	12 tháng, từ ngày hợp đồng có hiệu lực.	Thuốc, TPCN	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn	Không	
18.2	Hợp đồng Bán hàng hóa số 2931/2021/HĐ/CP CIHN-HUULUNG	737,18	16/08/2021	12 tháng, từ ngày hợp đồng có hiệu lực.	Thuốc, TPCN	Trung tâm y tế huyện Hữu Lũng	Không	
19	1083/QĐ-SYT	13.462,88	19/08/2021	19/08/2022	Thuốc, TPCN	SYT Bình Thuận	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT
19.1	Hợp đồng Bán hàng hóa số 3078/HĐ-BVBBT	3.212,01	25/08/2021	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.	Thuốc, TPCN	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Bình Thuận	Không	
19.2	Hợp đồng Bán hàng hóa số 3100/2021/HĐ/CP CIHN-BVLG	2.396,21	27/08/2021	Trong vòng 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.	Thuốc, TPCN	Bệnh viện đa khoa khu vực LAGI	Không	

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI



STT	Tên hợp đồng	Giá trị/ năm (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	SP, DV đầu vào/ đầu ra	Đối tác giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty	Các đối tác tham gia
20	1320/QĐ-SYT	17.990,29	12/08/2021	12/08/2023	Thuốc, TPCN	SYT tỉnh Bắc Giang	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT
20.1	Hợp đồng Bán hàng hóa số 3017/HĐ/CPC1H N-SN	5.114,35	30/08/2021	02 năm (24 tháng) kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.	Thuốc, TPCN	Bệnh viện Sản Nhi Bắc Giang	Không	
20.2	Hợp đồng Bán hàng hóa số 3043/2021/ĐKKG	3.522,03	23/08/2021	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.	Thuốc, TPCN	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang	Không	
21	Hợp đồng Bán hàng hóa số 046/2021/HDD.L2 CR	5.936,70	29/07/2021	10 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng	Thuốc, TPCN	Bệnh viện Chợ Rẫy	Không	Không
22	920/QĐ-SYT	12.337,05	31/07/2021	06/08/2023	Thuốc, TPCN	SYT Đồng Tháp	Không	Các đơn vị khám chữa bệnh thuộc SYT
22.1	Hợp đồng Bán hàng hóa số 2800/2021/HĐ/CP CIHN-QDY	1.542,73	06/08/2021	24 tháng kể từ ngày kết quả mua thuốc tập trung và thỏa thuận khung có hiệu lực.	Thuốc, TPCN	Bệnh viện Quân y – Dân y tỉnh Đồng Tháp	Không	

STT	Tên hợp đồng	Giá trị/ năm (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	SP, DV đầu vào/ đầu ra	Đối tác giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty	Các đối tác tham gia
22.2	Hợp đồng Bán hàng hóa số 2797/2021/HĐ/CP CIHN-KVHN	1.435,77	06/08/2021	24 tháng kể từ ngày kết quả mua thuốc tập trung và thỏa thuận khung có hiệu lực.	Thuốc, TPCN	Bệnh viện đa khoa khu vực Hồng Ngự	Không	
23	Hợp đồng uỷ thác	46,88	02/01/2021	02/01/2021-31/12/2021	Như trên	Công ty CP Dược phẩm Trung Ương CPC1	Cổ đông lớn, Tổ chức có liên quan tới Ông Nguyễn Doãn Liêm và Ông Vũ Văn Hà	Không
24	Hợp đồng Bán hàng hóa số 152/2019/CPC1-XNK	19.283,71	02/01/2019	02/01/2019-31/12/2019	Thuốc, TPCN	Công ty CP Dược phẩm Trung Ương CPC1	Cổ đông lớn, Tổ chức có liên quan tới Ông Nguyễn Doãn Liêm và Ông Vũ Văn Hà	Không
25	Hợp đồng Bán hàng hóa số 745/HĐ-CPC1	17.090,89	07/01/2020	07/01/2020-31/12/2020	Thuốc, TPCN	Công ty CP Dược phẩm Trung Ương CPC1	Cổ đông lớn, Tổ chức có liên quan tới Ông Nguyễn Doãn Liêm và Ông Vũ Văn Hà	Không

STT	Tên hợp đồng	Giá trị/ năm (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	SP, DV đầu vào/ đầu ra	Đối tác giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty	Các đối tác tham gia
26	Hợp đồng Bán hàng hóa số 745/HĐ-CPC1	8.208,36 (*)	02/01/2021	02/01/2021-31/12/2021	Thuốc, TPCN	Công ty CP Dược phẩm Trung Ương CPC1	Có đồng lớn, Tổ chức có liên quan tới Ông Nguyễn Doãn Liêm và Ông Vũ Văn Hà	Không
27	Hợp đồng Bán hàng hóa số 19/2019/HĐ/ CPC1HN-TT	24.723,04	02/01/2019	02/01/2019-31/12/2019	Thuốc, TPCN	Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh	Công ty do Ông Nguyễn Thanh Bình làm Giám đốc	Không
28	Hợp đồng Bán hàng hóa số 24/2020/HĐ/ CPC1HN-TT	27.368,26	02/01/2020	02/01/2020-31/12/2020	Thuốc, TPCN	Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh	Công ty do Ông Nguyễn Thanh Bình làm Giám đốc	Không
29	Hợp đồng Bán hàng hóa số 21/2021/HĐ/ CPC1HN-TT	19.913,26 (*)	02/01/2021	02/01/2021-31/12/2021	Thuốc, TPCN	Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh	Công ty do Ông Nguyễn Thanh Bình làm Giám đốc	Không

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI



STT	Tên hợp đồng	Giá trị/ năm (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	SP, DV đầu vào/ đầu ra	Đối tác giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty	Các đối tác tham gia
30	Hợp đồng Bán hàng hóa số 18/2019/HĐ/ CPC1HN-VNP	12.771,18	02/01/2019	02/01/2019-31/12/2019	Thuốc, TPCN	Công ty TNHH Dược phẩm VNP	Công ty do Ông Nguyễn Thanh Bình làm Phó Giám đốc	Không
31	Hợp đồng Bán hàng hóa số 26/2020/HĐ/ CPC1HN-VNP	12.239,70	02/01/2020	02/01/2020-31/12/2020	Thuốc, TPCN	Công ty TNHH Dược phẩm VNP	Công ty do Ông Nguyễn Thanh Bình làm Phó Giám đốc	Không
32	Hợp đồng Bán hàng hóa số 7/2021/HĐ/ CPC1HN-VNP	8.185,91 (*)	02/01/2021	02/01/2021-31/12/2021	Thuốc, TPCN	Công ty TNHH Dược phẩm VNP	Công ty do Ông Nguyễn Thanh Bình làm Phó Giám đốc	Không

(*) Giá trị hợp đồng thực hiện từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

Nguồn: CPC1 Hà Nội

❖ Nhà cung cấp lớn

Với tình hình dịch Covid diễn biến phức tạp ở Việt Nam nói riêng và các nước trên thế giới nói chung. Nguồn cung ứng nguyên vật liệu, phụ liệu của Công ty cũng bị ảnh hưởng đáng kể do các nhà cung cấp cũng không thể cung ứng kịp thời do nguồn nguyên liệu đầu vào bị ảnh hưởng. Tuy nhiên Công ty có định hướng về nguồn nguyên vật liệu dự trữ trước khi dịch diễn biến phức tạp đồng thời luôn luôn tìm kiếm các nhà cung ứng dự phòng để việc cung ứng nguyên phụ liệu luôn luôn đáp ứng được nhu cầu sản xuất. Công ty cũng luôn tìm kiếm các đối tác đánh giá chất lượng sản phẩm cũng như giá thành để tối ưu hóa giá thành sản xuất mang lại lợi nhuận tốt nhất cho doanh nghiệp. Nhưng không vì nhu cầu nguyên liệu mà Công ty nói lỏng các quy trình kiểm định đầu vào. Nguồn nguyên phụ liệu đều được kiểm định chặt chẽ trước khi nhập kho, quá trình lưu kho đảm bảo cho quy trình sản xuất luôn đạt hiệu quả tối ưu nhất.

Ngoài các nguyên phụ liệu được mua trong nước thì Công ty cũng luôn tìm kiếm các đối tác để nhập khẩu nguyên phụ liệu như Ấn Độ, Trung Quốc, Châu Âu, Nhật Bản, Singapore...

Bảng 15. Các nhà cung cấp lớn của CPC1 Hà Nội.

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tên Nhà cung cấp	Sản phẩm cung ứng	Giá trị đã cung cấp			Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty
			2019	2020	9 tháng đầu năm 2021	
1	Công Ty TNHH Sản xuất bao bì và Thương mại Đức Thành	Nhãn phiếu, toa và hộp các loại	11.569,61	11.703,26	8.666,23	Không có
2	Công Ty TNHH TM & SX Đông Âu	Màng ghép, màng nhôm các loại	2.252,16	2.834,74	2.965,22	Không có
3	Công Ty CP Trần Nguyễn Hà	Tem các loại	2.761,02	3.049,08	3.341,63	Không có
4	Công Ty TNHH TM và DV Ánh sáng Châu Á	SP Polyglykol, Montanov, Magnesium Gluconate, ..	1.532,71	2.181,55	3.891,48	Không có
5	Công ty CP Hóa dược quốc tế Hà Nội	Nguyên liệu	5.073,91	2.604,99	4.211,99	Không có

TT	Tên Nhà cung cấp	Sản phẩm cung ứng	Giá trị đã cung cấp			Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty
			2019	2020	9 tháng đầu năm 2021	
6	Chi nhánh Công ty TNHH Kiến Vương Tại Bắc Ninh	Nguyên liệu	1.724,16	2.819,30	4.349,32	Không có
7	Công ty CP công nghệ Legend Bio Việt	Nguyên liệu	5.779,52	4.265,03	1.151,69	Không có
8	Công Ty CP Atani Holdings	SP Bacillus Subtilis, Bacillus Clausii dạng lỏng	-	2.235,20	4.350,50	Không có
9	Zibo Haiqiao Import & Export Co., LTD.	Nhựa PVC/PE	3.591,24	6.235,79	13.105,83	Không có
10	Biofer S.p.A	Calcium Folate	6.918,49	4.044,39	3.397,15	Không có
11	FLAMMA S.P.A	NL Acetyl leucin	676,86	1.996,28	3.564,34	Không có
12	SICOR DE MEXICO S.A. DE C.V.	Rocuronium Bromide	-	4.038,54	-	Không có
13	EXCELLA GMBH & CO.KG	Dobutamine HCL...	539,54	1.938,30	-	Không có
14	Shanghai Impact Industries Co., Ltd	Phụ liệu chai lọ...	3.038,57	1.825,69	3.372,43	Không có
15	SHILPA MEDICARE LTD	Tranexamic acid...	-	1.401,71	926,21	Không có
16	Sinobright Pharmaceutical Co.,Ltd	Phenazone, Nimodipine...	394,76	1.373,76	1.580,59	Không có
17	Hunan Jiudian Pharmaceutical Co., Ltd.	Levodropropizine...	2.825,35	1.346,71	1.933,09	Không có
18	Ningbo Zhenhai Amino-Acid Factory	L-arginine...	1.126,00	1.311,31	464,51	Không có

❖ Nhà cung cấp lớn

Với tình hình dịch Covid diễn biến phức tạp ở Việt Nam nói riêng và các nước trên thế giới nói chung. Nguồn cung ứng nguyên vật liệu, phụ liệu của Công ty cũng bị ảnh hưởng đáng kể do các nhà cung cấp cũng không thể cung ứng kịp thời do nguồn nguyên liệu đầu vào bị ảnh hưởng. Tuy nhiên Công ty có định hướng về nguồn nguyên vật liệu dự trữ trước khi dịch diễn biến phức tạp đồng thời luôn luôn tìm kiếm các nhà cung ứng dự phòng để việc cung ứng nguyên phụ liệu luôn luôn đáp ứng được nhu cầu sản xuất. Công ty cũng luôn tìm kiếm các đối tác đánh giá chất lượng sản phẩm cũng như giá thành để tối ưu hóa giá thành sản xuất mang lại lợi nhuận tốt nhất cho doanh nghiệp. Nhưng không vì nhu cầu nguyên liệu mà Công ty nói lỏng các quy trình kiểm định đầu vào. Nguồn nguyên phụ liệu đều được kiểm định chặt chẽ trước khi nhập kho, quá trình lưu kho đảm bảo cho quy trình sản xuất luôn đạt hiệu quả tối ưu nhất.

Ngoài các nguyên phụ liệu được mua trong nước thì Công ty cũng luôn tìm kiếm các đối tác để nhập khẩu nguyên phụ liệu như Ấn Độ, Trung Quốc, Châu Âu, Nhật Bản, Singapore...

Bảng 15. Các nhà cung cấp lớn của CPC1 Hà Nội.

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tên Nhà cung cấp	Sản phẩm cung ứng	Giá trị đã cung cấp			Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty
			2019	2020	9 tháng đầu năm 2021	
1	Công Ty TNHH Sản xuất bao bì và Thương mại Đức Thành	Nhãn phiếu, toa và hộp các loại	11.569,61	11.703,26	8.666,23	Không có
2	Công Ty TNHH TM & SX Đông Âu	Màng ghép, màng nhôm các loại	2.252,16	2.834,74	2.965,22	Không có
3	Công Ty CP Trần Nguyễn Hà	Tem các loại	2.761,02	3.049,08	3.341,63	Không có
4	Công Ty TNHH TM và DV Ánh sáng Châu Á	SP Polyglykol, Montanov, Magnesium Gluconate, ..	1.532,71	2.181,55	3.891,48	Không có
5	Công ty CP Hóa dược quốc tế Hà Nội	Nguyên liệu	5.073,91	2.604,99	4.211,99	Không có

TT	Tên Nhà cung cấp	Sản phẩm cung ứng	Giá trị đã cung cấp			Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty
			2019	2020	9 tháng đầu năm 2021	
6	Chi nhánh Công ty TNHH Kiến Vương Tại Bắc Ninh	Nguyên liệu	1.724,16	2.819,30	4.349,32	Không có
7	Công ty CP công nghệ Legend Bio Việt	Nguyên liệu	5.779,52	4.265,03	1.151,69	Không có
8	Công Ty CP Atani Holdings	SP Bacillus Subtilis, Bacillus Clausii dạng lỏng	-	2.235,20	4.350,50	Không có
9	Zibo Haiqiao Import & Export Co., LTD.	Nhựa PVC/PE	3.591,24	6.235,79	13.105,83	Không có
10	Biofer S.p.A	Calcium Folate	6.918,49	4.044,39	3.397,15	Không có
11	FLAMMA S.P.A	NL Acetyl leucin	676,86	1.996,28	3.564,34	Không có
12	SICOR DE MEXICO S.A. DE C.V.	Rocuronium Bromide	-	4.038,54	-	Không có
13	EXCELLA GMBH & CO.KG	Dobutamine HCL...	539,54	1.938,30	-	Không có
14	Shanghai Impact Industries Co., Ltd	Phụ liệu chai lọ...	3.038,57	1.825,69	3.372,43	Không có
15	SHILPA MEDICARE LTD	Tranexamic acid...	-	1.401,71	926,21	Không có
16	Sinobright Pharmaceutical Co.,Ltd	Phenazone, Nimodipine...	394,76	1.373,76	1.580,59	Không có
17	Hunan Jiudian Pharmaceutical Co., Ltd.	Levodropropizine...	2.825,35	1.346,71	1.933,09	Không có
18	Ningbo Zhenhai Amino-Acid Factory	L-arginine...	1.126,00	1.311,31	464,51	Không có

TT	Tên Nhà cung cấp	Sản phẩm cung ứng	Giá trị đã cung cấp			Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty
			2019	2020	9 tháng đầu năm 2021	
19	Swati Spentose Pvt., Ltd.	Granisetron Hydrochloride	337,02	1.228,62	-	Không có
20	Cambrex Profarmaco Milano S.r.l	Norepinephrine Bitartrate	552,31	1.086,81	1.184,51	Không có
21	Melchers Techexport GMBH	Alu	1.303,22	938,72	-	Không có
22	Linnea SA	Hyoscine Butylbromide	-	808,43	684,65	Không có
23	Shanghai Best China Industry Co., Ltd.	lọ thủy tinh	335,54	775,46	1.271,78	Không có
24	EDMOND PHARMA S.R.L	Levobupivacaine, Hydrochloride...	234,83	769,8	1.798,68	Không có
25	NORTHEAST PHARMACEUTICAL GROUP CO.,LTD	Piracetam, Fosfomycin	623,3	761,5	255,06	Không có
26	Công ty CP Dược phẩm Trung Ương CPC1	Hợp đồng cho thuê văn phòng 356A Giải Phóng, Hà Nội	1.716,00	1.716,00	858,00	Cổ đông lớn, tổ chức có liên quan tới Ông Nguyễn Doãn Liêm và Ông Vũ Văn Hà
26	Công ty CP Dược phẩm Trung Ương CPC1	Dịch vụ nhập hàng uỷ thác nguyên phụ liệu sản xuất thuốc	31.999,55	19.889,77	46,88	Cổ đông lớn, tổ chức có liên quan tới Ông Nguyễn Doãn Liêm và Ông Vũ Văn Hà
27	Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh	Thuốc, TPCN	10.926,26	11.590,90	6.815,25	Công ty do Ông Nguyễn Thanh Bình làm Giám đốc

Nguồn: CPC1 Hà Nội

10.7. Vị thế của Công ty trong ngành

10.7.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Mức độ cạnh tranh trên thị trường dược phẩm là khá cao. Tuy nhiên, thị trường có sự phân hóa rõ nét, theo đó, các doanh nghiệp có nhà máy sản xuất quy mô đạt tiêu chuẩn WHO, có mạng lưới khách hàng lớn chiếm thị phần lớn trong ngành.

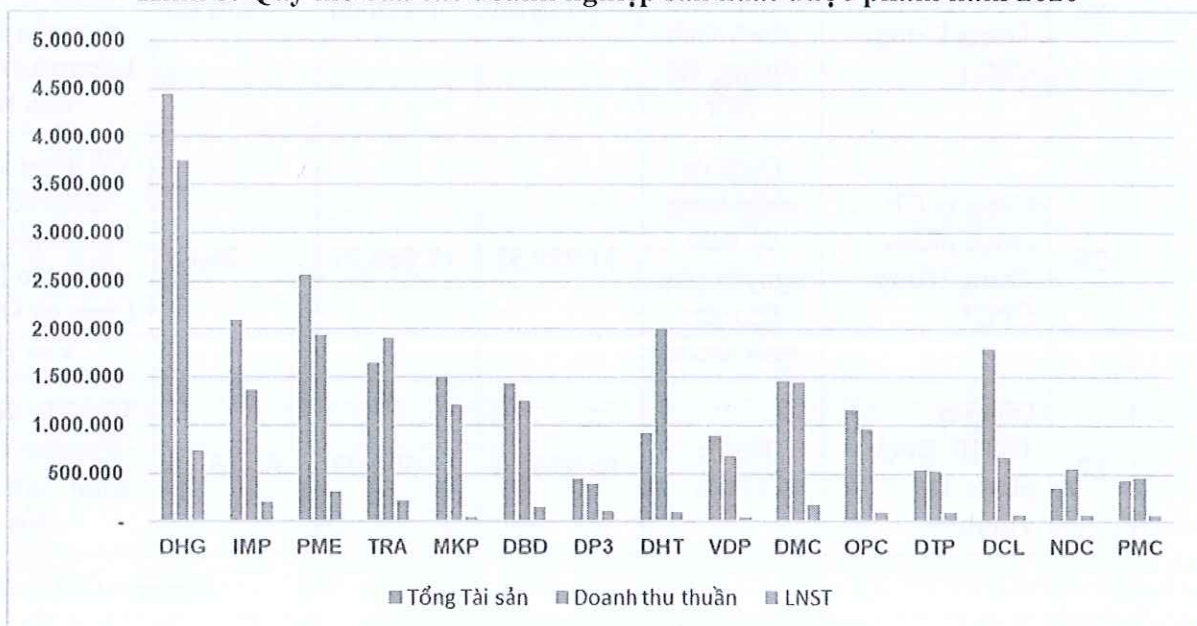
Sau hơn 11 năm xây dựng và hoạt động, bằng những nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên và các định hướng mang tính chiến lược, phù hợp với xu thế phát triển của Ban lãnh đạo, Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội đã có những bước phát triển vượt bậc, khẳng định được tên tuổi và vị thế của mình trong lĩnh vực Dược phẩm.

Với mục tiêu tạo ra các sản phẩm thuốc với chất lượng tốt, an toàn, tiện lợi cho bệnh nhân và nhân viên y tế, Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội đã đầu tư xây dựng Xưởng sản xuất đạt chuẩn GMP WHO có diện tích 3.360 m² được xây trên diện tích đất hơn 30.306,3 m² tại Cụm công nghiệp Hà Bình Phương.

Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội tự hào là đơn vị sử dụng các dây chuyền máy móc sản xuất hiện đại nhất hiện nay như: dây chuyền sản xuất thuốc tiêm ống nhựa, công nghệ BFS với năng lực sản xuất là trên 120 triệu phẩm/năm, dây chuyền sản xuất viên nang mềm, dây chuyền sản xuất chai xịt vỏ nhôm.

Với mạng lưới phân phối được chia thành 03 vùng (Bắc, Trung, Nam), quản lý và điều hành bởi 8 đơn vị trực thuộc bao gồm Chi nhánh TPHCM, Chi nhánh Hà Nội, Chi nhánh Đà Nẵng, địa điểm kinh doanh tại Thanh Hóa, Nghệ An, Khánh Hòa, Đắk Lắk và đang được tiếp tục mở rộng thêm các địa bàn khác trong cả nước, sản phẩm của Công ty được phân phối trên toàn quốc, trải rộng trên 63 tỉnh, thành phố. Sản phẩm thuốc của Công ty có chất lượng tốt, an toàn, tiện lợi cho bệnh nhân và nhân viên y tế.

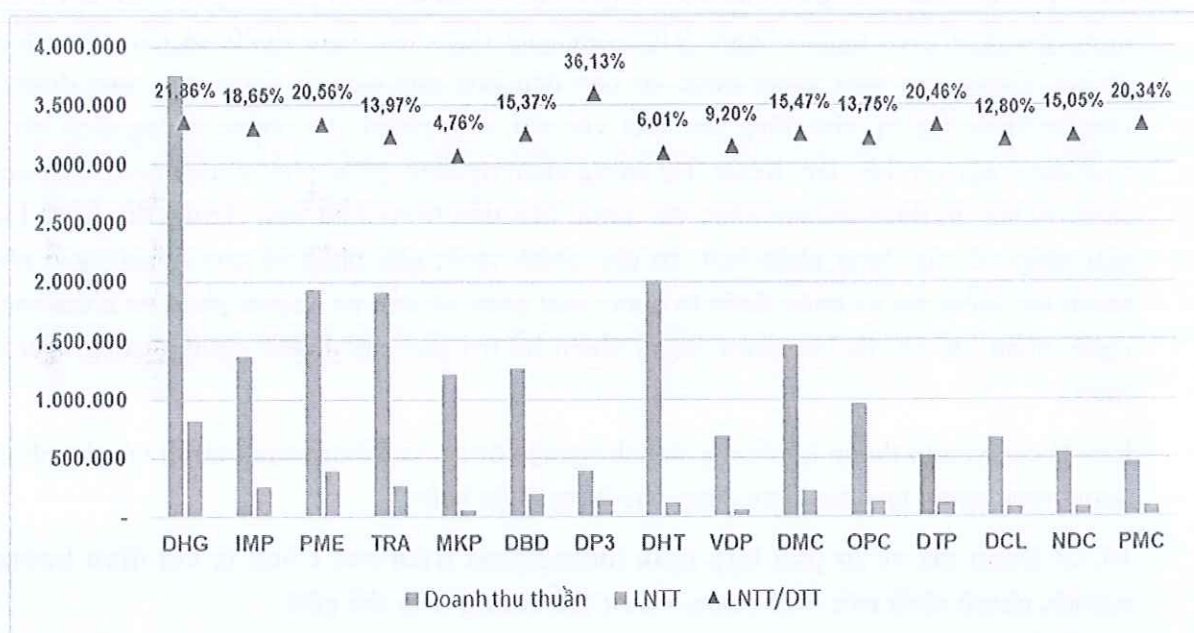
Hình 5. Quy mô của các doanh nghiệp sản xuất dược phẩm năm 2020



Nguồn: Tổng hợp từ BCTC năm 2020 đã được kiểm toán của các Công ty

Trong quá trình hoạt động, CPC1 Hà Nội luôn nỗ lực đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, mở rộng mạng lưới hoạt động, giữ vững uy tín thương hiệu nên luôn được khách hàng an tâm, tin tưởng sử dụng sản phẩm. Đến thời điểm 31/12/2020, tổng tài sản của CPC1 Hà Nội đạt 533,70 tỷ đồng và hiện nay đứng trong nhóm các công ty sản xuất dược phẩm có quy mô trung bình trong hệ thống công ty Dược.

Hình 6. Hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất dược phẩm năm 2020



Nguồn: Tổng hợp từ BCTC năm 2020 đã được kiểm toán của các Công ty

Công ty có mức tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần năm 2020 đạt 20,46%, thuộc nhóm công ty dược có tỷ suất sinh lời cao trong ngành.

10.7.2 Triển vọng phát triển của ngành

Hãng nghiên cứu thị trường IBM dự báo, quy mô toàn ngành dược phẩm của Việt Nam có thể đạt con số 7,7 tỉ USD vào năm 2021 và lên đến 16,1 tỉ USD vào năm 2026. Tỷ lệ tăng trưởng kép có thể đạt 11%. Theo tổ chức IQVIA dự báo tổng giá trị dược phẩm tiêu thụ ở Việt Nam tiếp tục tăng trưởng trong năm 2021, ước đạt 123,6 nghìn tỉ đồng (tăng khoảng 8,0% so với cùng kỳ 2020). Hiện tại, chỉ tiêu bình quân đầu người cho y tế tại Việt Nam còn thấp, trong tương lai, chỉ tiêu cho y tế của người Việt Nam sẽ tăng cao, nguyên nhân chủ yếu có thể kể đến như sau:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế và thu nhập quốc dân cao;
- Sự nâng cao ý thức của người dân vào việc bảo vệ sức khỏe;
- Tốc độ đô thị hóa cao, ô nhiễm môi trường và những thói quen ăn uống thiếu khoa học dẫn đến việc gia tăng bệnh tật trong dân cư.
- Theo chính sách phát triển Ngành Dược Việt Nam đến năm 2020, Việt Nam sẽ tiếp tục duy trì các rào cản pháp lý áp dụng với Các tập đoàn dược phẩm nước ngoài bao gồm:

- + Hạn chế cấp phép đăng ký nhãn thuốc;
- + Không cho phép phân phối trực tiếp thuốc tại Việt Nam;
- Doanh nghiệp dược Việt Nam tiếp tục có lợi thế trong việc đấu thầu cung cấp thuốc cho kênh điều trị. Các quy định về đấu thầu thuốc tại bệnh viện công không bị ràng buộc bởi bất cứ cam kết quốc tế nào (WHO, CPTPP, AFTA,...) do đây là quy định nội bộ sử dụng nguồn ngân sách nhà nước.

Về Mục tiêu định hướng đến năm 2030 (theo quyết định số 68/QĐ-TTg Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030): Thuốc sản xuất trong nước cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng, sản xuất được thuốc chuyên khoa đặc trị, chủ động sản xuất vắc xin, sinh phẩm cho phòng chống dịch bệnh, sản xuất được nguyên liệu làm thuốc. Hệ thống kiểm nghiệm, phân phối thuốc, công tác dược lâm sàng, thông tin thuốc ngang bằng các nước tiên tiến trong khu vực. Trong đó, hàng loạt các giải pháp về xây dựng pháp luật, cơ chế chính sách; giải pháp về quy hoạch; giải pháp về thanh tra, kiểm tra và hoàn thiện tổ chức; giải pháp về đầu tư và giải pháp về khoa học công nghệ, nhân lực và đào tạo được đề ra nhằm hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong ngành phát triển.

Đây là các yếu tố thuận lợi để các doanh nghiệp dược Việt Nam cạnh tranh với doanh nghiệp dược nước ngoài tại Việt Nam cũng như hàng nhập khẩu.

10.7.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Theo đánh giá của Vietnam Report, dù gặp nhiều khó khăn về sản xuất và công nghệ, nhưng với cơ cấu dân số trẻ đang có tốc độ già hóa nhanh, thu nhập, tình trạng ô nhiễm môi trường và mức độ quan tâm của trên 97 triệu dân đến các vấn đề sức khỏe ngày càng cao, sẽ là động lực cho Ngành Dược phẩm tiếp tục tăng trưởng. Trong vòng 5 năm tiếp theo, ngành Dược Việt Nam được dự đoán sẽ tiếp tục nằm trong nhóm 20 quốc gia có mức tăng trưởng mạnh và ổn định nhất thế giới. Cùng với sự tăng trưởng của ngành Dược, trong những năm qua, mức chi bình quân đầu người cho dược phẩm tại Việt Nam cũng tăng theo. Đây là cơ hội rất lớn cho ngành Dược phẩm nói chung và CPC1HN nói riêng.

Khai thác tối đa lợi công suất của nhà máy GMP – WHO công nghệ hiện đại tiêu chuẩn GMP – WHO, trong những năm qua, Công ty tiếp tục đầu tư nghiên cứu và sản xuất nhiều dòng sản phẩm chất lượng, đảm bảo tốc độ tăng trưởng doanh thu hàng năm của năm 2019 và 2020 lần lượt là 66,65% và 16,70%. Công ty cũng mở rộng kênh phân phối OTC và ETC rộng khắp, thực hiện phân phối cho các quầy thuốc, nhà thuốc, phòng khám, các bệnh viện trên toàn quốc.

Định hướng phát triển của Công ty được đánh giá là phù hợp với định hướng phát triển của ngành, của nền kinh tế và đáp ứng được yêu cầu định hướng trong chính sách của Nhà nước.

10.8. Hoạt động Marketing

Công ty thực hiện đa dạng các hoạt động marketing, truyền thông như:

10.8.1. Triển khai các hoạt động marketing nhãn sản phẩm trên quy mô rộng

- Kế hoạch triển khai marketing được xây dựng theo từng giai đoạn cho từng nhãn sản phẩm, tiêu biểu như nhãn: Progermila, Nebusal, Mucome, Laforin, Aricamun,...
- Đẩy mạnh trên các phương tiện thông tin đại chúng và đa dạng hóa các hình thức hoạt động marketing: truyền hình, truyền thanh, digital marketing trên internet - mạng xã hội (facebook, youtube, tiktok, google, intergrams, linkedin, email marketing, zalo marketing,...), quảng cáo ngoài trời, quảng cáo tại các tòa nhà, địa điểm công cộng,...
- Tiếp tục nhân rộng các hoạt động Trade marketing:
 - + Tổ chức thường xuyên các hoạt động trải nghiệm sản phẩm tại các chuỗi nhà thuốc (mục tiêu hơn 100 hoạt động trải nghiệm năm 2021)
 - + Mở rộng hàng nghìn điểm dán poster (mục tiêu hơn 10.000 điểm dán năm 2021) có trả thưởng cho các nhãn sản phẩm trên toàn quốc
 - + Xây dựng hệ thống Cộng tác viên online bán các sản phẩm. Mục tiêu năm 2021 là 300 cộng tác viên hoạt động thường xuyên, nhằm xây dựng kênh marketing - sale - trải nghiệm sản phẩm trực tiếp tới người tiêu dùng sản phẩm.
 - + Xây dựng các kênh marketing - sale trên các sàn thương mại điện tử như Tiki, Shopee, Lazada, Sendo,... với doanh số trung bình từ 40-50 triệu đồng/tháng.

Với phương châm “Tiên phong công nghệ Dược phẩm”, Công ty cam kết mang đến cho người tiêu dùng những sản phẩm tốt nhất, hoàn thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ, mang đến cho mọi khách hàng sự hài lòng cao nhất.

10.8.2 Tăng cường các hoạt động Truyền thông dưới hình thức tổ chức hội thảo, sự kiện trên toàn quốc

- Với mục tiêu 1000 hội thảo giới thiệu công ty, seminar giới thiệu sản phẩm được tổ chức trên toàn quốc quy mô từ cấp khoa/phòng, Viện, Vùng, Tỉnh và Ngành.
- Tiếp tục tổ chức các sự kiện, hội thảo khách hàng kênh Nhà thuốc, hội thảo hướng nghiệp tại các trường Đại học/ Cao đẳng và các cơ quan tổ chức đào tạo - giáo dục chuyên nghiệp trên toàn quốc nhằm lan tỏa hình ảnh công ty tới nhiều đối tượng khách hàng hơn.

10.8.3. Thúc đẩy các hoạt động Truyền thông gắn với trách nhiệm xã hội

- Trong bối cảnh dịch bệnh Covid -19 vẫn diễn biến phức tạp, Công ty luôn sẵn lòng gánh vác, thực hiện các hoạt động hỗ trợ các sản phẩm phòng dịch đến các tuyến đầu phòng dịch như các bệnh viện trên cả nước. Tiếp tục phát huy nghĩa cử tốt đẹp từ năm 2020 (Năm 2020, công ty đã hỗ trợ hơn 60.000 đơn vị sản phẩm phòng dịch được gửi đến các bệnh viện, các tổ chức đoàn thể và các doanh nghiệp).
- Đồng hành, tài trợ, hỗ trợ thuốc, các sản phẩm thuốc và chăm sóc sức khỏe cho các hoạt động khám chữa bệnh miễn phí, các hoạt động thiện nguyện do các tổ chức kêu gọi.

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

- Logo công ty:



Logo của Công ty được bảo hộ theo giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 260637, do Cục Sở hữu trí tuệ cấp ngày 31/03/2016.

- Nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp:

Cho đến hiện tại, Công ty đã đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho các sản phẩm của Công ty, như danh mục sau:

Bảng 16. Danh sách nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp Công ty đã được cấp bằng bảo hộ

STT	Nhãn hiệu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số	Quốc gia
1	ZENSALBU	14/09/2010	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 151895 (Gia hạn đến 29/04/2029)	Việt Nam
2	GANOKEND	28/05/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 206612	Việt Nam
3	IMANOK	28/05/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 206613	Việt Nam
4	BUNGOKDI	28/05/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 206614	Việt Nam
5	PHIPHOS	06/03/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 201313	Việt Nam
6	GOLISTIN	06/03/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 201314	Việt Nam
7	FOR MACHTOT	06/03/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 201317	Việt Nam
8	VIOURMAT	06/03/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 201315	Việt Nam
9	VI-OURMAK	06/03/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 201316	Việt Nam
10	VI-OURMACH	06/03/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 201320	Việt Nam
11	GIUTRE	28/05/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 206615	Việt Nam
12	GIMISION	28/05/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 206616	Việt Nam
13	CONVACHA	28/05/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 206617	Việt Nam
14	CAMBIDION	28/05/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 206618	Việt Nam
15	NUPIGIN	28/05/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 206598	Việt Nam

STT	Nhãn hiệu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số	Quốc gia
16	HALLOWY	20/02/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 200307	Việt Nam
17	AFENEMI	21/02/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 200404	Việt Nam
18	GEUMI	06/03/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 201420	Việt Nam
19	HOHIDY	20/02/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 200165	Việt Nam
20	CHOLISERAT	11/03/2014	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 221208	Việt Nam
21	BIBELIBI	21/02/2014	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 220235	Việt Nam
22	BEBIN	11/03/2014	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 221209	Việt Nam
23	BEBONG	11/03/2014	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 221210	Việt Nam
24	BAVUI	24/02/2014	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 220236	Việt Nam
25	BEENENIT	27/03/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 202718	Việt Nam
26	BISTULION	27/03/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 202719	Việt Nam
27	BAMADEVI	27/03/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 202720	Việt Nam
28	BRUCANOTE	27/03/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 202736	Việt Nam
29	DUCHAT	27/03/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 202737	Việt Nam
30	DUVITA	26/12/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 217286	Việt Nam
31	DANDELION	27/03/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 202738	Việt Nam
32	DINHA	27/03/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 202739	Việt Nam
33	DATIVE	27/03/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 202740	Việt Nam
34	DENESITY	04/05/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 204948	Việt Nam
35	COMPANITY	04/05/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 204949	Việt Nam
36	MONITHIN	04/05/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 204950	Việt Nam
37	NINETHIN	04/05/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 204951	Việt Nam
38	MONINE	04/05/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 204952	Việt Nam
39	NINHIPA	13/02/2014	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 219489	Việt Nam

STT	Nhãn hiệu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số	Quốc gia
40	PYGEFI	13/02/2014	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 219490	Việt Nam
41	PYGECAMUM	13/02/2014	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 219491	Việt Nam
42	PYGEFRICA	13/02/2014	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 219492	Việt Nam
43	PYGEFUM	13/02/2014	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 219493	Việt Nam
44	AFRIMIN	14/01/2014	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 218414	Việt Nam
45	ARICAMUN	08/08/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 209926	Việt Nam
46	HANPHU	08/08/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 209927	Việt Nam
47	CYMIAS	08/08/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 209928	Việt Nam
48	HENEME	18/07/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 209037	Việt Nam
49	HOKHA	18/07/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 209038	Việt Nam
50	CHOESTIRON	18/07/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 209039	Việt Nam
51	CHOLINTALIS	08/08/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 209929	Việt Nam
52	SOI-OUT	08/08/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 209930	Việt Nam
53	SHEETSAI	08/08/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 209931	Việt Nam
54	BESTPHO	10/03/2014	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 221148	Việt Nam
55	GERUMI	03/01/2014	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 217780	Việt Nam
56	ARIMENUS	03/10/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 213641	Việt Nam
57	CYNAMUS	23/07/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 209330	Việt Nam
58	CYNATHOS	23/07/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 209331	Việt Nam
59	GANLOTUS	23/07/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 209332	Việt Nam
60	LIENDONE	23/07/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 209333	Việt Nam
61	ARTATTIL	23/07/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 209334	Việt Nam
62	AUTUMN	23/07/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 209335	Việt Nam
63	ANITENIS	23/07/2013	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 209336	Việt Nam

STT	Nhãn hiệu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số	Quốc gia
64	AWENITON	07/01/2014	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 217895	Việt Nam
65	GOBLETY	07/01/2014	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 217896	Việt Nam
66	GINSIL	07/01/2014	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 217897	Việt Nam
67	ACIZAMIS	07/01/2014	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 217898	Việt Nam
68	ALOEV	07/01/2014	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 217899	Việt Nam
69	CATOLIS	18/02/2014	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 219802	Việt Nam
70	Q-Mat	08/08/2014	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 229604	Việt Nam
71	BFS- Salbutamol	08/08/2014	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 229628	Việt Nam
72	Glucose- BFS	08/08/2014	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 229629	Việt Nam
73	BFS	08/08/2014	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 229627	Việt Nam
74	ZENTOKID	07/01/2015	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 238277	Việt Nam
75	Logo CPC1HN, hình	31/03/2016	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 260637	Việt Nam
76	SUNFARINA	04/05/2016	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 261841	Việt Nam
77	GENOMIN-TDS	20/10/2016	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 270339	Việt Nam
78	GRAVIA BEAUTY	06/09/2017	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 287536	Việt Nam
79	CEOLYSATE	18/12/2017	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 292613	Việt Nam
80	ZENCOMBI	29/01/2021	Cục Sở hữu trí tuệ	VB377907	Việt Nam
81	GUACANYL	29/01/2021	Cục Sở hữu trí tuệ	VB 377908	Việt Nam
82	Hình thức thể hiện trên bao bì sản phẩm Nebusal spray 0,9%- Dung dịch xịt mũi đẳng trương Isotonic	29/01/2021	Cục bản quyền tác giả	682/2021/QTG	Việt Nam
83	Hình thức thể hiện trên bao bì sản phẩm Nebusal spray 0,65%- Dung dịch xịt mũi nhược trương Hypotonic	29/01/2021	Cục bản quyền tác giả	1078/2021/QTG	Việt Nam

STT	Nhãn hiệu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số	Quốc gia
84	Hình thức thể hiện trên bao bì sản phẩm Nebusal spray baby Dung dịch xịt mũi ưu trương 1,9% Hypertonic	01/02/2021	Cục bản quyền tác giả	759/2021/QTG	Việt Nam
85	Hình thức thể hiện trên bao bì sản phẩm Nebusal ear spray Dung dịch xịt tai	01/02/2021	Cục bản quyền tác giả	763/2021/QTG	Việt Nam
86	Hình thức thể hiện trên bao bì sản phẩm Nebusal spray 2,3%- Dung dịch xịt mũi ưu trương Hypertonic	03/03/2021	Cục bản quyền tác giả	1509/2021/QTG	Việt Nam

Nguồn: CPC1 Hà Nội

Bảng 17. Danh sách nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp Công ty đã nộp hồ sơ xin cấp bằng bảo hộ

STT	Nhãn hiệu	Ngày nộp đơn	Nơi cấp	Quốc gia
1	NEBUSAL	14/11/2018	Cục Sở hữu trí tuệ	Việt Nam
2	ZECHIN	26/11/2018	Cục Sở hữu trí tuệ	Việt Nam
3	SETAK	26/11/2018	Cục Sở hữu trí tuệ	Việt Nam
4	GABAFIX	26/11/2018	Cục Sở hữu trí tuệ	Việt Nam
5	GLUCOKAN	26/11/2018	Cục Sở hữu trí tuệ	Việt Nam
6	HEPETA	26/11/2018	Cục Sở hữu trí tuệ	Việt Nam
7	LEXADOL	26/11/2018	Cục Sở hữu trí tuệ	Việt Nam
8	ROSIMET	26/11/2018	Cục Sở hữu trí tuệ	Việt Nam
9	TESCO	26/11/2018	Cục Sở hữu trí tuệ	Việt Nam
10	TIGIN	26/11/2018	Cục Sở hữu trí tuệ	Việt Nam
11	NEBUSAL, cách mạng không kháng sinh	01/07/2019	Cục Sở hữu trí tuệ	Việt Nam
12	DIASYL	02/06/2020	Cục Sở hữu trí tuệ	Việt Nam
13	LENGENPRO	02/06/2020	Cục Sở hữu trí tuệ	Việt Nam
14	BIOVANAT	02/06/2020	Cục Sở hữu trí tuệ	Việt Nam
15	GARENCA	02/06/2020	Cục Sở hữu trí tuệ	Việt Nam
16	MOGARNA	02/11/2020	Cục Sở hữu trí tuệ	Việt Nam

STT	Nhãn hiệu	Ngày nộp đơn	Nơi cấp	Quốc gia
17	VAGIODIN	05/05/2020	Cục Sở hữu trí tuệ	Việt Nam
18	DTP, DƯỢC TIỀN PHONG	19/08/2020	Cục Sở hữu trí tuệ	Việt Nam
19	NEBUSALINE	14/01/2021	Cục Sở hữu trí tuệ	Việt Nam
20	NABUXANE	24/03/2021	Cục Sở hữu trí tuệ	Việt Nam

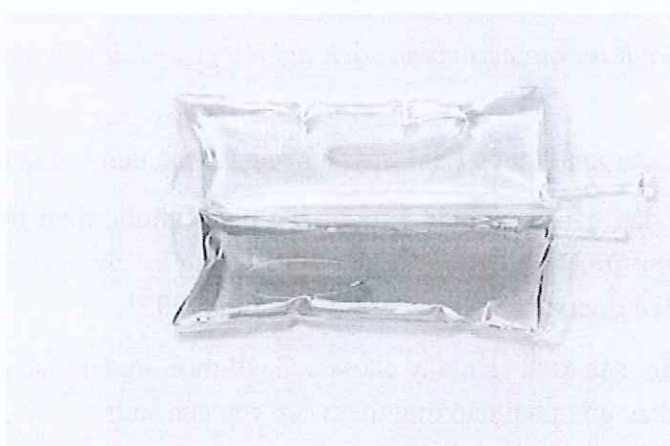
Nguồn: CPC1 Hà Nội

10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

a. Các dự án nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm Công ty đã và đang thực hiện

Dựa trên các phân tích về nhu cầu thị trường, Công ty đã đầu tư hai dây truyền mới đang trong giai đoạn nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm.

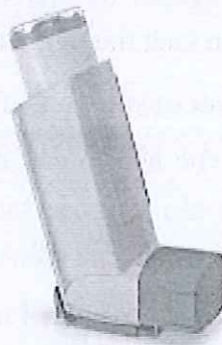
- Dây truyền sản xuất thuốc tiêm truyền trong túi thể tích lớn (soft bag infusion)
- Với kinh nghiệm trong lĩnh vực nghiên cứu các sản phẩm tiêm truyền, Công ty đã quyết định đầu tư thêm dây truyền sản xuất các sản phẩm thuốc tiêm truyền trong túi (các thể tích từ 20ml-500ml) để đáp ứng nhu cầu điều trị.
- Từ năm 2016 đến nay, Công ty đã triển khai nghiên cứu ở quy mô phòng thí nghiệm, pilot khoảng gần 100 sản phẩm, trong đó hiện tại đã nộp 24 sản phẩm tại Cục quản lý Dược-Bộ Y tế.
- Tháng 6 năm 2021, Công ty đã được Cục quản lý Dược – Bộ Y tế cấp chứng nhận GMP cho dây truyền thuốc tiêm truyền trong túi thể tích lớn, theo đó, Công ty sẽ bắt đầu triển khai sản xuất và cung cấp cho thị trường.



Hình ảnh sản phẩm thuốc tiêm truyền trong túi thể tích lớn

- Dây truyền sản xuất thuốc khí dung định liều
- Khí dung định liều (inhaler) là dạng bào chế hiện đại, các chế phẩm dạng khí dung định liều có vai trò quan trọng trong điều trị các bệnh về hô hấp như hen phế quản, co thắt phế quản, bệnh tắc nghẽn đường thở...

- Hiện tại ở Việt Nam, chưa có nhà máy nào đầu tư dây chuyền khí dung định liều inhaler. Do nhiều lý do từ công nghệ phức tạp, chi phí đầu tư lớn, công thức phức tạp cần chi phí lớn cho đầu tư nghiên cứu.
- Từ năm 2015-nay, Công ty đã đầu tư nghiên cứu hơn 20 sản phẩm khí dung định liều ở quy mô phòng nghiên cứu và quy mô pilot, với 11 sản phẩm đã nộp hồ sơ đề nghị thẩm định tại Cục quản lý Dược-Bộ Y tế.
- Tháng 6 năm 2021, Công ty đã được Cục quản lý Dược – Bộ Y tế cấp chứng nhận GMP cho dây chuyền khí dung định liều, theo đó, Công ty sẽ bắt đầu triển khai sản xuất và cung cấp cho thị trường.



Hình ảnh sản phẩm khí dung định liều (inhaler)

Kinh phí dự án: Theo mức hỗ trợ dự án của các cơ quan ban ngành khi được phê duyệt và nguồn quỹ khoa học công nghệ của Công ty.

b. Đánh giá về ảnh hưởng của chính sách nghiên cứu phát triển tới tình hình hoạt động kinh doanh

➤ Dây chuyền sản xuất thuốc tiêm truyền trong túi thể tích lớn (soft bag infusion)

Công ty đã bắt đầu đầu tư nghiên cứu 24 sản phẩm thuốc tiêm truyền trong túi thể tích lớn (soft bag infusion) từ năm 2015 và đã nộp hồ sơ đăng ký cho các sản phẩm này lên Cục Quản lý Dược trong giai đoạn từ tháng 2/2018 đến tháng 3/2021.

Với các sản phẩm sản xuất trên dây chuyền GMP mới, ngoài phải đạt các tiêu chí về kỹ thuật như các hồ sơ khác còn phải đáp ứng thêm các yêu cầu sau:

- Phải thực hiện bổ sung nghiên cứu độ ổn định trên dây chuyền sản xuất sau khi được Hội đồng đánh giá chuyên môn của Công Ty xác nhận đủ tiêu chuẩn để sản xuất thuốc. Kết quả độ ổn định này là căn cứ để ngoại suy hạn dùng của thuốc trong hồ sơ đăng ký.
- Bổ sung số liệu độ ổn định của sản phẩm được sản xuất sau thời điểm được cấp giấy chứng nhận GMP ít nhất 6 tháng.

Công ty đang chờ đợi kết quả kiểm nghiệm từ các lô pilot (quy mô nhỏ) được sản xuất trên dây chuyền đạt chứng nhận GMP trong khoảng thời gian thử nghiệm đủ 6 tháng và chứng minh được các lô sản xuất này đạt các yêu cầu chất lượng thành phẩm như đã đăng ký với

Cục Quản lý Dược. Ngay sau khi các sản phẩm mới đã đáp ứng được các yêu cầu chung về kỹ thuật, Công ty kỳ vọng các sản phẩm sẽ được thẩm định và cấp phép trong năm 2022.

Ưu điểm của sản phẩm thuốc tiêm truyền trong túi thể tích lớn (soft bag infusion):

- Tiện dụng (ready to use), không cần phải pha loãng trước khi thực hành lâm sàng như các chế phẩm bột pha tiêm hay dung dịch đậm đặc để pha truyền.
- Xu hướng và các nhóm bệnh cần sử dụng các sản phẩm tiêm truyền thể tích lớn đang ngày một tăng lên, đặc biệt tập trung ở các nhóm bệnh như tim mạch, thận - tiết niệu, nội tiết, gây mê - hồi sức...
- Các chế phẩm dạng tiêm truyền thể tích lớn ở dạng túi soft bag giúp giảm thiểu roi, vỡ khi vận chuyển, an toàn cho nhân viên y tế và bệnh nhân khi sử dụng. Chi phí xử lý rác thải thấp hơn so với dạng thủy tinh truyền thống.

Về lợi thế của sản phẩm thuốc tiêm truyền trong túi thể tích lớn (soft bag infusion):

- Theo danh sách các doanh nghiệp đạt GMP, GMP bao bì còn hiệu lực cập nhật ngày 6/9/2021, chỉ có 12 trong tổng số 281 giấy chứng nhận GMP được cấp phép là có phạm vi sản xuất thuốc tiêm truyền thể tích lớn, trong đó hơn một nửa là dạng tiêm truyền thể tích lớn dưới dạng chai lọ thủy tinh.
- Những rào cản về mặt kỹ thuật, công nghệ của việc nghiên cứu, sản xuất thuốc tiêm truyền thể tích lớn cũng đã khiến các doanh nghiệp dược trong nước chưa mạnh tay đầu tư xây dựng dây chuyền này.

Với những ưu điểm và tiềm năng của các sản phẩm tiêm truyền thể tích lớn, nhu cầu sử dụng các sản phẩm tiêm truyền thể tích lớn đang có xu hướng tăng lên qua các năm. Công ty kỳ vọng sau 6 tháng kể từ ngày được Cục Quản lý Dược cấp đăng ký sản phẩm, những sản phẩm mới này sẽ chiếm lĩnh được 20-30% dung lượng thị trường các hàng tiêm truyền cùng dòng (tùy theo từng sản phẩm). Theo đó, căn cứ vào số liệu trúng thầu thuốc của Việt nam giai đoạn năm 2016 – 2017, công bố bởi Cục quản lý Dược Bộ Y Tế, Công ty dự kiến nhóm sản phẩm này sẽ đóng góp vào doanh thu mỗi năm là 345 tỉ đồng.

➤ Dây truyền sản xuất thuốc khí dung định liều

11 sản phẩm thuốc khí dung định liều đã được Công ty bắt đầu nghiên cứu sản xuất từ năm 2015 và nộp hồ sơ đăng ký sản phẩm lên Cục Quản lý Dược trong giai đoạn từ tháng 1/2018 đến tháng 12/2020.

Với các sản phẩm sản xuất trên dây chuyền GMP mới, ngoài phải đạt các tiêu chí về kỹ thuật như các hồ sơ khác còn phải đáp ứng thêm các yêu cầu sau:

- Phải thực hiện bổ sung nghiên cứu độ ổn định trên dây chuyền sản xuất sau khi được Hội đồng đánh giá chuyên môn của Công Ty xác nhận đủ tiêu chuẩn để sản xuất thuốc. Kết quả độ ổn định này là căn cứ để ngoại suy hạn dùng của thuốc trong hồ sơ đăng ký.
- Bổ sung số liệu độ ổn định của sản phẩm được sản xuất sau thời điểm được cấp giấy chứng nhận GMP ít nhất 6 tháng.

Công ty đang chờ đợi kết quả kiểm nghiệm từ các lô pilot (quy mô nhỏ) được sản xuất trên dây chuyền đạt chứng nhận GMP trong khoảng thời gian thử nghiệm đủ 6 tháng và chứng minh được các lô sản xuất này đạt các yêu cầu chất lượng thành phẩm như đã đăng ký với Cục Quản lý Dược. Ngay sau khi các sản phẩm mới đã đáp ứng được các yêu cầu chung về kỹ thuật, Công ty kỳ vọng các sản phẩm sẽ được thẩm định và cấp phép trong năm 2022.

Tiềm năng của sản phẩm khí dung định liều rất lớn, sản phẩm khác với các sản phẩm túi truyền thể tích lớn ở chỗ, sản phẩm được sử dụng rộng rãi, không bị bó hẹp trong kênh đầu thầu, chỉ sử dụng trong bệnh viện, mà còn có thể kê cho bệnh nhân tự sử dụng ở nhà, mua theo đơn qua các nhà thuốc. Bệnh nhân sử dụng đơn giản mà không cần sự giám sát chặt chẽ của nhân viên y tế.

Đối với các sản phẩm này, hiện tại trên thị trường chỉ có hàng nhập khẩu, trong nước chưa có doanh nghiệp nào có thể tự sản xuất được dạng bào chế này do những yêu cầu về đầu tư trang thiết bị, cũng như các rào cản về mặt tiêu chuẩn chất lượng.

Với những ưu điểm và tiềm năng của các sản phẩm này, CPC1 Hà Nội kỳ vọng sẽ nhanh chóng chiếm lĩnh được thị trường, thay thế hàng nhập khẩu. Theo đó, dự kiến sau 6 tháng kể từ ngày được Cục Quản lý Dược cấp đăng ký sản phẩm, những sản phẩm mới này sẽ chiếm lĩnh được 30-35% dung lượng thị trường các hàng khí dung định liều cùng dòng (tùy theo từng sản phẩm). Căn cứ vào số liệu trúng thầu thuốc của Việt Nam giai đoạn năm 2019, công bố bởi Cục quản lý Dược Bộ Y Tế, Công ty dự kiến nhóm sản phẩm này sẽ đóng góp vào doanh thu mỗi năm là 189,4 tỉ đồng.

Ngoài ra với đội ngũ kinh doanh xuất khẩu bài bản, bạn hàng xuất khẩu trên 30 nước và đang đăng ký chờ cấp sổ lưu hành thêm 20 nước, CPC1 Hà Nội kỳ vọng sau khi được cấp sổ đăng ký ở Việt Nam, dòng sản phẩm này ngoài đáp ứng, thay thế nguồn nhập ngoại các hàng tiêm truyền thể tích lớn và dòng sản phẩm khí dung, sản phẩm sẽ còn đi xuất khẩu các nước trên thế giới, nâng tầm công nghiệp Dược nước nhà.

10.11. Về công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ

Công ty không ngừng đổi mới trong công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm để đảm bảo chất lượng sản phẩm tốt nhất đến tận tay người dùng. Cụ thể:

- Công ty đầu tư phát triển và đưa vào ứng dụng quy trình hồ sơ lô online (Online batch record) giúp cho việc kiểm soát trong thời gian thực (real time) giúp công tác truy xuất nguyên nhân được dễ dàng, đồng thời tiến đến loại bỏ việc ghi chép hồ sơ lô bằng giấy.
- Đầu tư thêm trang thiết bị kiểm soát online nhằm kiểm soát các chỉ số chất lượng của hệ thống phụ trợ theo thời gian thực như hệ thống nước, nhiệt độ, độ ẩm.

Nhân lực và cơ sở vật chất của phòng kiểm tra chất lượng (QC) liên tục được mở rộng: hiện nay, nhân lực, diện tích phòng làm việc của bộ phận QC tăng lên gấp đôi so với thời điểm cuối năm 2019. Công ty đầu tư thêm nhiều trang thiết bị hiện đại, nhằm phục vụ cho công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm. Hiện tại phòng kiểm nghiệm QC có 4 máy sắc ký lỏng hiệu năng cao HPLC và dự kiến tiếp tục đầu tư thêm 1 máy sắc ký lỏng hiệu năng cao HPLC và nhiều máy móc thiết bị đặc thù chuyên dụng khác nhằm đáp ứng việc kiểm tra chất lượng các sản phẩm đặc thù, như thiết bị kiểm tra các sản phẩm khí dung định liều ...

10.12. Chiến lược kinh doanh

Trong định hướng chiến lược phát triển giai đoạn 2021 - 2023, CPC1HN sẽ trở thành doanh nghiệp sản xuất dược phẩm áp dụng máy móc, công nghệ cao tiên phong và hàng đầu trong nước, tăng cường hoạt động xuất khẩu, mở rộng thị phần toàn cầu. Để thực hiện mục tiêu trên, CPC1 Hà Nội sẽ từng bước tối ưu hóa danh mục sản phẩm, tập trung phát triển các sản phẩm công nghệ cao và thân thiện với môi trường. Ưu tiên đầu tư vào nghiên cứu, phát triển (R&D) sản phẩm mới và tối ưu hóa sản xuất, tiên phong về công nghệ, tăng cường tự động hóa dây chuyền sản xuất. CPC1 Hà Nội sẵn sàng liên doanh, liên kết, đồng hành với các đối tác chiến lược về công nghệ, kỹ thuật để tiếp nhận chuyển giao công nghệ. Mô hình quản trị doanh nghiệp sẽ tiếp tục được xây dựng, hoàn thiện, hướng đến tuân theo các chuẩn mực tốt nhất, đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả, thận trọng về tài chính, hài hòa lợi ích của các bên liên quan.

Trong giai đoạn 03 năm (2021 – 2023), Công ty dự kiến đầu tư và triển khai các dự án vào các lĩnh vực trọng tâm của ngành dược bao gồm nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ dược, đầu tư xây dựng các xưởng sản xuất công nghệ cao với nhiều thiết bị máy móc hiện đại. Cụ thể như sau:

a. Xây dựng xưởng vi sinh:

- Mục tiêu của Công ty là làm chủ dược công nghệ lên men sinh khối, cô đặc, tiến tới các kỹ thuật cao hơn của chuyển gen, chiết tách protein
- Tổng vốn đầu tư là 57,8 tỷ đồng
Trong đó dự kiến:
 - Phần xây dựng: 21 tỷ đồng
 - Phần máy móc: 36,8 tỷ
- Nguồn vốn: vốn tự có và vốn huy động từ các tổ chức tín dụng.
- Thời gian thực hiện quý IV/2021 đến quý I/2023. Công ty đã thông qua chủ trương đầu tư xây dựng xưởng vi sinh theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 1120/2021/NQ-HĐQT ngày 15/06/2021.

b. Khu công nghệ sinh học

- Tổng vốn đầu tư dự kiến: 95,467 tỷ đồng
Trong đó:
 - Phần xây dựng: 35 tỷ đồng
 - Phần máy móc: 60,467 tỷ đồng
- Nguồn vốn: vốn tự có và vốn huy động từ các tổ chức tín dụng.
- Toàn bộ các dự án nhà xưởng được xây dựng trên khu đất hiện có của Công ty với diện tích xây dựng hơn 1.695 m².
- Thời gian thực hiện quý IV/2021 đến quý I/2023. Công ty đã thông qua chủ trương đầu tư Khu công nghệ sinh học theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 1122/2021/NQ-HĐQT ngày 15/06/2021.

c. Xây dựng nhà máy sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP-EU

Định hướng trung, dài hạn, Công ty sẽ đầu tư, xây dựng nhà máy sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP-EU.

Các dự án của Công ty được phát triển trên nguồn lực thực hiện bao gồm:

➤ Nhân sự

CPC1 Hà Nội có đội ngũ triển khai nghiên cứu và đăng ký thuốc đông đảo với hơn 400 dược sỹ đại học và cao đẳng để có thể nghiên cứu sản xuất các dạng bào chế mới, các thuốc mới thay thế các biệt dược nhập khẩu. Ngoài nguồn nhân lực hiện tại, Công ty đã và đang hợp tác với các nhà khoa học của trường Đại học Dược Hà Nội, Viện Công nghệ và sinh học quốc gia, các Công ty đối tác trong nước có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực dược phẩm để triển khai thực hiện các sản phẩm nghiên cứu, chuyển giao công nghệ.

➤ Cơ sở vật chất

Nhà xưởng sản xuất được xây trên diện tích đất hơn 30.306,3 m² tại Cụm công nghiệp Hà Bình Phương.

➤ Kênh phân phối

Các sản phẩm của CPC1 Hà Nội sản xuất được đấu thầu và bán thẳng tới các bệnh viện, các nhà thuốc trên toàn quốc mà không phải qua đối tác trung gian.

Hiện Công ty có 3 chi nhánh ở Bắc Trung Nam, 5 văn phòng đại diện bán hàng trực tiếp với đội ngũ kinh doanh lên tới 500 nhân viên và tiếp tục tăng trong thời gian tới. Đội ngũ sản xuất trực tiếp xấp xỉ 600 người. Ngoài đội ngũ kinh doanh bán hàng trong nước, Công ty có đội ngũ triển khai xuất khẩu, trading, đàm phán, chốt đơn hàng, chuẩn bị hồ sơ xuất khẩu, v.v... Đến thời điểm hiện tại Công ty đã xuất khẩu thành công ra 15 nước và đang làm thủ tục đăng ký xuất khẩu thêm 20 nước.

➤ Tài chính

Cổ đông luôn tin tưởng, ủng hộ sẵn sàng đầu tư vốn vào Công ty để mở rộng sản xuất, quy mô kinh doanh. Song song với nguồn vốn tự có của Công ty, các tổ chức tín dụng, ngân hàng luôn đồng hành cùng với CPC1 Hà Nội, cam kết tài trợ 70% tổng giá trị đầu tư của dự án. Trong chiến lược trung, dài hạn, Công ty dự kiến Đầu tư xây dựng xưởng vi sinh, xây dựng xưởng GMP-EU và xây dựng khu công nghệ sinh học.

10.13. Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan.

Công ty đã được Cục Quản lý Dược – Bộ Y tế cấp các giấy chứng nhận đạt các nguyên tắc GMP WHO sau:

• Giấy chứng nhận thực hành tốt

- Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc sinh học số 648/QĐ-QLD, cấp ngày 21/10/2019.
- Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc số 345/GCN- QLD, cấp ngày 08/06/2021.
- Giấy chứng nhận thực hành tốt phân phối thuốc số 0231/GDP, cấp ngày 31/12/2019.

- Giấy chứng nhận thực hành tốt bảo quản thuốc số 231/GCN- QLD, cấp ngày 23/04/2021.
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược
 - Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược số 388/ĐKKDD - BYT, do Bộ Y tế cấp ngày 03/02/2020.
 - Giấy chứng nhận đạt “thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc số 0231/GDP do Sở Y tế Hà nội cấp ngày 31/12/2019, thời hạn của giấy phép là 03 năm kể từ ngày cấp.

11. Chính sách đối với người lao động

Luôn coi con người là tài sản quý giá nhất, ngay từ ngày mới thành lập, Công ty luôn chú trọng xây dựng chính sách thoả đáng cho người lao động. Bên cạnh chế độ đãi ngộ với thu nhập hấp dẫn, Công ty luôn tạo môi trường làm việc đoàn kết và cạnh tranh lành mạnh để người lao động phát huy hết khả năng sáng tạo và năng lực làm việc.

11.1 Số lượng người lao động trong công ty

Tổng số lao động trong Công ty tính đến 30/09/2021 là 1021 người với cơ cấu như sau:

Bảng 18. Số lượng và cơ cấu người lao động tại thời điểm 30/09/2021

STT	Tiêu chí	Số lượng (Người)	Tỷ trọng (%)
I	Phân loại theo trình độ người lao động		
1	Trên đại học	5	0,49
2	Đại học	491	48,09
3	Cao đẳng	195	19,1
4	Trung cấp	164	16,06
5	PTTH	166	16,26
II	Phân loại theo hợp đồng lao động		
1	Lao động thường xuyên	998	97,75
2	Lao động thời vụ	23	2,25
III	Theo tính chất lao động		
1	Kinh doanh	406	39,76
2	Sản xuất	382	37,41
3	Hậu cần	233	22,82
	Tổng cộng	1021	100,00

Nguồn: CPC1 Hà Nội

Căn cứ mục tiêu phát triển kinh doanh của Công ty trong thời gian tiếp theo, Công ty hướng tới phát triển các sản phẩm mũi nhọn, đặc trưng mà các công ty dược phẩm khác không hoặc chưa làm được, tối ưu về thị phần, chiếm thị phần trong phạm vi cả nước. Vì vậy số lượng

nhân viên kinh doanh tăng lên đáng kể, nhất là kể từ thời điểm cuối năm 2020, đầu năm 2021.

Bảng 19. Bảng số lượng và thu nhập người lao động trong Công ty trong năm 2019, 2020

Chỉ tiêu	Số lượng người lao động bình quân năm 2019 (người)	Thu nhập người lao động bình quân năm 2019 (đồng/người/tháng)	Số lượng người lao động bình quân năm 2020 (người)	Thu nhập người lao động bình quân năm 2020 (đồng/người/tháng)
Phân loại theo tính chất lao động				
Kinh doanh	232	12.580.302	302	12.982.072
Sản xuất	195	9.011.056	301	9.106.233
Hậu cần	155	10.395.854	261	10.401.365
Phân loại theo hợp đồng lao động				
Lao động thường xuyên	524	14.265.327	789	14.365.327
Lao động thời vụ	58	7.059.481	75	7.294.453
Tổng cộng	582	10.662.404	864	10.829.890

Nguồn: CPC1 Hà Nội

11.2 Chính sách đối với người lao động:

11.2.1. Chính sách tuyển dụng

Với tiêu chí lấy người lao động làm nền tảng và động lực cho sự phát triển của Công ty, CPC1 Hà Nội luôn chú trọng đến công tác tuyển dụng đầu vào, đảm bảo đủ năng lực và trình độ phục vụ cho định hướng phát triển của Công ty. Với đặc thù ngành đòi hỏi lao động có trình độ cao, CPC1 Hà Nội chủ trương đưa ra mức lương cạnh tranh nhằm thu hút nguồn lao động có chất lượng cao, có thâm niên và kinh nghiệm trong nghề nhằm xây dựng đội ngũ quản lý giàu kinh nghiệm, mang lại hiệu quả cao trong công việc.

11.2.2. Chính sách đào tạo

Đầu tư và phát triển con người là một trong những yếu tố cốt lõi của công ty nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển của xã hội. CPC1 Hà Nội thực hiện công tác đào tạo thường xuyên, liên tục với các nội dung thiết thực, nhằm ứng dụng tốt trong công việc của mỗi thành viên như đào tạo chuyên sâu về các sản phẩm của Công ty, kỹ năng bán hàng, chăm sóc khách hàng, kỹ năng quản trị và thu hồi công nợ, đào tạo cập nhật kiến thức chuyên ngành định kỳ.

11.2.3. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Công ty luôn quan tâm đến chế độ lương, thưởng, phúc lợi cho người lao động nhằm đảm bảo đời sống cho người lao động, tạo động lực cho sự phát triển của mỗi cá nhân, phần đầu góp phần vào sự phát triển của Công ty. Công ty thực hiện việc khoán theo doanh số bán hàng để

đưa ra các mục tiêu cụ thể nhằm tạo nên chính sách khen thưởng rõ ràng, hoàn thiện hệ thống quản lý bán hàng của CPC1 Hà Nội.

Thực hiện thưởng lương cho các cá nhân có đóng góp cho sự phát triển của Công ty về các công tác cải thiện quy trình quản lý, đưa ra những chiến lược phân phối sản phẩm hiệu quả, các giải pháp tốt trong phòng ngừa biến động tỷ giá ...

Vận động, tạo sự gắn bó mật thiết giữa công nhân lao động và cấp quản lý nhằm tạo môi trường làm việc vui vẻ, tăng động lực làm việc cho toàn thể CBCNV. Luôn quan tâm, chăm sóc sức khỏe của người lao động một cách đúng mức, đảm bảo tốt các quyền lợi của người lao động như: các chế độ bảo hiểm, khám sức khỏe định kỳ, chế độ hỗ trợ nhân viên mới, bím sữa cho con em CBCNV.

Bên cạnh đó, Công ty còn tổ chức các hoạt động tập thể, du lịch hàng năm nhằm tạo điều kiện cho người lao động có thời gian thư giãn sau những giờ làm việc căng thẳng, tạo nên sự gắn kết trong nội bộ Công ty.

11.2.4. Các chế độ, chính sách khác với người lao động

- Chế độ làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày và 44 giờ/tuần.
- Chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: theo quy định của pháp luật.
- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp: Công ty thực hiện đóng bảo hiểm bắt buộc 100% cho người lao động.
- Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc cần thiết cho cán bộ công nhân viên, áp dụng chế độ định kỳ kiểm tra sức khỏe cho toàn thể CBCNV trong Công ty mỗi năm một lần.

11.2.5. Sự tuân thủ pháp luật của nhân viên

Mọi cá nhân trong Công ty nghiêm túc tuân thủ quy định của pháp luật lao động, thuế, các nội quy, quy chế, thỏa ước đã được ban hành như: ký hợp đồng lao động, chấp hành tốt nội quy Công ty, tuân thủ mọi quy định về nộp thuế thu nhập cá nhân, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

12. Chính sách cổ tức

Cổ tức được trích từ lợi nhuận của Công ty, cổ tức được chi trả cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng Cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Quản trị, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tiếp theo. Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Khi cổ tức được chi trả theo quy định, Công ty vẫn phải đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ khác khi đến hạn.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và 2021, Công ty đã thông qua mức trả cổ tức năm 2019 và 2020 là 8% vốn điều lệ. Công ty đã thực hiện trả cổ tức bằng tiền mặt đợt 1 năm 2020 với tỷ lệ 5%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 500 đồng) từ ngày 07/07/2021.

Công ty đã ban hành Nghị quyết HĐQT số 1920/2021/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 10 năm 2021 v/v thực hiện chi trả cổ tức năm 2020 lần 2 bằng tiền theo phương án phân phối lợi nhuận đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 với tỷ lệ chi trả cổ tức là 3%/mệnh giá, tương đương 01 cổ phiếu phổ thông được nhận 300 đồng. Thời gian chi trả cổ tức từ ngày 15/11/2021.

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Không có.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Không có.

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Không có

16. Thông tin về cam kết của Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Không có.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 20. Một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/giảm	9 tháng đầu năm 2021
1	Tổng giá trị tài sản	497.876,86	533.702,48	7,20%	625.573,35
2	Doanh thu thuần	444.245,80	518.448,76	16,70%	393.401,29
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	244.343,90	268.074,18	9,71%	207.603,05
4	Doanh thu hoạt động tài chính	1.802,89	817,34	-54,67%	211,25
5	Chi phí tài chính	12.046,40	12.158,31	0,93%	6.507,00
6	Chi phí bán hàng	86.785,10	125.087,69	44,13%	100.811,23

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/giảm	9 tháng đầu năm 2021
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	32.746,93	24.929,85	-23,87%	15.523,20
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	114.568,36	106.715,67	-6,85%	84.972,87
9	Lợi nhuận (lỗ) khác	-1.908,83	-666,60		-184,38
10	Lợi nhuận trước thuế	112.659,52	106.049,07	-5,87%	84.788,48
11	Thuế TNDN	18.587,37	8.838,47	-52,45%	7.659,66
12	Lợi nhuận sau thuế	94.072,15	97.210,60	3,34%	77.128,82
13	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10,35%	10,02%	-3,19%	-
14	Tỷ lệ cổ tức	8,00%	8,00%	0,00%	-

Nguồn: BCTC năm 2020 đã được kiểm toán và BCTC 9 tháng đầu năm 2021 của CPC1 Hà Nội

Kết quả kinh doanh của Công ty từ năm 2019 đến nay đều có sự tăng trưởng. Năm 2020 doanh thu thuần tăng hơn 74,2 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 16,7% và lợi nhuận sau thuế tăng hơn 3,14 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 3,34% so với năm 2019.

Trong 09 tháng đầu năm 2021, Công ty tiếp tục duy trì chính sách kích cầu bán hàng và thành công trong việc duy trì tăng trưởng, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế tăng lần lượt là 10,25% và 10,46% so với cùng kỳ năm trước.

Đây là một sự nỗ lực rất lớn của Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV bởi trong năm 2020 và năm 2021, Công ty vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid 19 vẫn còn nhiều diễn biến phức tạp. Bệnh nhân hạn chế đến khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế trừ các bệnh nặng hoặc cấp cứu làm ảnh hưởng lớn đến doanh số của Công ty. Nguồn hàng cung ứng bị thiếu hụt, gián đoạn do nguyên vật liệu nhập khẩu về không đúng tiến độ, ảnh hưởng đến lịch sản xuất, cung ứng hàng hóa cho các đối tác.

Năm 2020, chi phí bán hàng tăng do Công ty áp dụng các chính sách kích cầu bán hàng như đẩy mạnh phát triển mạng lưới, tuyển thêm nhân sự bán hàng (Số lượng người lao động bình quân năm 2020 là 864 người tăng 48,45% so với cùng kỳ năm trước), đẩy mạnh hoạt động marketing để quảng bá hình ảnh sản phẩm đến với người tiêu dùng, đẩy mạnh chi phí tư vấn hoạt động bán hàng theo từng địa bàn, khu vực và áp dụng các chính sách về quản lý nhân sự như tăng các chế độ đãi ngộ, phúc lợi cho người lao động ...

Phần chi phí QLDN năm 2020 giảm so với năm 2019 do Công ty chuyển đổi phần chi phí lương của các bộ phận hỗ trợ sản xuất như phòng cơ điện, nghiên cứu phát triển, kiểm nghiệm

... về chi phí sản xuất chung để phân bổ cho quá trình sản xuất sản phẩm.

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty

- *Thuận lợi:*

Ban lãnh đạo Công ty luôn theo dõi sát sao diễn biến của thị trường nhằm đưa ra các kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính và kiểm soát chi phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Các bước đi được thực hiện một cách cẩn trọng và được điều chỉnh dựa trên tình hình kinh tế vĩ mô cũng như nội tại của Công ty.

Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội là đơn vị sử dụng các dây chuyền sản xuất hiện đại nhất hiện nay, đáp ứng mục tiêu cung cấp các sản phẩm thuốc đạt chất lượng tốt, an toàn và hiệu quả. Công ty và sản phẩm của Công ty có uy tín trên thị trường.

Công ty có đội ngũ CBCNV lành nghề, kinh nghiệm và tận tâm. Các cán bộ quản lý và chuyên gia có trình độ chuyên môn cao, kinh nghiệm lâu năm và năng động. Đây là yếu tố giúp Công ty nắm bắt kịp thời tiến bộ khoa học kỹ thuật đồng thời nắm bắt được nhu cầu của khách hàng để cung cấp các sản phẩm mới có chất lượng tốt và phù hợp với nhu cầu chữa bệnh của người dân.

Hệ thống phân phối của Công ty được củng cố, mở rộng, chính sách phân phối sản phẩm linh hoạt và hiệu quả. Hàng hóa công ty phân phối trải rộng trên 63 tỉnh, thành phố. Mạng lưới phân phối được chia thành 03 vùng Bắc, Trung, Nam.

Nền kinh tế Việt Nam gia nhập WTO. Đây là yếu tố thuận lợi cho ngành Dược trong nước nói chung và Công ty nói riêng, có cơ hội tiếp cận với các thị trường dược phẩm ngoài nước, học hỏi và chuyển giao công nghệ sản xuất hiện đại trong môi trường kinh doanh toàn cầu.

Các chính sách của Nhà nước cũng như người dân ngày càng quan tâm đến việc chăm sóc sức khỏe của bản thân cùng với mức sống của người dân ngày càng được cải thiện là những tín hiệu tốt cho sự phát triển của các công ty hoạt động trong ngành Dược.

- *Khó khăn:*

Tình trạng cạnh tranh ngày càng gay gắt của ngành Dược phẩm, đặc biệt là từ các Công ty dược phẩm nước ngoài với tiềm lực tài chính mạnh. Sự cạnh tranh đã làm cho các loại chi phí, đặc biệt là chi phí bán hàng và chi phí quản lý Công ty tăng nhanh.

Sự biến động của giá dược phẩm đầu vào và sự quản lý trong giá bán đầu ra tạo nên những rủi ro đặc thù cho các công ty hoạt động trong ngành Dược phẩm.

Trong năm 2020 và năm 2021, dịch bệnh COVID-19 ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế thế giới do các chính sách hạn chế đi lại, giãn cách xã hội. Sự bất ổn của nền kinh tế thế giới và Việt Nam đã ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty nói riêng. Ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nửa đầu năm 2020 và trong năm 2021 khiến cho các mặt hàng dược phẩm, nguyên vật liệu bị hạn chế nhập khẩu vào Việt Nam. Do phần lớn nguyên liệu sản xuất thuốc của Công ty được nhập khẩu nên sự gián đoạn trong chuỗi cung ứng toàn cầu ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn cung cấp nguyên liệu. Giá cả nguyên vật liệu, chi phí tăng ... làm ảnh hưởng đến lợi nhuận. Thêm vào đó, bệnh nhân hạn chế đến khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế trừ các bệnh nặng hoặc cấp cứu làm ảnh hưởng lớn

đến doanh số của Công ty.

1.3. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty kể từ thời điểm 31/12/2021

Công ty đã xây dựng được hệ thống quản trị và kiểm soát tốt, đảm bảo hoạt động kinh doanh được ổn định và không phát sinh các biến động lớn từ nội tại doanh nghiệp. Tuy nhiên, tình hình dịch bệnh COVID-19 tiếp tục diễn ra trong những tháng đầu năm 2021 là một biến động lớn, có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty. Do phần lớn nguyên liệu sản xuất thuốc của Công ty được nhập khẩu nên sự gián đoạn trong chuỗi cung ứng toàn cầu ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn cung cấp nguyên liệu. Nguyên vật liệu nhập khẩu về không đúng tiến độ sẽ làm ảnh hưởng đến lịch sản xuất, cung ứng hàng hóa cho các đối tác.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1 Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Bảng 21. Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	%(+/-)	30/09/2021
1	Vốn điều lệ	121.717,82	121.717,82	0,00%	121.717,82
2	Tổng vốn Chủ sở hữu	282.537,78	359.594,52	27,27%	418.887,92

Nguồn: BCTC năm 2020 đã được kiểm toán và BCTC 9 tháng đầu năm 2021 của CPC1 Hà Nội

- Vốn điều lệ thực góp của CPC1 Hà Nội tại thời điểm 31/12/2020 và 30/09/2021 theo BCTC năm 2020 đã được kiểm toán là 121.717.820.000 đồng.
- Tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu: CPC1 Hà Nội luôn sử dụng vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Bảng 22. Tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu năm 2019, 2020 và 9 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	%(+/-)	30/09/2021
I	Nguồn vốn				
1	Vốn Chủ sở hữu	282.537,78	359.594,52	27,27%	418.887,92
1.1	Vốn góp của CSH	121.717,82	121.717,82	0,00%	121.717,82
1.2	Thặng dư vốn cổ phần	5.473,00	5.473,00	0,00%	5.473,00

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	%(+/-)	30/09/2021
1.3	Lợi nhuận chưa phân phối	134.568,06	190.013,63	41,20%	225.004,38
1.4	Quỹ Đầu tư phát triển	19.466,90	42.984,94	120,81%	67.287,59
1.5	Nguồn kinh phí và các quỹ khác	1.312,00	(594,87)	-	(594,87)
2	Nợ phải trả	215.339,08	174.107,95	-19,15%	206.685,44
2.1	Nợ ngắn hạn	159.724,16	129.987,22	-18,62%	170.203,99
2.2	Nợ dài hạn	55.614,92	44.120,73	-20,67%	36.481,45
3	Tổng nguồn vốn sử dụng	497.876,85	533.702,48	7,20%	625.573,35
II	Tài sản				
1	Tài sản ngắn hạn	234.275,96	274.217,94	17,05%	372.835,79
1.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	10.656,78	13.471,53	26,41%	9.931,01
1.2	Khoản phải thu	127.404,83	163.071,29	27,99%	192.364,21
1.3	Hàng tồn kho	88.768,95	94.652,75	6,63%	167.732,10
1.4	Tài sản ngắn hạn khác	7.445,40	3.022,37	-59,41%	2.808,46
2	Tài sản dài hạn	263.600,89	259.484,54	-1,56%	252.737,56
2.1	Phải thu dài hạn	1.932,01	2.168,11	12,22%	2.244,89
2.2	Tài sản cố định	253.297,74	242.155,06	-4,40%	234.551,95
2.3	Tài sản dở dang dài hạn	620,00	132,00	-78,71%	238,00
2.4	Tài sản dài hạn khác	7.751,14	15.029,37	93,90%	15.702,72
3	Tổng tài sản	497.876,85	533.702,48	7,20%	625.573,35

Nguồn: BCTC năm 2020 đã được kiểm toán và BCTC 9 tháng đầu năm 2021 của CPC1 Hà Nội

2.1.2 Trích khấu hao tài sản cố định

Chi phí khấu hao tài sản cố định của Công ty được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài chính. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của

Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Bảng 23. Bảng trích khấu hao

Tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 45
Máy móc, thiết bị	4 - 15
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 10
Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	8
TSCĐ khác	2 - 12
Quyền khai thác và sử dụng hạ tầng kỹ thuật	45

Nguồn: BCTC 9 tháng đầu năm 2021 của CPC1 Hà Nội

2.1.3 Mức lương bình quân

Mức lương bình quân của CBCNV Công ty năm 2020 là 10.829.890 đồng/ người/tháng. So với mức lương cơ bản theo quy định của cơ quan Nhà nước, mức lương bình quân của Công ty được đánh giá là tốt. So sánh với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn, mức lương của Công ty được đánh giá là ở mức trên trung bình.

2.1.4 Các khoản phải thu

Bảng 24. Tình hình các khoản phải thu

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	%(+/-)	30/09/2021
I	Phải thu ngắn hạn	127.404,83	163.071,29	27,99%	192.364,21
1	Phải thu ngắn hạn khách hàng	116.268,71	146.466,59	25,97%	145.264,50
2	Trả trước người bán ngắn hạn	7.453,81	14.681,46	96,97%	44.608,63
3	Phải thu khác	3.818,03	2.338,22	38,76%	2.584,60
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(135,72)	(414,97)		(93,51)
II	Phải thu dài hạn	1.932,01	2.168,11	12,22%	2.244,89
1	Phải thu dài hạn khác	1.932,01	2.168,11	12,22%	2.244,89
III	Tổng các khoản phải thu	129.336,84	165.239,40	27,76%	194.609,10

Nguồn: BCTC năm 2020 đã được kiểm toán và BCTC 9 tháng đầu năm 2021 của CPC1 Hà Nội

Phải thu ngắn hạn khách hàng chiếm tỷ trọng 88,64% và 74,64% trên tổng các khoản phải thu tại 31/12/2020 và 30/09/2021.

Tại thời điểm 30/09/2021, theo báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2021, Công ty phát sinh

khoản phải thu quá hạn với giá trị như sau:

Bảng 25. Chi tiết các khoản nợ phải thu quá hạn ngày 30/09/2021

ĐVT: triệu đồng

Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm			
Từ 1 năm đến 2 năm	127,08	63,54	63,54
Từ 2 năm đến 3 năm	8,06	2,42	5,64
Trên 3 năm	24,33	-	24,33
Cộng	159,47	65,96	93,51

Nguồn: BCTC 9 tháng đầu năm 2021 của CPC1 Hà Nội

Đây là các khoản phải thu quá hạn có giá trị có thể thu hồi được tính bằng giá gốc trừ đi giá trị trích lập dự phòng. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định và đơn đốc thu hồi công nợ các khoản phải thu này.

2.1.5 Các khoản phải trả:

Tính đến thời điểm 31/12/2019, 31/12/2020, 30/09/2021, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào, các khoản nợ phải trả đều được Công ty thanh toán đúng hạn lãi và gốc.

Bảng 26. Tình hình các khoản phải trả

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	%(+/-)	30/09/2021
I	Nợ ngắn hạn	159.724,16	129.987,22	-18,62%	170.203,99
1	Phải trả người bán	28.339,76	22.543,97	-20,45%	36.336,10
2	Người mua trả tiền trước	4.239,49	6.303,79	48,69%	9.604,17
3	Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	4.653,44	1.601,35	-65,59%	5.836,82
4	Phải trả người lao động	25.607,27	20.458,59	-20,11%	9.047,29
5	Chi phí phải trả	2.326,23	3.300,17	41,87%	2.016,46
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	15,75	-	-100,00%	-
7	Phải trả khác	2.687,40	940,60	-65,00%	11.171,52
8	Vay ngắn hạn	88.041,60	66.567,62	-24,39%	80.278,02
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.813,21	8.271,14	116,91%	15.913,61
II	Nợ dài hạn	55.614,92	44.120,73	-20,67%	36.481,45
1	Phải trả dài hạn khác	62,50	130,00	108,00%	250,00
2	Vay dài hạn	55.552,42	40.690,73	-26,75%	32.931,45
3	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	-	3.300,00		3.300,00
III	Tổng các khoản phải trả	215.339,08	174.107,95	-19,15%	206.685,44

Nguồn: BCTC năm 2020 đã được kiểm toán và BCTC 9 tháng đầu năm 2021 của CPC1 Hà Nội

Bảng 27. Tình hình vay nợ

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	88.041,60	66.567,62	80.278,02
- Vay ngắn hạn và vay dài hạn đến hạn trả	19.434,90	17.855,31	31.166,92
+ Vay ngân hàng ngắn hạn	3.668,81	2.181,74	19.527,99
+ Vay dài hạn đến trả	15.766,09	15.673,57	11.638,93
- Vay cá nhân	68.606,70	48.712,31	49.111,10
Vay dài hạn	55.552,42	40.690,73	32.931,45

Nguồn: BCTC năm 2020 đã được kiểm toán và BCTC 9 tháng đầu năm 2021 của CPC1 Hà Nội

Trong cơ cấu vay nợ của Công ty, các khoản nợ ngắn hạn tại ngày 31/12/2020 và 30/09/2021 chiếm tỷ trọng lần lượt là 74,66% và 82,35% tổng các khoản phải trả, trong đó khoản vay thành viên HĐQT và cổ đông lớn chiếm tỷ trọng lần lượt là 24,43% và 20,82% tổng các khoản phải trả.

Bảng 28. Chi tiết khoản vay cá nhân

Đơn vị tính: triệu đồng

Bên cho vay	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
Vay cá nhân các bên liên quan <i>Trong đó:</i>	57.348,36	42.539,96	43.039,97
- Thành viên Hội đồng quản trị	37.664,83	26.849,41	27.349,41
- Các cổ đông lớn	19.683,53	15.690,55	15.690,55
Vay cá nhân khác	11.258,34	6.172,34	6.071,13
Tổng cộng	68.606,70	48.712,30	49.111,10

Nguồn: BCTC năm 2020 đã được kiểm toán và BCTC 9 tháng đầu năm 2021 của CPC1 Hà Nội

2.1.6. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn cố gắng tuân thủ các quy định của pháp luật về nghĩa vụ thuế, tài chính với Nhà nước, thực hiện nộp đầy đủ các khoản phải nộp theo luật định và theo quyết định của cơ quan Thuế. Trong đó, một số loại thuế chính như sau:

a. Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động xuất khẩu thuốc, thực phẩm chức năng: 0%
- Hoạt động bán thuốc tân dược: 5%

- Hoạt động bán thực phẩm chức năng: 10%

b. Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

c. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty đáp ứng điều kiện được miễn, giảm và ưu đãi thuế TNDN theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19/05/2007 của Chính phủ về Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ do là Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ, theo giấy chứng nhận số 44/DNKHCN ngày 19/07/2018.

Công ty được áp dụng mức thuế suất TNDN là 10% trong thời gian 15 năm kể từ năm 2018, được miễn thuế TNDN trong thời gian 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (quy định tại Khoản 1, khoản 6 Điều 15, Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 20/05/2019 của Chính phủ).

Theo quy định tại Điều 12, Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019, Doanh nghiệp khoa học và công nghệ không được ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với năm tài chính không đáp ứng được điều kiện về doanh thu của sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ đạt tỷ lệ tối thiểu 30% trên tổng doanh thu của doanh nghiệp. Năm 2020, tỷ lệ doanh thu của sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ là 58,47% trên tổng doanh thu, do đó, Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng 29. Thuế và các khoản thu, phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019		31/12/2020		30/09/2021	
		Phải thu	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
1	Thuế GTGT	-	-		353,48	62,08	
3	Thuế XNK	0,55		113,05		44,45	
4	Thuế TNDN		3.578,67	1.051,55			5.581,11
5	Thuế TNCN		1.074,77		1.247,87		217,69
6	Tiền thuê đất	543,93		-	-	-	-
7	Các loại thuế khác, phí lệ phí	-	-	-	-	-	38,02
TỔNG CỘNG		544,48	4.653,44	1.164,60	1.601,35	106,53	5.836,82

Nguồn: BCTC năm 2020 đã được kiểm toán và BCTC 9 tháng đầu năm 2021 của CPC1 Hà Nội

Trong khoản chi phí khác năm 2019 và 2020, Công ty có các khoản tiền nộp chậm thuế lần lượt là 1.244.683.358 đồng và 21.334.606 đồng.

Năm 2018, Công ty chậm nộp thuế GTGT, TNDN, do đó năm 2019 Công ty bị phạt và truy thu số tiền là 1.244.683.358 đồng như sau:

Bảng 30. Khoản mục chậm nộp thuế năm 2019

STT	Khoản mục chậm nộp thuế năm 2019	Giá trị (đồng)
I.	Theo Quyết định số 48549/QĐ-CT-TKT10 ngày 24/06/2019 của Cục Thuế thành phố Hà Nội (*)	1.183.321.640
1	Tiền phạt khai sai mức 20% trên số thuế GTGT, thuế TNDN tăng thêm qua thanh tra năm 2018	990.280.572
2	Tiền chậm nộp thuế GTGT, TNDN tính đến hết ngày 07/06/2019 theo biên bản	100.456.396
3	Truy thu số thuế GTGT từ hoạt động kinh doanh qua thanh tra năm 2018	44.438.000
4	Số tiền chậm nộp tiền thuế kể từ ngày 08/06/2019 đến ngày Công ty nộp đủ số tiền thuế chậm nộp vào NSNN (là ngày 25/07/2019)	48.146.672
II.	Các khoản phạt chậm nộp khác phát sinh trong năm 2019 do Công ty tự xác định	61.361.718
	Tổng	1.244.683.358

(*) Theo Quyết định số 48549/QĐ-CT-TKT10 ngày 24/06/2019 của Cục Thuế thành phố Hà Nội về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế, trong năm tài khóa 2018, CPC1 Hà Nội bị xử phạt với các nội dung sau:

- “Tiền phạt khai sai mức 20% trên số thuế GTGT, thuế TNDN tăng thêm qua thanh tra năm 2018 theo quy định tại khoản 1 điểm 33 điều 1 luật số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế, do có hành vi kê khai sai dẫn tới thiếu số tiền phải nộp, số tiền 990.280.572 đồng.
- Biện pháp khắc phục hậu quả: Tiền chậm nộp thuế GTGT, TNDN tính đến hết ngày 07/06/2019: 100.456.396 đồng.
- Truy thu số thuế GTGT từ hoạt động kinh doanh qua thanh tra năm 2018: 44.438.000”

Đến ngày 25/07/2019, Công ty đã hoàn tất việc nộp toàn bộ số tiền phạt khai sai mức 20% trên số thuế GTGT, thuế TNDN tăng thêm và Tiền chậm nộp thuế GTGT, TNDN theo quyết định số 48549/QĐ-CT-TKT10 ngày 24/06/2019 của Cục Thuế thành phố Hà Nội.

Năm 2020 khoản tiền chậm nộp thuế là 21.334.606 đồng do đến thời điểm 31/01/2020, Công ty chưa nộp đủ 80% số thuế phải nộp theo quy định. Đến ngày 02/04/2021, Công ty đã nộp đủ 80% số thuế phải nộp theo quy định. Căn cứ vào các quy định thuế TNDN hiện hành và thời

gian đã hoàn hành nghĩa vụ nộp thuế TNDN năm 2019. Công ty tự xác định giá trị phạt chậm thuế năm 2020 là 21.334.606 đồng.

Trong 09 tháng đầu năm 2021, Công ty tự xác định các khoản phạt chậm nộp thuế Thu nhập cá nhân, GTGT, thuế môn bài và một số khoản phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền là 37.663.988 đồng. Căn cứ vào các quy định hiện hành và thời gian đã hoàn hành nghĩa vụ nộp thuế, nộp phạt, Công ty tự xác định số tiền nộp phạt như trên và đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ nộp thuế và nộp phạt.

2.1.7 Trích lập các quỹ

Theo Luật doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng quỹ hàng năm do ĐHĐCĐ của Công ty quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, 2020 và năm 2021, cụ thể như sau:

Bảng 31. Trích lập các quỹ theo luật định trong năm

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	9 Tháng đầu năm 2021
1	Quỹ đầu tư phát triển	12.229,00	23.518,04	24.302,65
2	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	3.057,00	4.703,61	4.860,53
3	Trích quỹ dự phòng rủi ro tài chính	3.057,24		-
4	Trích quỹ Thường HĐQT, Ban kiểm soát	40,00	40,00	56,00
5	Trích quỹ Thường Ban điều hành	1.000,00	3.765,95	3.181,47
TỔNG CỘNG		19.383,24	32.027,60	32.400,65

Nguồn: BCTC năm 2020 đã được kiểm toán và BCTC 9 tháng đầu năm 2021 của CPC1 Hà Nội

2.1.8 Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Việc phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty trong năm 2021 có thể ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình tài chính của Công ty. Theo kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được ĐHĐCĐ thông qua, phần vốn phát hành thêm sẽ được sử dụng để mua Dây chuyền sản xuất thuốc ống tiêm và các phụ kiện đồng bộ (Máy BFS). Trường hợp việc đầu tư không đạt hiệu quả như mong đợi sẽ làm ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Công ty. Tuy nhiên, việc mua Dây truyền sản xuất thuốc ống tiêm và các phụ kiện đồng bộ nằm trong kế hoạch kinh doanh, đã được Ban lãnh đạo Công ty phân tích, cân nhắc kỹ lưỡng nhằm mang lại hiệu quả kinh tế.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 32. Một số Chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

STT	Các chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
1	Khả năng thanh toán		
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,47	2,11
-	Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,91	1,38
2	Cơ cấu vốn		
-	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	43,25%	32,62%
-	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	76,22%	48,42%
3	Năng lực hoạt động		
-	Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	1,07	1,01
-	Vòng quay vốn lưu động: Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	2,32	2,04
-	Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	3,08	2,73
4	Khả năng sinh lời		
-	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	21,18%	18,75%
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	22,71%	18,85%
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân	39,17%	30,28%
-	Thu nhập trên cổ phần (EPS) (VNĐ)	7.030	7.742

Nguồn: Tính toán dựa trên số liệu BCTC năm 2019, 2020 đã được kiểm toán của CPC1 Hà Nội

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh là chỉ số thể hiện khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn trả nợ của Công ty. Bảng số liệu trên cho thấy khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty đang ở mức tốt, tại 31/12/2019 và 31/12/2020 đạt lần lượt là 1,47 lần và 2,11 lần. Hệ số thanh toán nhanh được cải thiện, từ mức 0,91 lần cuối năm 2019 tăng lên 1,38 lần cuối năm 2020.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Cơ cấu vốn cải thiện rõ rệt trong giai đoạn vừa qua. Hệ số Nợ/Tổng tài sản của Công ty giảm từ 43,25% cuối năm 2019 xuống còn 32,62% tại 31/12/2020.

Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu giảm mạnh từ 76,22% năm 2019 xuống 48,42% tại 31/12/2020.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho của Công ty giảm nhẹ, từ 3,08 năm 2019 xuống 2,73 năm 2020.

Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân) của Công ty ổn định ở mức 1,07 đến 1,01 trong 02 năm 2019, 2020.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Chỉ số tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) 21,18% năm 2019 xuống còn 18,75% năm 2020. ROA và ROE khá cao, đạt lần lượt là 18,85% và 30,28% trong năm 2020 và 22,71% và 39,17% năm 2019.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty

* Ý kiến của Kiểm toán theo BCTC năm 2019 đã được kiểm toán:

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Dược CPC1 Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp các chuẩn mực Kế toán Việt nam, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác: Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 28/03/2019.

Báo cáo kiểm toán này được phát hành lại, thay thế cho Báo cáo kiểm toán số 2/0301/20/TC-AC ngày 30/03/2020 do Công ty lập lại Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 xác định lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm."

* Ý kiến của Kiểm toán theo BCTC năm 2020 đã được kiểm toán:

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Dược CPC1 Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp các chuẩn mực Kế toán Việt nam, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác: Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính này ngày 22/06/2020."

* Ý kiến của Kiểm toán theo BCTC soát xét giữa niên độ năm 2021:

“Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2021, cùng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác: Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 và báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA), với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.”

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

4.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Bảng 33. Bảng Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020 (triệu đồng)	Năm 2021	
		Kế hoạch (triệu đồng)	% tăng/giảm so với năm trước
Vốn điều lệ	121.718,00	162.290,42	33,33%
Doanh thu thuần	518.448,76	650.000,00	25,37%
Lợi nhuận trước thuế	106.049,07	130.000,00	22,58%
Lợi nhuận sau thuế	97.210,60	117.000,00	20,36%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	18,75%	18,00%	-4,00%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân	30,28%	27,12%	-10,44%
Tỷ lệ cổ tức	8%	8%	0,00%

Nguồn: CPC1 Hà Nội

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội số 850 /2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/5/2021 đã thông qua kế hoạch Doanh thu thuần và lợi nhuận trước thuế năm 2021 lần lượt là 650 và 130 tỷ đồng.

Năm 2021, CPC1 Hà Nội đặt kế hoạch lợi nhuận sau thuế là 117 tỷ đồng, tăng 20,36% so với năm 2020. Công ty xây dựng kế hoạch năm 2021 dựa vào tình hình tăng trưởng năm trước và dự kiến thị trường năm 2021. Dịch bệnh Covid lần thứ 4 bùng phát từ cuối tháng 4/2021 đến cuối tháng 9/2021 diễn biến vô cùng phức tạp, các ca dương tính có xu hướng tăng lên ở hầu hết các tỉnh thành trong cả nước. Các thành phố lớn đã thực hiện các biện pháp cách ly theo

chỉ thị 16 của Thủ tướng chính phủ, ảnh hưởng lớn đến việc kinh doanh, luân chuyển hàng hóa của Công ty. Kết quả doanh thu thuần và lợi nhuận trước thuế 9 tháng đầu năm 2021 đạt lần lượt là 393,4 và 84,79 tỷ đồng tương ứng với 60,52% và 65,22% kế hoạch kinh doanh năm 2021.

Trong bối cảnh dịch bệnh bùng phát, toàn xã hội bị giãn cách, CPC1HN đã áp dụng hình thức 3 tại chỗ để duy trì việc sản xuất, cung ứng những sản phẩm thiết yếu cho Ngành Y tế, Công ty liên tục thay đổi, áp dụng các hình thức kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế. Trong trường hợp dịch bệnh được kiểm soát trong quý IV/2021, Công ty phấn đấu đạt 90% kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2021.

4.2 Căn cứ đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh

Các biện pháp Công ty thực hiện nhằm đạt được kế hoạch kinh doanh bao gồm:

- Tập trung thực hiện chủ trương của HĐQT Công ty trong việc đẩy mạnh phát triển đa kênh bán hàng, hướng tới các sản phẩm chuyên sâu.
- Tiếp tục nghiên cứu nhằm phát triển mạnh hơn nhóm sản phẩm nhập khẩu thông qua việc mở rộng thêm đối tác mới cũng như chủng loại sản phẩm mới theo nhu cầu và xu hướng điều trị, đồng thời mở rộng nhóm sản phẩm phân phối không chỉ trong lĩnh vực hóa dược mà cả sinh phẩm, vắc xin, thực phẩm chức năng, dược mỹ phẩm.
- Tiếp tục triển khai, cải tổ, cơ cấu lại nhân sự, tổ chức hoạt động, dịch chuyển nhân sự phù hợp cho toàn công ty. Tăng cường thu hút nguồn lực có chuyên môn cao, kinh nghiệm trong các lĩnh vực nghiên cứu sản phẩm mới.
- Tiếp tục đầu tư, xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh và chiến lược phát triển kinh doanh trong thời gian tới.
- Cập nhật chủ trương, chính sách của Nhà nước để phát huy những lợi thế của ngành Dược, tận dụng mọi điều kiện thuận lợi trong sản xuất kinh doanh.
- Đẩy mạnh hơn nữa công tác tìm kiếm đối tác nước ngoài, để tìm cơ hội đưa các sản phẩm mới, công nghệ mới vào lĩnh vực sản xuất và phân phối dược phẩm tại thị trường Việt Nam.

4.3 Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn, AseanSC đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu và phân tích về hoạt động kinh doanh của CPC1 Hà Nội cũng như về các lĩnh vực kinh doanh mà CPC1 Hà Nội đang hoạt động.

Việt Nam hiện được xếp vào nhóm những nước có ngành dược mới nổi (Pharmerging- theo phân loại của tổ chức IQVIA Institute). Ngành Dược có tốc độ tăng trưởng hàng năm kép giai đoạn 2015-2019 là 11,8%.

Từ năm 2020, đại dịch Covid-19 đã làm ảnh hưởng đến nhiều ngành kinh tế của Việt Nam,

trong đó có ngành Dược phẩm. Tuy nhiên, kết quả khảo sát của Vietnam Report vừa tiến hành tháng 10/2020 cho thấy, so với các ngành khác thì dược phẩm là một trong những ngành ít chịu ảnh hưởng nhất do đây là một trong những mặt hàng thiết yếu đối với người dân. Ước tính tiêu dùng cho y tế sẽ trở lại mức bình thường từ quý IV năm 2021, khi quy định về giãn cách xã hội được nới lỏng và nhu cầu khám bệnh của người dân tăng trở lại. Ngoài ra, dân số Việt Nam đang già hóa nhanh và thu nhập bình quân đầu người tăng mạnh tiếp tục hỗ trợ đà tăng trưởng dài hạn của thị trường chăm sóc sức khỏe.

Chính phủ tiếp tục cải cách chính sách để hỗ trợ các công ty dược phẩm trong nước và giảm gánh nặng bảo hiểm y tế. Chính phủ Việt Nam tiếp tục sửa đổi quy định đấu thầu thuốc tại bệnh viện công, nhằm (1) khuyến khích sản xuất thuốc generic thay thế thuốc nhập khẩu giá cao; và (2) giảm gánh nặng tài chính lên quỹ bảo hiểm y tế, do doanh thu phí bảo hiểm đã khó bắt kịp nhu cầu chi trả bảo hiểm trong những năm gần đây.

Năm 2020, Chính phủ ban hành Thông tư 15/2020/TT-BYT thay thế Thông tư 09/2016/TT-BYT, mở rộng danh mục thuốc đấu thầu bởi bệnh viện và thuốc đấu thầu tập trung (thuốc do BHXH Việt Nam trực tiếp tổ chức đấu thầu). Do đó, giá thuốc tại kênh bệnh viện đang dần minh bạch hơn, giúp các nhà sản xuất trong nước cạnh tranh với các loại thuốc nhập khẩu đắt tiền trước đây vẫn chiếm ưu thế trong bệnh viện. Ngoài ra, Luật Dược (Chương II, Điều 7) và Thông tư 03/2019/TT-BYT quy định không chào thầu thuốc nhập khẩu khi thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp, tạo ra ưu thế lớn cho thuốc nội địa.

CPC1 Hà Nội sở hữu nhà máy dây chuyền máy móc thiết bị đạt tiêu chuẩn GMP – WHO, có lợi thế là doanh nghiệp tiên phong đưa công nghệ BFS (Blow-Fill-Seal) là công nghệ tiên tiến nhất hiện nay để sản xuất các sản phẩm thuốc dung dịch chứa trong ống nhựa vào sản xuất ở Việt Nam và thực hiện nhiều kế hoạch đồng bộ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng hệ thống phân phối và tăng cường khả năng cạnh tranh.

Dịch bệnh Covid lần thứ 4 bùng phát từ cuối tháng 4/2021 đến cuối tháng 9/2021 và nguy cơ tiếp tục trong các tháng cuối năm 2021 khiến các thành phố lớn thực hiện các biện pháp cách ly, ảnh hưởng lớn đến việc kinh doanh, luân chuyển hàng hóa của Công ty. Do vậy, có khả năng Công ty không hoàn thành kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2021.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một Tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính chất tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội không có cổ đông sáng lập đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng.

2. Thông tin về cổ đông lớn

Bảng 34. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 01/11/2021

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Năm sinh/thành lập	Quốc tịch	Giấy ĐKKD	Địa chỉ trụ sở chính	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ CP nắm giữ (%)	Lợi ích liên quan/ Mối quan hệ với CPC1 Hà Nội	Thông tin khác
1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương CPC1 ("CPC1")	1956	Việt Nam	100108536	87 phố Nguyễn Trãi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP.Hà Nội	2.000.000	16,43%	Cổ đông lớn có liên quan đến thành viên HĐQT CPC1 Hà Nội: - Ông Nguyễn Doãn Liêm - Ông Vũ Văn Hà	- Vốn điều lệ: 209.790.000.000 đồng - Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Doãn Liêm – TGD - Đại diện phần vốn góp tại CPC1 Hà Nội: Ông Vũ Văn Hà
2	Lê Thị Kim Anh	1968	Việt Nam			2.092.500	17,19%	Cổ đông lớn có liên quan đến thành viên HĐQT CPC1 Hà Nội: - Vợ Ông Nguyễn Doãn Liêm - Chị gái Ông Lê Nam Thắng	
3	Nguyễn Tiên Lung	1958	Việt Nam			1.000.000	8,22%	Cổ đông lớn có liên quan đến thành viên HĐQT CPC1 Hà Nội: Anh trai Ông Nguyễn Doãn Liêm	



STT	Tên cá nhân/tổ chức	Năm sinh/ thành lập	Quốc tịch	Giấy ĐKKD	Địa chỉ trụ sở chính	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ CP nắm giữ (%)	Lợi ích liên quan/ Mỗi quan hệ với CPC1 Hà Nội	Thông tin khác
4	Lê Nam Thắng	1974	Việt Nam			1.125.566	9,25%	Cổ đông lớn là người nội bộ của CPC1 Hà Nội: - Chủ tịch HĐQT CPC1 Hà Nội - Ông Nguyễn Doãn Liêm là anh rể ông Lê Nam Thắng	
5	Nguyễn Thanh Bình	1976	Việt Nam			2.294.000	18,85%	Cổ đông lớn là người nội bộ của CPC1 Hà Nội: - Tổng Giám đốc, TV HĐQT CPC1 Hà Nội	
6	Phùng Thanh Hương	1976	Việt Nam			1.248.000	10,25%	Cổ đông lớn có liên quan đến Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT CPC1 Hà Nội: - Ông Nguyễn Thanh Bình là chồng bà Phùng Thanh Hương	
	Tổng cộng					9.760.066	80,19%		

Nguồn: CPC1 Hà Nội

Bảng 35. Số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phần của Cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn

STT	Tên	Tại ngày trở thành cổ đông lớn		Tại ngày 01/11/2021		Dự kiến sau phát hành	
		Số lượng nắm giữ/có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng nắm giữ/có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng nắm giữ/có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)
1.	Công ty CP Dược phẩm Trung Ương CPC1	102.000	67,11	2.000.000	16,43	2.666.666	16,43
	<i>Những người có liên quan của Công ty CP Dược phẩm Trung Ương CPC1</i>	10.000	6,58	631.000	5,18	841.330	5,18
2.	Lê Thị Kim Ánh	770.000	7,570	2.092.500	17,19	2.789.999	17,19
	<i>Những người có liên quan của Bà Lê Thị Kim Ánh</i>	2.546.000	25,03	1.251.916	10,29	1.669.219	10,29
3.	Nguyễn Tiến Lung	1.000.000	8,21	1.000.000	8,22	1.333.333	8,22
	<i>Những người có liên quan của Ông Nguyễn Tiến Lung</i>	1.895.000	15,56	2.112.500	17,36	2.816.665	17,36
4.	Lê Nam Thắng	1.000.000	8,22	1.125.566	9,25	1.500.754	9,25
	<i>Những người có liên quan của Ông Lê Nam Thắng</i>	1.895.000	15,56	2.112.500	17,36	2.816.665	17,36
5.	Nguyễn Thanh Bình	3.235.000	31,80	2.294.000	18,85	3.058.665	18,85
	<i>Những người có liên quan của Ông Nguyễn Thanh Bình</i>	-	0,00	1.248.000	10,25	1.663.999	10,25
6.	Phùng Thanh Hương	1.248.000	0,1025	1.248.000	10,25	1.663.999	10,25
	<i>Những người có liên quan của Bà Phùng Thanh Hương</i>	1.371.000	13,48	2.467.785	20,27	3.290.377	20,27

Nguồn: CPC1 Hà Nội

Bảng 36. Các hợp đồng, giao dịch giữa CPC1 Hà Nội với cổ đông lớn và những người có liên quan

STT	Tên hợp đồng	Đối tác Hợp đồng	Tổng Giá trị giao dịch (triệu đồng)/năm	Nội dung giao dịch, số lượng giao dịch	Thời gian thực hiện giao dịch	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT thông qua
1	Hợp đồng cho thuê văn phòng 356A Giải Phóng, Hà Nội	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương CPC1	1.716,00	Thuê văn phòng	Từ năm 2017 đến nay	Quyết định của Hội đồng quản trị số 1001/2017/QĐ-HĐQT ngày 28/4/2017 về việc thuê văn phòng
2	Hợp đồng cho thuê xe nâng	Nt	198,00	Thuê xe nâng	Từ 01/10/2016 đến nay	Quyết định của Hội đồng quản trị số 1125/2016/QĐ-HĐQT ngày 25/9/2016 về việc thuê văn phòng
3	Hợp đồng nguyên tắc thuê kho GSP Giá tiền thuê kho thanh toán theo số pallet để hàng thực tế.	Nt	HĐ nguyên tắc	Thuê kho	Từ năm 2018 đến nay	Quyết định của Hội đồng quản trị số 1295/2017/QĐ-HĐQT ngày 20/12/2017 về việc thuê kho GSP
4	Hợp đồng cho thuê dịch vụ bảo quản hàng trong kho lạnh 2-8°C.	Nt	Năm 2019: 172,11 Năm 2020: 117,68 9 tháng đầu năm 2021: 19,36	Thuê dịch vụ	Từ năm 2017 đến nay	Quyết định số 982/2016/QĐ-HĐQT ngày 20/12/2016 về việc thuê kho bảo quản hàng lạnh
5	Các hợp đồng nhập hàng ủy thác	Nt	31.999,55	Dịch vụ nhập hàng ủy thác nguyên phụ liệu sản xuất thuốc	02/01/2019-31/12/2019	Quyết định của Hội đồng quản trị số 2151/2018/QĐ-HĐQT ngày 15/12/2018 thông qua việc thực hiện Hợp đồng nhập hàng ủy thác

STT	Tên hợp đồng	Đối tác Hợp đồng	Tổng Giá trị giao dịch (triệu đồng)/năm	Nội dung giao dịch, số lượng giao dịch	Thời gian thực hiện giao dịch	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT thông qua
6	Các hợp đồng nhập hàng ủy thác	Nt	19.889,77	Dịch vụ nhập hàng ủy thác nguyên phụ liệu sản xuất thuốc	02/01/2020-31/12/2020	Quyết định của Hội đồng quản trị số 3945/2019/QĐ-HĐQT ngày 15/12/2019 thông qua việc thực hiện Hợp đồng nhập hàng ủy thác
7	Các hợp đồng nhập hàng ủy thác	Nt	46,88 (*)	Dịch vụ nhập hàng ủy thác nguyên phụ liệu sản xuất thuốc	02/01/2021-31/12/2021	Quyết định của Hội đồng quản trị số 2769/2020/QĐ-HĐQT ngày 10/12/2017 thông qua việc thực hiện Hợp đồng nhập hàng ủy thác
8	Hợp đồng Bán hàng hóa số 152/2019/CPC1-XNK	Nt	19.283,71	Thuốc, TPCN	02/01/2019-31/12/2019	Quyết định của Hội đồng quản trị số 2152/2018/QĐ-HĐQT ngày 15/12/2018 thông qua Hợp đồng với các đơn vị có liên quan tới thành viên HĐQT
9	Hợp đồng Bán hàng hóa số 745/HĐ-CPC1	Nt	17.090,89	Thuốc, TPCN	07/01/2020-31/12/2020	Quyết định của HĐQT số 4116/2019/QĐ-HĐQT ngày 25/12/2019 thông qua Hợp đồng với các đơn vị có liên quan tới thành viên HĐQT
10	Hợp đồng Bán hàng hóa số 745/HĐ-CPC1	Nt	8.208,36 (*)	Thuốc, TPCN	02/01/2021-31/12/2021	Quyết định của Hội đồng quản trị số 2770/2020/QĐ-HĐQT ngày 10/12/2017 thông qua Hợp đồng với các đơn vị có liên quan tới thành viên HĐQT



STT	Tên hợp đồng	Đối tác Hợp đồng	Tổng Giá trị giao dịch (triệu đồng)/năm	Nội dung giao dịch, số lượng giao dịch	Thời gian thực hiện giao dịch	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT thông qua
11	Hợp đồng vay vốn 03-09/2019/HĐVV/CPC1HN	Lê Thị Kim Ánh	7.564,22	Lãi suất vay 0,54%/tháng. Nếu hết thời hạn vay một trong 2 bên không có thông báo chấm dứt thì thời hạn vay tiếp tục gia hạn.	Kỳ hạn vay là 06 tháng kể từ ngày 20/03/2019, Sau đó được tiếp tục gia hạn đến hiện tại	Quyết định của HĐQT số 683/2019/QĐ-HĐQT ngày 18/03/2019 v/v vay vốn của Thành viên HĐQT và người liên quan
12	Hợp đồng vay vốn 03-07/2019/HĐVV/CPC1HN	Nguyễn Tiến Lung	3.614,92	Lãi suất vay 0,54%/tháng. Nếu hết thời hạn vay một trong 2 bên không có thông báo chấm dứt thì thời hạn vay tiếp tục gia hạn.	Kỳ hạn vay là 06 tháng kể từ ngày 20/03/2019. Sau đó được tiếp tục gia hạn đến hiện tại.	Quyết định của HĐQT số 683/2019/QĐ-HĐQT ngày 18/03/2019 v/v vay vốn của Thành viên HĐQT và người liên quan
13	Hợp đồng vay vốn 03-17/2019/HĐVV/CPC1HN	Phùng Thanh Hương	4.511,42	Lãi suất vay 0,54%/tháng. Nếu hết thời hạn vay một trong 2 bên không có thông báo chấm dứt thì thời hạn vay tiếp tục gia hạn.	Kỳ hạn vay là 06 tháng kể từ ngày 20/03/2019. Sau đó được tiếp tục gia hạn đến hiện tại.	Quyết định của HĐQT số 683/2019/QĐ-HĐQT ngày 18/03/2019 v/v vay vốn của Thành viên HĐQT và người liên quan
14	Hợp đồng vay số 03-20/2019/HĐVV/CPC1HN	Lê Nam Thắng	4.068,83	Lãi suất vay 0,54%/tháng. Nếu hết thời hạn vay một trong 2 bên không có thông báo chấm dứt thì thời hạn vay tiếp tục gia hạn.	06 tháng kể từ ngày 22/03/19. Sau đó tiếp tục gia hạn đến nay	Quyết định của HĐQT số 683/2019/QĐ-HĐQT ngày 18/03/2019 v/v vay vốn của Thành viên HĐQT và người liên quan



STT	Tên hợp đồng	Đối tác Hợp đồng	Tổng Giá trị giao dịch (triệu đồng)/năm	Nội dung giao dịch, số lượng giao dịch	Thời gian thực hiện giao dịch	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT thông qua
15	Hợp đồng vay số 01/2021/HĐVV/CPC1HN	Lê Nam Thắng	2.000,00	Lãi suất vay 0.583%/tháng. Khi lãi suất thay đổi bên B sẽ thông báo bằng văn bản.	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng vào ngày 15/01/2021. Nếu hết thời hạn vay một trong 2 bên không có thông báo chấm dứt thì thời hạn vay tiếp tục gia hạn.	Quyết định của HĐQT số 37/2021/QĐ-HĐQT ngày 12/01/2021 v/v vay vốn của Ông Lê Nam Thắng – Chủ tịch HĐQT
16	Hợp đồng vay số 02/2021/HĐVV/CPC1HN	Lê Nam Thắng	1.500,00	Lãi suất vay 0.583%/tháng. Khi lãi suất thay đổi bên B sẽ thông báo bằng văn bản.	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng vào ngày 13/07/2021. Nếu hết thời hạn vay một trong 2 bên không có thông báo chấm dứt thì thời hạn vay tiếp tục gia hạn.	Quyết định của HĐQT số 1329/2021/QĐ-HĐQT ngày 12/07/2021 v/v vay vốn của Ông Lê Nam Thắng – Chủ tịch HĐQT
17	Hợp đồng bán hàng hóa 1585/2020/HĐ/CPC1HN-MEDZAVY	Công ty cp Dược phẩm Medzavy (Ông Lê Nam Thắng là Giám đốc)	93,20 (*)	Thuốc, TPCN	01/06/2020-31/12/2021	Quyết định của Hội đồng quản trị số 1571/2020/QĐ-HĐQT ngày 27/05/2020 thông qua Hợp đồng với các đơn vị có liên quan tới thành viên HĐQT

STT	Tên hợp đồng	Đối tác Hợp đồng	Tổng Giá trị giao dịch (triệu đồng)/năm	Nội dung giao dịch, số lượng giao dịch	Thời gian thực hiện giao dịch	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT thông qua
18	Hợp đồng Bán hàng hóa số 01/2021/CPC1HN-UPHARMA	Công ty cp Upharma (ông Lê Nam Thắng là Chủ tịch HĐQT)	319,97 (*)	Thuốc, TPCN	21/06/2021-31/12/2022	Quyết định của Hội đồng quản trị số 1127/2020/QĐ-HĐQT ngày 17/06/2021 thông qua Hợp đồng với các đơn vị có liên quan tới thành viên HĐQT
19	Hợp đồng vay vốn 571/2014/HĐVV/CP C1HN	Nguyễn Doãn Liêm	350,00	Lãi suất vay 0,6%/tháng. Nếu hết thời hạn vay một trong 2 bên không có thông báo chấm dứt thì thời hạn vay tiếp tục gia hạn.	06 tháng kể từ ngày 27/11/14. Sau đó tiếp tục gia hạn đến nay	Quyết định của HĐQT số 510/2014/QĐ-HĐQT ngày 20/11/2014 v/v vay vốn của thành viên HĐQT
20	Hợp đồng vay vốn 02/2015/HĐVV/CPC 1HN	Nguyễn Doãn Liêm	550,00	Lãi suất vay 0,6%/tháng. Nếu hết thời hạn vay một trong 2 bên không có thông báo chấm dứt thì thời hạn vay tiếp tục gia hạn.	06 tháng kể từ ngày 19/01/15. Sau đó tiếp tục gia hạn đến nay	Quyết định của HĐQT số 20/2015/QĐ-HĐQT ngày 16/01/2015 v/v vay vốn của thành viên HĐQT
21	Hợp đồng vay vốn 03/2017/HĐVV/CPC 1HN	Nguyễn Doãn Liêm	1.600,00	Lãi suất vay 0,5%/tháng. Nếu hết thời hạn vay một trong 2 bên không có thông báo chấm dứt thì thời hạn vay tiếp tục gia hạn.	06 tháng kể từ ngày 15/05/17. Sau đó tiếp tục gia hạn đến nay	Quyết định của HĐQT số 195/2017/QĐ-HĐQT ngày 08/05/2017 v/v vay vốn của thành viên HĐQT
22	Hợp đồng vay số 03-10/2019/HĐVV/CPC 1HN	Nguyễn Doãn Liêm	72,30	Lãi suất vay 0,54%/tháng. Nếu hết thời hạn vay một trong 2 bên không có thông báo chấm dứt thì thời hạn vay tiếp tục gia hạn.	06 tháng kể từ ngày 20/03/19. Sau đó tiếp tục gia hạn đến nay	Quyết định của HĐQT số 683/2019/QĐ-HĐQT ngày 18/03/2019 v/v vay vốn của Thành viên HĐQT và người liên quan



STT	Tên hợp đồng	Đối tác Hợp đồng	Tổng Giá trị giao dịch (triệu đồng)/năm	Nội dung giao dịch, số lượng giao dịch	Thời gian thực hiện giao dịch	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT thông qua
23	Hợp đồng vay số 03-13/2019/HĐVV/CPC1HN	Vũ Văn Hà	176,00	Lãi suất vay 0,54%/tháng. Nếu hết thời hạn vay một trong 2 bên không có thông báo chấm dứt thì thời hạn vay tiếp tục gia hạn.	06 tháng kể từ ngày 21/03/19. Sau đó tiếp tục gia hạn đến nay	Quyết định của HĐQT số 683/2019/QĐ-HĐQT ngày 18/03/2019 v/v vay vốn của Thành viên HĐQT và người liên quan
24	Hợp đồng Mua hàng hóa số 01/2019/HĐNT/TT-CPC1CN	Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh (Ông Nguyễn Thanh Bình là Giám đốc)	10.926,26	Thuốc, TPCN	02/01/2019-31/12/2019	Quyết định của Hội đồng quản trị số 2152/2018/QĐ-HĐQT ngày 15/12/2018 thông qua Hợp đồng với các đơn vị có liên quan tới thành viên HĐQT
25	Hợp đồng Mua hàng hóa số 01/2020/HĐNT/TT-CPC1HN	Nt	11.590,94	Thuốc, TPCN	02/01/2020-31/12/2020	Quyết định của HĐQT số 4116/2019/QĐ-HĐQT ngày 25/12/2019 thông qua Hợp đồng với các đơn vị có liên quan tới thành viên HĐQT
26	Hợp đồng Mua hàng hóa số 01/2021/HĐNT/TT-CPC1CN	Nt	6.815,25 (*)	Thuốc, TPCN	02/01/2021-31/12/2021	Quyết định của HĐQT số 4116/2019/QĐ-HĐQT ngày 25/12/2020 thông qua Hợp đồng với các đơn vị có liên quan tới thành viên HĐQT



STT	Tên hợp đồng	Đối tác Hợp đồng	Tổng Giá trị giao dịch (triệu đồng)/năm	Nội dung giao dịch, số lượng giao dịch	Thời gian thực hiện giao dịch	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT thông qua
27	Hợp đồng Bán hàng hóa số 19/2019/HĐ/ CPC1HN-TT	Nt	24.723,04	Thuốc, TPCN	02/01/2019- 31/12/2019	Quyết định của Hội đồng quản trị số 2152/2018/QĐ-HĐQT ngày 15/12/2018 thông qua Hợp đồng với các đơn vị có liên quan tới thành viên HĐQT
28	Hợp đồng Bán hàng hóa số 24/2020/HĐ /CPC1HN-TT	Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh (Ông Nguyễn Thanh Bình là Giám đốc)	27.368,26	Thuốc, TPCN	02/01/2020- 31/12/2020	Quyết định của HĐQT số 4116/2019/QĐ-HĐQT ngày 25/12/2019 thông qua Hợp đồng với các đơn vị có liên quan tới thành viên HĐQT
29	Hợp đồng Bán hàng hóa số 21/2021/HĐ/ CPC1HN-TT	Nt	19.913,26 (*)	Thuốc, TPCN	02/01/2021- 31/12/2021	Quyết định của Hội đồng quản trị số 2770/2020/QĐ-HĐQT ngày 10/12/2017 thông qua Hợp đồng với các đơn vị có liên quan tới thành viên HĐQT
30	Hợp đồng Bán hàng hóa số 18/2019/HĐ/ CPC1HN-VNP	Công ty TNHH Dược phẩm VNP (Ông Nguyễn Thanh Bình là Phó Giám đốc)	12.771,18	Thuốc, TPCN	02/01/2019- 31/12/2019	Quyết định của Hội đồng quản trị số 2152/2018/QĐ-HĐQT ngày 15/12/2018 thông qua Hợp đồng với các đơn vị có liên quan tới thành viên HĐQT

STT	Tên hợp đồng	Đối tác Hợp đồng	Tổng Giá trị giao dịch (triệu đồng)/năm	Nội dung giao dịch, số lượng giao dịch	Thời gian thực hiện giao dịch	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT thông qua
31	Hợp đồng Bán hàng hóa số 26/2020/HĐ/ CPC1HN-VNP	Công ty TNHH Dược phẩm VNP (Ông Nguyễn Thanh Bình là Phó Giám đốc)	12.239,70	Thuốc, TPCN	02/01/2020-31/12/2020	Quyết định của HĐQT số 4116/2019/QĐ-HĐQT ngày 25/12/2019 thông qua Hợp đồng với các đơn vị có liên quan tới thành viên HĐQT
32	Hợp đồng Bán hàng hóa số 7/2021/HĐ/ CPC1HN-VNP	Công ty TNHH Dược phẩm VNP (Ông Nguyễn Thanh Bình là Phó Giám đốc)	8.185,91 (*)	Thuốc, TPCN	02/01/2021-31/12/2021	Quyết định của Hội đồng quản trị số 2770/2020/QĐ-HĐQT ngày 10/12/2017 thông qua Hợp đồng với các đơn vị có liên quan tới thành viên HĐQT
33	Hợp đồng mua hàng hóa số 0201/2021/HĐNT/V NP-CNCPC1HN	Công ty TNHH Dược phẩm VNP (Ông Nguyễn Thanh Bình là Phó Giám đốc)	121,16 (*)	Thuốc, TPCN	02/01/2021-31/12/2021	Quyết định của Hội đồng quản trị số 2919/2020/QĐ-HĐQT ngày 30/09/2020 thông qua Hợp đồng với các đơn vị có liên quan tới thành viên HĐQT
34	Hợp đồng vay số 01/2017/HĐVV/ CPC1HN	Nguyễn Thanh Bình	500,00	Lãi suất vay 0,5%/tháng, Nếu hết thời hạn vay một trong 2 bên không có thông báo chấm dứt thì thời hạn vay tiếp tục gia hạn.	06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng (ngày 20/01/2017)	Quyết định của HĐQT số 25/2017/QĐ-HĐQT ngày 15/01/2017 v/v vay vốn thành viên HĐQT

STT	Tên hợp đồng	Đối tác Hợp đồng	Tổng Giá trị giao dịch (triệu đồng)/năm	Nội dung giao dịch, số lượng giao dịch	Thời gian thực hiện giao dịch	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT thông qua
35	Hợp đồng vay số 02/2017/HĐVV/CPC1HN	Nguyễn Thanh Bình	1.200,00	Lãi suất vay 0,5%/tháng. Nếu hết thời hạn vay một trong 2 bên không có thông báo chấm dứt thì thời hạn vay tiếp tục gia hạn.	06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng (ngày 13/05/2017)	Quyết định của HĐQT số 195/2017/QĐ-HĐQT ngày 08/05/2017 v/v vay vốn thành viên HĐQT
36	Hợp đồng vay số 04/2017/HĐVV/CPC1HN	Nguyễn Thanh Bình	1.000,00	Lãi suất vay 0,5%/tháng. Nếu hết thời hạn vay một trong 2 bên không có thông báo chấm dứt thì thời hạn vay tiếp tục gia hạn.	06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng (ngày 05/09/2017)	Quyết định của HĐQT số 232/2017/QĐ-HĐQT ngày 30/08/2017 v/v vay vốn thành viên HĐQT
37	Hợp đồng vay số 06/2017/HĐVV/CPC1HN	Nguyễn Thanh Bình	500,00	Lãi suất vay 0,5%/tháng. Nếu hết thời hạn vay một trong 2 bên không có thông báo chấm dứt thì thời hạn vay tiếp tục gia hạn.	06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng (ngày 22/09/2017)	Quyết định của HĐQT số 285/2017/QĐ-HĐQT ngày 15/09/2017 v/v vay vốn thành viên HĐQT
38	Hợp đồng vay số 07/2017/HĐVV/CPC1HN	Nguyễn Thanh Bình	1.200,00	Lãi suất vay 0,5%/tháng. Nếu hết thời hạn vay một trong 2 bên không có thông báo chấm dứt thì thời hạn vay tiếp tục gia hạn.	06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng (ngày 09/10/2017)	Quyết định của HĐQT số 462/2017/QĐ-HĐQT ngày 05/10/2017 v/v vay vốn thành viên HĐQT



STT	Tên hợp đồng	Đối tác Hợp đồng	Tổng Giá trị giao dịch (triệu đồng)/năm	Nội dung giao dịch, số lượng giao dịch	Thời gian thực hiện giao dịch	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT thông qua
39	Hợp đồng vay số 09/2017/HĐVV/ CPC1HN	Nguyễn Thanh Bình	2.000,00	Lãi suất vay 0,5%/tháng. Nếu hết thời hạn vay một trong 2 bên không có thông báo chấm dứt thì thời hạn vay tiếp tục gia hạn.	06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng (ngày 22/12/2017)	Quyết định của HĐQT số 920/2017/QĐ-HĐQT ngày 22/12/2017 v/v vay vốn thành viên HĐQT
40	Biên bản thỏa thuận về việc xác nhận khoản nợ cổ tức ngày 24/06/2018	Nguyễn Thanh Bình	1.089,65	Lãi suất vay 0,54%/tháng. Nếu hết thời hạn vay một trong 2 bên không có thông báo chấm dứt thì thời hạn vay tiếp tục gia hạn.	06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng (ngày 24/06/2018)	Quyết định của HĐQT số 1252/2018/QĐ-HĐQT ngày 20/06/2018 v/v vay vốn thành viên HĐQT
41	Hợp đồng vay vốn 01/2020/ HĐVV/ CPC1HN	Nguyễn Thanh Bình	1.250,00	Lãi suất vay 7,5%/năm. Nếu hết thời hạn vay một trong 2 bên không có thông báo chấm dứt thì thời hạn vay tiếp tục gia hạn.	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng (ngày 12/02/2020)	Quyết định của HĐQT số 330/2020/QĐ-HĐQT ngày 10/02/2020 v/v vay vốn thành viên HĐQT
42	Hợp đồng vay vốn 03-18/2019/HĐVV/ CPC1HN	Nguyễn Thanh Bình	8.292,63	Lãi suất vay 0,54%/tháng. Nếu hết thời hạn vay một trong 2 bên không có thông báo chấm dứt thì thời hạn vay tiếp tục gia hạn.	06 tháng kể từ ngày 21/03/2019	Quyết định của HĐQT số 683/2019/QĐ-HĐQT ngày 18/03/2019 v/v vay vốn của Thành viên HĐQT và người liên quan

(*) Giá trị hợp đồng thực hiện từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

Nguồn: CPC1 Hà Nội

Bảng 37 Danh sách các doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực hoặc là khách hàng lớn mà cổ đông lớn có lợi ích liên quan

STT	Tên cổ đông lớn/ người có liên quan tới cổ đông lớn	Mối quan hệ đối với cổ đông lớn	Tên doanh nghiệp	Hoạt động chính	Khách hàng mục tiêu	Địa bàn hoạt động	Sản phẩm	Chức vụ nắm giữ tại Doanh nghiệp	Số lượng, tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn/ người có liên quan tại DN	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương CPC1 (“CPC1”)									
1.1	Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTPC	Công ty mẹ		Kinh doanh dược phẩm, thực phẩm chức năng, thiết bị y tế; Nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ dược.	Các bệnh viện, và khách hàng lớn, nhỏ	Toàn quốc	Dược phẩm		0 cổ phần, tương ứng với 0% VDL	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của CPC1 HN mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
2	Lê Thị Kim Ánh									
2.1	Nguyễn Doãn Liêm	Chồng	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương CPC1	Sản xuất và kinh doanh Dược phẩm	Đa dạng đối tượng khách hàng: Bệnh viện, Hiệu thuốc, Doanh nghiệp, khách hàng lẻ	Toàn quốc	Dược phẩm	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật	1.210.940 cổ phần, tương ứng với 5,77% VDL	

STT	Tên cổ đồng lớn/ người có liên quan tới cổ đồng lớn	Mối quan hệ đối với cổ đồng lớn	Tên doanh nghiệp	Hoạt động chính	Khách hàng mục tiêu	Địa bàn hoạt động	Sản phẩm	Chức vụ nắm giữ tại Doanh nghiệp	Số lượng, tỷ lệ sở hữu của cổ đồng lớn/ người có liên quan tại DN	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
2.2	Lê Nam Thắng	Em ruột	Công ty Cổ phần Dược Phẩm MEDZAVY	Kinh doanh dược phẩm	Bệnh viện, Hiệu thuốc, khách hàng lẻ	Toàn quốc	Dược phẩm	Giám đốc, người đại diện theo pháp luật.	150.000 cổ phần, tương ứng với 15% VĐL	- Các Hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan phải được Đại hội đồng cổ đồng/Hội đồng quản trị thông qua.
			Công ty Cổ phần Upharma	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong cửa hàng chuyên doanh	Khách hàng mua lẻ	Toàn quốc	Dược phẩm	Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật	100.000 cổ phần, tương ứng với 4,16% VĐL	
3	Nguyễn Tiến Lung									
3.1	Nguyễn Doãn Liêm	Em trai	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Uống CPC1	Sản xuất và kinh doanh Dược phẩm	Đa dạng đối tương khách hàng: Bệnh viện, Hiệu thuốc, Doanh nghiệp, khách hàng lẻ	Toàn quốc	Dược phẩm	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật	1.210.940 cổ phần, tương ứng với 5,77% VĐL	

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI



STT	Tên cổ đông lớn/ người có liên quan tới cổ đông lớn	Mối quan hệ đối với cổ đông lớn	Tên doanh nghiệp	Hoạt động chính	Khách hàng mục tiêu	Địa bàn hoạt động	Sản phẩm	Chức vụ nắm giữ tại Doanh nghiệp	Số lượng, tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn/ người có liên quan tại DN	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
4	Lê Nam Thắng									
4.1	Công ty Cổ phần Dược Phẩm MEDZAVY	Ông Thắng là người nội bộ, cổ đông lớn của DN khác		Kinh doanh dược phẩm	Bệnh viện, Hiệu thuốc, khách hàng lẻ	Toàn quốc	Dược phẩm	Giám đốc, người đại diện theo pháp luật.	150.000 cổ phần, tương ứng với 15% VĐL	
4.2	Công ty Cổ phần Pharma	Ông Thắng là người nội bộ của DN khác		Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong cửa hàng chuyên doanh	Khách hàng mua lẻ	Toàn quốc	Dược phẩm	Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật	100.000 cổ phần, tương ứng với 4,16% VĐL	
4.3	Nguyễn Doãn Liêm	Anh rể	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương CPC1	Sản xuất và kinh doanh Dược phẩm	Đa dạng đối tượng khách hàng: Bệnh viện, Hiệu thuốc, Doanh nghiệp, khách hàng lẻ	Toàn quốc	Dược phẩm	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật	1.210.940 cổ phần, tương ứng với 5,77% VĐL	



STT	Tên cổ đông lớn/ người có liên quan tới cổ đông lớn	Mối quan hệ đối với cổ đông lớn	Tên doanh nghiệp	Hoạt động chính	Khách hàng mục tiêu	Địa bàn hoạt động	Sản phẩm	Chức vụ nắm giữ tại Doanh nghiệp	Số lượng, tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn/ người có liên quan tại DN	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
5	Nguyễn Thanh Bình									
5.1	Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh	Ông Bình là người nội bộ, cổ đông lớn của DN khác		Kinh doanh dược phẩm	Bệnh viện, Hiệu thuốc, Doanh nghiệp, khách hàng lẻ	Toàn quốc	Dược phẩm	Giám đốc, người đại diện theo pháp luật	550.000 cổ phần, tương ứng với 50% VDL	
5.2	Công ty TNHH Dược phẩm VNP	Ông Bình là người nội bộ, cổ đông lớn của DN khác		Kinh doanh dược phẩm	Bệnh viện, Hiệu thuốc, Doanh nghiệp, khách hàng lẻ	Toàn quốc	Dược phẩm	Phó Giám đốc	250.000 cổ phần, tương ứng với 50% VDL	
5.3	Công ty Cổ phần Pharma	Ông Bình là người nội bộ, cổ đông lớn của DN khác		Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong cửa hàng chuyên doanh	Khách hàng mua lẻ	Toàn quốc	Dược phẩm	Thành viên Hội đồng quản trị	500.000 cổ phần, tương ứng với 20,80% VDL	



STT	Tên cổ đồng lớn/ người có liên quan tới cổ đông lớn	Mối quan hệ đối với cổ đồng lớn	Tên doanh nghiệp	Hoạt động chính	Khách hàng mục tiêu	Địa bàn hoạt động	Sản phẩm	Chức vụ nắm giữ tại Doanh nghiệp	Số lượng, tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn/ người có liên quan tại DN	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
6	Phùng Thanh Hương									
6.1	Nguyễn Thanh Bình	Chồng	Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh	Kinh doanh dược phẩm	Bệnh viện, Hiệu thuốc, Doanh nghiệp, khách hàng lẻ	Toàn quốc	Dược phẩm	Giám đốc, người đại diện theo pháp luật	550.000 cổ phần, tương ứng với 50% VĐL	
			Công ty TNHH Dược phẩm VNP	Kinh doanh dược phẩm	Bệnh viện, Hiệu thuốc, Doanh nghiệp, khách hàng lẻ	Toàn quốc	Dược phẩm	Phó Giám đốc	250.000 cổ phần, tương ứng với 50% VĐL	
			Công ty Cổ phần Upharma	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong cửa hàng chuyên doanh	Khách hàng mua lẻ	Toàn quốc	Dược phẩm	Thành viên Hội đồng quản trị	500.000 cổ phần, tương ứng với 20,80% VĐL	

Nguồn: CPC1 Hà Nội

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

3.1. Hội đồng quản trị

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị của Công ty bao gồm:

TT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty
1	Ông Lê Nam Thắng	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Doãn Liêm	Ủy viên HĐQT
3	Ông Vũ Văn Hà	Ủy viên HĐQT
4	Ông Nguyễn Thanh Bình	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc

❖ Ông Lê Nam Thắng – Chủ tịch HĐQT

- ✓ Họ và tên: Lê Nam Thắng
- ✓ Giới tính: Nam
- ✓ Năm sinh: 1974
- ✓ Nơi sinh: Hà Nội
- ✓ Quốc tịch: Việt Nam
- ✓ Dân tộc: Kinh
- ✓ Trình độ học vấn, Năng lực chuyên môn, Kinh nghiệm công tác: Kỹ sư xây dựng.
Ông Lê Nam Thắng có kế hoạch bổ sung bằng cấp chuyên môn ngành Quản lý kinh tế từ năm 2022.
- ✓ Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật
- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Dược Phẩm MEDZAVY
 - Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Upharma.
- ✓ Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2001 đến 2003	Công ty TNHH Hữu Sinh	Nhân viên
Từ 2003 đến 2004	Công ty TNHH Hữu Sinh	Phó Giám đốc Ban QL dự án
Từ 2004 đến 10/2015	Viện Khoa học và Công nghệ GTVT	Nhân viên – Kỹ sư thường trú
Từ 02/11/2015 đến 09/11/2017	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Phó Giám đốc
Từ 10/11/2017 đến nay	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật
Từ 11/04/2017 đến nay	Công ty Cổ phần Dược Phẩm MEDZAVY	Giám đốc, người đại diện theo pháp luật
Từ 18/08/2020 đến nay	Công ty Cổ phần Upharma	Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật

- ✓ Số CP nắm giữ: 1.125.566 cổ phần, chiếm 9,25% vốn điều lệ , trong đó:
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
 - Cá nhân sở hữu: 1.125.566 cổ phần, chiếm 9,25% vốn điều lệ.
- ✓ Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành:

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty	Mối quan hệ đối với người nội bộ	Mối quan hệ đối với CPC1 Hà Nội	Số cổ phiếu DTP sở hữu tại ngày 01/11/2021	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu DTP
1	Nguyễn Thị Kim Ánh	Không có	Chị gái	Cổ đông lớn	2.092.500	17,19%
2	Nguyễn Doãn Liêm	Thành viên HĐQT	Anh rể	Thành viên HĐQT	20.000	0,16%

- ✓ Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- ✓ Quyền lợi mẫu thuẫn với Công ty : Không
- ✓ Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Hợp đồng giao dịch đã ký kết với Tổ chức phát hành: Chi tiết tại bảng 36 mục VI.2
 - Thù lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác trong 2 năm gần nhất:
 - + Năm 2019: 572.540.835 đồng

+ Năm 2020: 869.766.666 đồng

+ 9 tháng đầu năm 2021: 436.466.667 đồng

- ✓ Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:

Tên doanh nghiệp	Hoạt động chính	Khách hàng mục tiêu	Địa bàn hoạt động	Sản phẩm	Chức vụ nắm giữ tại Doanh nghiệp	Số lượng, tỷ lệ sở hữu của người nội bộ tại Doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
Công ty Cổ phần Dược Phẩm MEDZAVY	Kinh doanh dược phẩm	Bệnh viện, Hiệu thuốc, khách hàng lẻ	Toàn quốc	Dược phẩm	Giám đốc, người đại diện theo pháp luật.	150.000 cổ phần, tương ứng với 15% VDL	- Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của CPC1 Hà Nội mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
Công ty Cổ phần Upharma	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong cửa hàng chuyên doanh	Khách hàng mua lẻ	Toàn quốc	Dược phẩm	Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật	100.000 cổ phần, tương ứng với 4,16% VDL	- Các Hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan phải được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị thông qua. Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết

❖ Ông Nguyễn Doãn Liêm - Thành viên HĐQT

- ✓ Họ và tên: Nguyễn Doãn Liêm
- ✓ Giới tính: Nam
- ✓ Năm sinh: 1960
- ✓ Nơi sinh: Thái Bình
- ✓ Quốc tịch: Việt Nam
- ✓ Dân tộc: Kinh
- ✓ Trình độ học vấn, Năng lực chuyên môn, Kinh nghiệm công tác: Dược sỹ đại học
- ✓ Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị
- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Dược Phẩm Trung ương CPC1
- ✓ Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 12/1983 đến 02/1986	Vũ Trung – Kiến Xương – Thái Bình	Lao động tự do
Từ 03/1986 đến 04/1989	Công ty Dược phẩm Trung ương 1	Nhân viên kho Dược
Từ 04/1989 đến 11/1998	Công ty Dược phẩm Trung ương 1	Nhân viên bán hàng
Từ 11/1998 đến 12/2002	Công ty Dược phẩm T.Ư 1 tại Thành phố Hồ Chí Minh	Trưởng Chi nhánh
Từ 01/2003 đến 03/2004	Công ty Dược phẩm Trung ương 1	Cửa hàng trưởng cửa hàng số 10
Từ 04/2004 đến 11/2004	Công ty Dược phẩm Trung ương 1	Phó phòng Kinh doanh xuất nhập khẩu
Từ 12/2004 đến 05/2005	Công ty Dược phẩm Trung ương 1	Trưởng phòng Kinh doanh xuất nhập khẩu
Từ 16/5/2005 đến 07/2007	Công ty Dược phẩm Trung ương 1	Phó Giám đốc kinh doanh kiêm Trưởng phòng Kinh doanh XNK
Từ 01/8/2007 đến 07/2010	Công ty Dược phẩm Trung ương 1	Giám đốc
Từ 07/2010 đến 12/2015	Công ty TNHH một thành viên Dược phẩm TƯ 1	Chủ tịch kiêm Giám đốc
Từ 01/2016 đến nay	Công ty CP Dược phẩm Trung ương CPC1	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Từ 01/01/2014 đến 09/11/2017	Công ty CP Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Chủ tịch HĐQT
Từ 10/11/2017 đến nay	Công ty CP Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Thành viên HĐQT

- ✓ Số CP nắm giữ: 20.000 cổ phần, chiếm 0,16% vốn điều lệ, trong đó:

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Cá nhân sở hữu: 20.000 cổ phần, chiếm 0,16% vốn điều lệ.
- ✓ Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành:

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty	Mối quan hệ đối với người nội bộ	Mối quan hệ đối với CPC1 Hà Nội	Số cổ phiếu DTP sở hữu tại ngày 01/11/2021	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu DTP
1.	Lê Thị Kim Ánh	Không có	Vợ	Cổ đông lớn	2.092.500	17,19%
2.	Nguyễn Thành Lâm	Không có	Con ruột	-	106.350	0,87%
3.	Nguyễn Tiến Lung	Không có	Anh trai	Cổ đông lớn	1.000.000	8,22%

- ✓ Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- ✓ Quyền lợi mẫu thuẫn với Tổ chức phát hành : Không
- ✓ Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
 - Hợp đồng giao dịch đã ký kết với Tổ chức phát hành: Chi tiết tại bảng 36 mục VI.2
 - Thù lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác trong 2 năm gần nhất:
 - + Năm 2019: 28.000.000 đồng
 - + Năm 2020: 37.000.000 đồng
 - + 9 tháng đầu năm 2021: 33.000.000 đồng
- ✓ Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:

Tên doanh nghiệp	Hoạt động chính	Khách hàng mục tiêu	Địa bàn hoạt động	Sản phẩm	Chức vụ nắm giữ tại DN	Số lượng, tỷ lệ sở hữu của người nội bộ tại Doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
Công ty Cổ phần Dược phẩm	Sản xuất và kinh doanh Dược phẩm	Đa dạng đối tượng khách	Toàn quốc	Dược phẩm	Thành viên Hội đồng quản trị,	1.210.940 cổ phần, tương ứng với	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các

Tên doanh nghiệp	Hoạt động chính	Khách hàng mục tiêu	Địa bàn hoạt động	Sản phẩm	Chức vụ nắm giữ tại DN	Số lượng, tỷ lệ sở hữu của người nội bộ tại Doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
Trung Ương CPC1		hàng: Bệnh viện, Hiệu thuốc, Doanh nghiệp, khách hàng lẻ			Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật	5,77% VDL	lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của CPC1 Hà Nội mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. - Các Hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan phải được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị thông qua. Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

❖ Ông Vũ Văn Hà – Thành viên HĐQT

- ✓ Họ và tên: Vũ Văn Hà
- ✓ Giới tính: Nam
- ✓ Năm sinh: 1972
- ✓ Nơi sinh: Thanh Hóa
- ✓ Quốc tịch: Việt Nam
- ✓ Dân tộc: Kinh
- ✓ Trình độ học vấn, Năng lực chuyên môn, Kinh nghiệm công tác: Dược sỹ Đại học
- ✓ Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị
- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- ✓ Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1995 đến 2000	Công ty CP Dược phẩm TÚ 1	Nhân viên phòng Kho vận

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2000 đến 2010	Công ty CP Dược phẩm TU 1	Phụ trách hiệu thuốc số 9 – Phòng Kinh doanh
Từ 2010 đến 2013	Công ty TNHH một thành viên Dược phẩm TU 1	Chuyên viên phòng Kinh doanh
Từ 02/01/2014 đến 30/9/2015	Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Giám đốc Công ty
Từ 10/2015 đến nay	Công ty CP Dược phẩm Trung ương CPC1	Phó Trưởng phòng Kinh doanh
Từ 01/10/2015 đến nay	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Thành viên HĐQT

✓ Số CP nắm giữ:

- Đại diện Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 sở hữu: 2.000.000 cổ phần, chiếm 16,43% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 33.000 cổ phần, chiếm 0,27% vốn điều lệ.

✓ Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành:

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với người nội bộ	Mối quan hệ đối với CPC1 Hà Nội	Số cổ phiếu DTP sở hữu tại ngày 01/11/2021	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu DTP
1.	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương CPC1		Ông Vũ Văn Hà là Phó Trưởng phòng Kinh doanh, đại diện phần vốn góp	Cổ đông lớn	2.000.000	16,43%

✓ Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không

✓ Quyền lợi mẫu thuẫn với Tổ chức phát hành: Không

✓ Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

- Hợp đồng giao dịch đã ký kết với Tổ chức phát hành: Chi tiết tại bảng 36 mục VI.2
- Thù lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác trong 2 năm gần nhất:
 - + Năm 2019: 28.000.000 đồng
 - + Năm 2020: 37.000.000 đồng
 - + 9 tháng đầu năm 2021: 33.000.000 đồng

✓ Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:

Tên doanh nghiệp	Hoạt động chính	Khách hàng mục tiêu	Địa bàn hoạt động	Sản phẩm	Chức vụ nắm giữ tại DN	Số lượng, tỷ lệ sở hữu của người nội bộ tại Doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương CPC1	Sản xuất và kinh doanh Dược phẩm	Đa dạng đối tượng khách hàng: Bệnh viện, Hiệu thuốc, Doanh nghiệp, khách hàng lẻ	Toàn quốc	Dược phẩm	Phó Trưởng phòng Kinh doanh, đại diện phần vốn góp	0 cổ phần, tương ứng 0% VDL	- Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của CPC1 Hà Nội mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. - Các Hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan phải được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị thông qua. Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

❖ Ông Nguyễn Thanh Bình –Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

- ✓ Họ và tên: Nguyễn Thanh Bình
- ✓ Giới tính: Nam
- ✓ Năm sinh: 1976
- ✓ Nơi sinh: Quảng Ngãi
- ✓ Quốc tịch: Việt Nam
- ✓ Dân tộc: Kinh
- ✓ Trình độ học vấn, Năng lực chuyên môn, Kinh nghiệm công tác: Thạc sỹ Dược học
- ✓ Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc
- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Giám đốc, người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh

- Phó Giám đốc Công ty TNHH Dược phẩm VNP
- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Upharma.

✓ Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2000 đến 2010	Công ty Dược phẩm Trung ương 1	Trưởng phòng Kinh doanh
Từ 2010 đến 09/2015	Công ty TNHH một thành viên Dược phẩm TU 1	Trưởng phòng Kinh doanh
Từ 01/10/2015 đến 19/05/2019	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Giám đốc
Từ 20/05/2019 đến nay	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
Từ 05/05/2003 đến nay	Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh	Giám đốc, người đại diện theo pháp luật
Từ 02/07/2004 đến nay	Công ty TNHH Dược phẩm VNP	Phó Giám đốc
Từ 18/08/2020 đến nay	Công ty Cổ phần Upharma	Thành viên HĐQT

- ✓ Số CP nắm giữ: 2.294.000 cổ phần, chiếm 18,85% vốn điều lệ, trong đó:
 - Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
 - Cá nhân sở hữu: 2.294.000 cổ phần, chiếm 18,85% vốn điều lệ.
- ✓ Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành:

STT	Họ tên	Chức vụ tại Công ty	Mối quan hệ đối với người nội bộ	Mối quan hệ đối với CPC1 Hà Nội	Số cổ phiếu DTP sở hữu tại ngày 01/11/2021	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu DTP
1.	Phùng Thanh Hương	Không	Vợ	Cổ đông lớn	1.248.000	10,25%

- ✓ Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- ✓ Quyền lợi mẫu thuẫn với Tổ chức phát hành: Không.
- ✓ Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Hợp đồng giao dịch đã ký kết với Tổ chức phát hành: Chi tiết tại bảng 36 mục VI.2
 - Thù lao, tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác trong 02 năm gần nhất:
 - + Năm 2019: 1.236.541.666 đồng
 - + Năm 2020: 2.780.126.666 đồng
 - + 9 tháng đầu năm 2021: 641.133.333 đồng

- ✓ Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:

Tên doanh nghiệp	Hoạt động chính	Khách hàng mục tiêu	Địa bàn hoạt động	Sản phẩm	Chức vụ nắm giữ tại DN	Số lượng, tỷ lệ sở hữu của người nội bộ tại Doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh	Kinh doanh dược phẩm	Bệnh viện, Hiệu thuốc, Doanh nghiệp, khách hàng lẻ	Toàn quốc	Dược phẩm	Giám đốc, người đại diện theo pháp luật	550.000 cổ phần, tương ứng với 50% VDL	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của CPC1 Hà Nội mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. - Các Hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan phải được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị thông qua. Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
Công ty TNHH Dược phẩm VNP	Kinh doanh dược phẩm	Bệnh viện, Hiệu thuốc, Doanh nghiệp, khách hàng lẻ	Toàn quốc	Dược phẩm	Phó Giám đốc	250.000 cổ phần, tương ứng với 50% VDL	
Công ty Cổ phần Upharma	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong cửa hàng chuyên doanh	Khách hàng mua lẻ	Toàn quốc	Dược phẩm	Thành viên Hội đồng quản trị	500.000 cổ phần, tương ứng với 20,80% VDL	

3.2. Ban kiểm soát

Danh sách thành viên Ban kiểm soát của Công ty bao gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty
1	Bà Trần Thụy Khanh	Trưởng ban kiểm soát
2	Bà Trần Thị Phương Thảo	Kiểm soát viên
3	Bà Trương Thị Huệ	Kiểm soát viên

❖ Bà Trần Thụy Khanh - Trưởng Ban Kiểm soát

- ✓ Họ và tên: Trần Thụy Khanh
- ✓ Giới tính: Nữ
- ✓ Năm sinh: 1959
- ✓ Nơi sinh: Thái Bình
- ✓ Quốc tịch: Việt Nam
- ✓ Dân tộc: Kinh
- ✓ Trình độ học vấn, Năng lực chuyên môn, Kinh nghiệm công tác: Cử nhân Kinh tế ngành Kế hoạch Kinh tế Quốc dân, Chứng chỉ Kế toán trưởng.
- ✓ Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát
- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- ✓ Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1980 đến 1982	Trường PTTH Lý Tự Trọng – (thuộc Sở GD Hà Nội)	Kế toán
Từ 1983 đến 1997	Công ty Dược phẩm TW CPC1	Kế toán
Từ 1988 đến 2000	Công ty Dược phẩm TW CPC1	Phó Trưởng phòng Kế toán
Từ 2001 đến 2005	Công ty Dược phẩm TW CPC1	Trưởng phòng Kế toán
Từ 2005 đến 2014	Công ty TNHH MTV Dược phẩm TU' 1	Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế toán
Từ 20/01/2016 đến nay	CTCP Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Trưởng Ban Kiểm soát

- ✓ Số CP nắm giữ: 75.500 cổ phần, chiếm 0,62% vốn điều lệ, trong đó:
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
 - Cá nhân sở hữu: 75.500 cổ phần, chiếm 0,62% vốn điều lệ.
- ✓ Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành:

Không có.

- ✓ Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- ✓ Quyền lợi mẫu thuẫn với Công ty: Không
- ✓ Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
 - Hợp đồng giao dịch đã ký kết với Tổ chức phát hành: Không có
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm gần nhất:
 - + Năm 2019: 205.385.338 đồng
 - + Năm 2020: 259.909.176 đồng
 - + 9 tháng đầu năm 2021: 139.267.000 đồng
- ✓ Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

❖ **Bà Trần Thị Phương Thảo - Thành viên Ban Kiểm soát**

- ✓ Họ và tên: Trần Thị Phương Thảo
- ✓ Giới tính: Nữ
- ✓ Năm sinh: 1989
- ✓ Nơi sinh: Quảng Ninh
- ✓ Quốc tịch: Việt Nam
- ✓ Dân tộc: Kinh
- ✓ Trình độ học vấn, Năng lực chuyên môn, Kinh nghiệm công tác: Dược sỹ đại học
- ✓ Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát
- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- ✓ Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 11/2012 đến 2013	Công ty TNHH MTV Dược phẩm TW1	Chuyên viên nghiên cứu phát triển – P.Kinh doanh
Từ 01/2014 đến 2015	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Nhân viên Xưởng sản xuất
Từ 2016 đến 30/09/2018	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Phó quản đốc Xưởng sản xuất
Từ 01/10/2018 đến nay	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Trưởng phòng thầu – công nợ

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 13/02/2020 đến nay	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Trưởng phòng kế hoạch (kiêm nhiệm)
Từ 20/01/2016 đến nay	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Thành viên Ban Kiểm soát

- ✓ Số CP nắm giữ: 12.000 cổ phần, chiếm 0,1% vốn điều lệ, trong đó:
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Cá nhân sở hữu: 12.000 cổ phần, chiếm 0,1% vốn điều lệ.
- ✓ Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: Không.
- ✓ Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- ✓ Quyền lợi mẫu thuẫn với Công ty: Không
- ✓ Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
 - Hợp đồng giao dịch đã ký kết với Tổ chức phát hành: Không có
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm gần nhất:
 - + Năm 2019: 412.160.833 đồng
 - + Năm 2020: 397.237.589 đồng
 - + 9 tháng đầu năm 2021: 306.431.243 đồng
- ✓ Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không

❖ **Bà Trương Thị Huệ - Thành viên Ban Kiểm soát**

- ✓ Họ và tên: Trương Thị Huệ
- ✓ Giới tính: Nữ
- ✓ Năm sinh: 1978
- ✓ Nơi sinh: Thanh Hóa
- ✓ Quốc tịch: Việt Nam
- ✓ Dân tộc: Kinh
- ✓ Trình độ học vấn, Năng lực chuyên môn, Kinh nghiệm công tác: Cử nhân kế toán
- ✓ Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát
- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- ✓ Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2000 đến 2001	Công ty TNHH Thương mại xây dựng Sơn Việt	Kế toán-
Từ 2001 đến 2002	Công ty TNHH Vàng bạc đá quý Huy Thành	Kế toán-
Từ 2002 đến 2006	Công ty TNHH IC Việt Nam - CN TP.HCM	Thư ký phòng Kinh doanh
Từ 2007 đến 2012	Công ty CP Dược phẩm TU' CPC1-CN TP. HCM	Trưởng Ban Kế toán
Từ 2012 đến nay	Công ty CP Dược phẩm TU' CPC1	Kế toán
Từ 20/01/2016 đến nay	Công ty CP Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Thành viên Ban Kiểm soát

- ✓ Số CP nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ, trong đó:
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- ✓ Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: Không.
- ✓ Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- ✓ Quyền lợi mẫu thuẫn với Công ty: Không
- ✓ Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Hợp đồng giao dịch đã ký kết với Tổ chức phát hành: Không có
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm gần nhất:
 - + Năm 2019: 7.000.000 đồng
 - + Năm 2020: 11.500.000 đồng
 - + 9 tháng đầu năm 2021: 11.000.000 đồng
- ✓ Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không

3.3. Ban Tổng Giám đốc

Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty
1	Ông Nguyễn Thanh Bình	Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng quản trị
2	Ông Trần Minh Thanh	Phó Tổng Giám đốc

❖ Ông Nguyễn Thanh Bình: Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị

Chi tiết tại mục 3.1. Hội đồng quản trị

❖ Ông Trần Minh Thanh - Phó Tổng Giám đốc

- ✓ Họ và tên: Trần Minh Thanh
- ✓ Giới tính: Nam
- ✓ Năm sinh: 1966
- ✓ Nơi sinh: Hà Nội
- ✓ Quốc tịch: Việt Nam
- ✓ Dân tộc: Kinh
- ✓ Trình độ học vấn, Năng lực chuyên môn, Kinh nghiệm công tác: Kỹ sư chế tạo máy
- ✓ Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng giám đốc
- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- ✓ Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1991 đến 1994	Nhà máy Pin Hà Nội	Cán bộ kỹ thuật
Từ 1994 đến 2005	Nhà máy bia Đông Nam Á	Tổ trưởng sản xuất
Từ 2005 đến 2011	Nhà máy bia Đông Nam Á	Quản đốc phân xưởng
Từ 2011 đến 2012	Công ty VLXD và thiết bị Hancorp	Phó Giám đốc
Từ 01/01/2013 đến 31/3/2013	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Nhân viên kỹ thuật cơ điện
Từ 01/4/2013 đến 09/11/2017	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Trưởng phòng Cơ điện
Từ 10/11/2017 đến 19/5/2019	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Phó Giám đốc
Từ 20/5/2019 đến nay	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Phó Tổng Giám đốc

- ✓ Số CP nắm giữ: 9.000 cổ phần, chiếm 0,07% vốn điều lệ , trong đó:
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Cá nhân sở hữu: 9.000 cổ phần, chiếm 0,07% vốn điều lệ.

✓ Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành:

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty	Mối quan hệ đối với người nội bộ	Mối quan hệ đối với CPC1 Hà Nội	Số cổ phiếu DTP sở hữu tại ngày 01/11/2021	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu DTP
1.	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Không có	Vợ	Không	1.000	0,008%

✓ Các khoản nợ đối với Công ty : Không

✓ Quyền lợi mẫu thuẫn với Tổ chức phát hành : Không.

✓ Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

- Hợp đồng giao dịch đã ký kết với Tổ chức phát hành: Không có
- Thù lao, tiền lương, tiền thưởng Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm gần nhất:
 - + Năm 2019: 493.422.500 đồng
 - + Năm 2020: 494.970.000 đồng
 - + 9 tháng đầu năm 2021: 272.849.667 đồng

✓ Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không

3.4. Kế toán trưởng

✓ Họ và tên: Đặng Thị Thu Thủy

✓ Giới tính: Nữ

✓ Năm sinh: 1984

✓ Nơi sinh: Thái Bình

✓ Quốc tịch: Việt Nam

✓ Dân tộc: Kinh

✓ Trình độ học vấn, Năng lực chuyên môn, Kinh nghiệm công tác: Cử nhân Kinh tế ngành Kế toán, Chứng chỉ Kế toán trưởng.

✓ Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng, Người phụ trách quản trị Công ty

✓ Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2007 đến 2009	Kế toán Công ty CP Nông dược Nhật Việt	Kế toán
Từ 2009 đến 2010	Công ty TNHH TM XD và VT Nam Tiến	Kế toán
Từ 2010 đến 3/2011	Công ty TNHH Kiểm toán Quốc Gia Việt Nam	Kế toán kiểm toán
Từ 4/2011 đến 9/2013	Công ty TNHH MTV Dược phẩm TƯ CPC1	Kế toán
Từ 01/10/2013 đến 30/06/2018	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Phụ trách phòng Tài chính kế toán
Từ 01/07/2018 đến nay	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Kế toán trưởng
Từ 29/06/2021 đến nay	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Kế toán trưởng kiêm Người phụ trách quản trị Công ty

- ✓ Số CP nắm giữ: 13.800 cổ phần, chiếm 0,11% vốn điều lệ, trong đó:
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
 - Cá nhân sở hữu: 13.800 cổ phần, chiếm 0,11% vốn điều lệ.
- ✓ Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: Không.
- ✓ Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- ✓ Quyền lợi mẫu thuẫn với Công ty: Không.
- ✓ Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm gần nhất:
 - + Năm 2019: 444.134.668 đồng
 - + Năm 2020: 741.327.810 đồng.
 - + 9 tháng đầu năm 2021: 349.626.523 đồng.
- ✓ Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không.

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 4.057.260 cổ phiếu
(Bốn triệu không trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi cổ phiếu)
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 40.572.600.000 đồng
(Bốn mươi tỷ năm trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng)
5. Giá chào bán dự kiến: 11.000 đồng/cổ phiếu.
6. Phương pháp tính giá:
 - Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu của Công ty tại ngày 31/12/2020 (căn cứ BCTC năm 2020 đã được kiểm toán của Công ty) là: 29.543 đồng/cổ phiếu.
 - Giá đóng cửa bình quân 30 phiên giao dịch gần nhất của cổ phiếu Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội tại thời điểm ban hành tờ trình Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ số 679/2021/TTr-HĐQT ngày 19/04/2021 (từ ngày 03/3/2021 đến ngày 15/04/2021) là: 82.533 đồng/cổ phiếu.
 - Căn cứ vào chiến lược phát triển của Công ty cũng như nhu cầu tăng vốn điều lệ, đồng thời khuyến khích cổ đông gắn bó với Công ty, được ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT đã thông qua mức giá chào bán là 11.000 đồng/cổ phiếu.
7. Phương thức phân phối
 - Tổng số lượng cổ phiếu sẽ được chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu: 4.057.260 cổ phiếu.
 - Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu tại thành viên lưu ký đó. Cổ đông chưa thực hiện lưu ký sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu tại Công ty.
 - Phương thức phân phối theo phương thức thực hiện quyền mua cổ phiếu, cụ thể như sau:
- 7.1. Phân phối và thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu phát hành thêm (“quyền mua”)
 - Tại ngày chốt danh sách cổ đông DTP để thực hiện quyền mua, cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu DTP sẽ được hưởng 1 quyền mua và cứ mỗi 100 quyền mua sẽ được mua 33,3333 cổ phiếu DTP phát hành thêm. Số lượng cổ phiếu được quyền mua của cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
 - Đối với số cổ phiếu do cổ đông không thực hiện quyền mua và số cổ phiếu cổ đông thực hiện quyền không hết (nếu có) và cổ phiếu lẻ phát sinh sẽ được Hội đồng quản trị phân phối cho các tổ chức, cá nhân trong nước với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu (trong đó giá bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu).

- Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội phối hợp với Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (“TTLK”) phân phối và thông báo quyền mua cho các cổ đông DTP thông qua các Công ty Chứng khoán (“CTCK”) – Thành viên lưu ký của TTLK.
- Trường hợp cổ đông DTP chưa lưu ký, Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội sẽ thông báo và phân bổ quyền mua trực tiếp đến từng cổ đông.

7.2. Chuyển nhượng quyền mua:

Cổ đông sở hữu quyền mua cổ phiếu có thể chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của mình cho các tổ chức, cá nhân trong nước theo giá thỏa thuận của hai bên. Quyền mua chỉ được chuyển nhượng 01 lần (người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng cho người thứ ba).

7.2.1 Đối với cổ đông DTP đã lưu ký:

Cổ đông tự tìm đối tác, trực tiếp thỏa thuận việc chuyển nhượng quyền mua và thực hiện tại CTCK nơi cổ đông DTP mở tài khoản giao dịch, với thủ tục cụ thể như sau:

- Việc chuyển nhượng quyền mua được thực hiện tại CTCK bên chuyển nhượng mở tài khoản lưu ký. CTCK bên chuyển nhượng chịu trách nhiệm kiểm tra tính chính xác về thông tin chuyển nhượng quyền mua của các bên. Trường hợp bên nhận chuyển nhượng chưa mở tài khoản thì phải mở tài khoản tại một CTCK.
- Việc xác nhận chuyển nhượng quyền mua cho các cổ đông DTP do TTLK thực hiện.

7.2.2 Đối với cổ đông DTP chưa lưu ký:

Cổ đông thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền mua tại:

- Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
- Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, Xã Văn Bình, Huyện Thường Tín, Hà Nội.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

8.1 Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu

Thời hạn cho cổ đông đăng ký và thực hiện quyền mua tối thiểu là hai mươi (20) ngày theo quy định. Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua khi Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng.

8.2 Số lượng cổ phiếu đăng ký mua

Số lượng cổ phiếu đăng ký mua là số lượng cổ phiếu được quyền mua theo tỷ lệ hoặc/và số lượng cổ phiếu từ việc nhận chuyển nhượng quyền mua hoặc/và số cổ phiếu không bán hết được HĐQT quyết định phân phối tiếp theo Ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

8.3 Phương thức thanh toán

- Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký tại thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản theo hướng dẫn tại thành viên lưu ký đó;
- Các cổ đông chưa lưu ký đăng ký mua tại Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội - Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, Xã Văn Bình, Huyện Thường Tín, Hà Nội, đồng thời nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu (xem số tài khoản phong tỏa tại mục 13 dưới đây).

8.4 Chuyển giao cổ phiếu

Thời gian nhận chuyển giao cổ phiếu sẽ được Công ty thông báo chi tiết đến các cổ đông sau khi hoàn tất đợt phát hành.

Quyền lợi của người mua cổ phiếu

- Người mua cổ phiếu sẽ được hưởng các quyền lợi như các cổ đông phổ thông khác của Công ty kể từ ngày được ghi nhận trong sổ đăng ký cổ đông.
- Cổ đông hiện hữu được quyền nhận cổ phiếu và quyền mua theo tỷ lệ phát hành và có quyền từ chối quyền mua và chuyển nhượng quyền mua của mình trong thời gian quy định.
- Cổ phiếu phát hành trong đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu là cổ phiếu phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng (trừ các cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu do cổ đông hiện hữu từ chối mua được HĐQT, theo Ủy quyền của ĐHĐCĐ, quyết định tiếp tục chào bán cho các đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn tất đợt phát hành).

8.5 Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu

Không hạn chế số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu. Cổ đông hoặc người nhận chuyển nhượng quyền mua được quyền đặt mua từ 01 cổ phiếu đến số lượng cổ phiếu tối đa được quyền mua.

8.6 Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua cổ phiếu trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu: Không có

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Thời gian phân phối cổ phiếu được thực hiện sau khi UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng, nhưng không được vượt quá 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán ra công chúng có hiệu lực. Trong trường hợp kéo dài hơn quy định trên, Công ty sẽ xin phép UBCK xem xét gia hạn việc phân phối nhưng tối đa không quá 30 ngày. Thời gian phát hành dự kiến: Trong năm 2021 và/hoặc thời điểm khác phù hợp với chấp thuận của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

Lịch trình phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến như sau:

Bảng 38. Thời gian dự kiến của đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

(Ngày T là ngày theo lịch)

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
1.	Công ty nhận giấy phép chào bán cổ phiếu ra công chúng từ UBCKNN	T
2.	Công bố thông tin về đợt chào bán theo quy định	T đến T+5
3.	Thông báo tới Trung tâm lưu ký (TTLK) về ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền	T+5
4.	Ngày giao dịch không hưởng quyền	T+14
5.	Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền	T+15
6.	Nhận danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán từ TTLK	T+18
7.	Thông báo xác nhận Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán cho TTLK	T+19
8.	Phối hợp cùng TTLK phân bổ và thông báo danh sách phân bổ quyền mua chứng khoán đến các thành viên lưu ký và các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán	T+19 – T+25
9.	Cổ đông hiện hữu chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua cổ phiếu, nộp tiền mua cổ phần	T+26 đến T+46
10.	TTLK tổng hợp việc thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu, gửi danh sách cổ đông thực hiện quyền mua và chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa.	T+53
11.	Thông báo xác nhận Danh sách người sở hữu đặt mua chứng khoán cho TTLK	T+54
12.	HDQT phân phối số cổ phần không chào bán hết (nếu có)	T+55 đến T+62
13.	Báo cáo kết quả chào bán cho UBCKNN	T+63
14.	Chuyển giao cổ phiếu hoặc trả giấy chứng nhận sở hữu cho người mua	T + 63 – T + 93
15.	Thực hiện đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	T+57 đến T+62
16.	Nộp hồ sơ đăng ký lưu ký và đăng ký giao dịch bổ sung số lượng cổ phần chào bán	T+68

Trên đây là lịch trình phân phối cổ phiếu DTP dự kiến cho nhà đầu tư. Tùy vào tình hình thị trường và tình hình thực tế phát sinh, Công ty sẽ điều chỉnh lịch trình phân phối sao cho phù hợp và đảm bảo lợi ích cao nhất cho các Cổ đông, đồng thời cũng đảm bảo đợt chào bán được thực hiện đúng quy định của pháp luật hiện hành.

10. Phương thức thực hiện quyền

Đây là trường hợp Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phiếu phổ thông để chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty.

Cổ đông sau khi nhận được thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu, thực hiện quyền mua (chuyển nhượng quyền mua và đăng ký mua cổ phiếu), quyền nhận theo hướng dẫn tại mục VII.7, VII.8 và VII.9 của Bản cáo bạch này.

Trong đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng lần này, Công ty không thực hiện Bảo lãnh phát hành.

11. Phương án xử lý cổ phiếu không chào bán hết và cổ phiếu lẻ phát sinh

11.1 Phương án xử lý cổ phiếu lẻ

Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống.

Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách cổ đông, cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 100 cổ phiếu. Với tỷ lệ phân bổ quyền 1: 0,333333, cổ đông Nguyễn Văn A được sẽ được quyền mua thêm số cổ phiếu mới là $(100 \times 0,333333/1) = 33,3333$.

Số lượng cổ phiếu cổ đông Nguyễn Văn A được mua là 33 cổ phiếu và 0,3333 cổ phiếu lẻ sẽ không được thực hiện quyền mua.

11.2 Phương án xử lý cổ phiếu không chào bán hết theo dự kiến:

Số cổ phần không chào bán hết bao gồm:

- i. Cổ phiếu lẻ phát sinh khi thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.
- ii. Cổ phiếu cổ đông hiện hữu không mua và/hoặc không mua hết trong thời gian chào bán.

Số cổ phần không chào bán hết được ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện:

- Xác định tiêu chí, danh sách nhà đầu tư được mua cổ phiếu không chào bán hết;
- Lựa chọn bán cho các tổ chức, cá nhân trong nước với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu (trong đó giá bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu). Số cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng với thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo quy định pháp luật;
- Phân phối số cổ phần không bán hết cho các tổ chức, cá nhân trong nước đảm bảo các điều kiện sau:
 - i. Không phân phối cho tổ chức, cá nhân và người có liên quan dẫn đến tỷ lệ sở hữu của các đối tượng này vượt mức sở hữu được quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 35 Luật Chứng khoán;

ii. Không phân phối cho một tổ chức, cá nhân và người có liên quan của tổ chức, cá nhân đó từ 10% trở lên vốn điều lệ của Công ty trong đợt chào bán này hoặc trong các đợt chào bán 12 tháng gần nhất.

- Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn nếu có), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán.
- Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, trong trường hợp số lượng vốn huy động từ cổ đông không đạt đủ như dự kiến, Hội đồng quản trị sẽ huy động vốn từ các nguồn khác phù hợp như vay thêm vốn Ngân hàng, vay vốn CBCNV hoặc nguồn khác để đảm bảo yêu cầu hoạt động sản xuất của Công ty trong giai đoạn 2021 – 2022.

12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

Cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.

Cổ phiếu không phân phối hết và cổ phiếu lẻ phát sinh được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị phân phối lại cho các nhà đầu tư sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành theo quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

13. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

- Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phần:
 - Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
 - Số tài khoản phong tỏa: 20615317.
 - Tại ngân hàng: Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) - PGD Times City.

14. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của tổ chức phát hành

Do tổ chức phát hành không thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định nên không cần chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

15. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Theo danh sách cổ đông chốt ngày 01/11/2021, không có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ cổ phần của Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội.

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội không quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phần của Công ty.

Căn cứ công văn số 5322/UBCK-PTTT ngày 15/09/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của CTCP Dược phẩm CPC1 Hà Nội.

Căn cứ Nghị quyết HĐQT số 1712/2021/NQ-HĐQT ngày 16/09/2021 v/v Thông qua phương án sử dụng vốn, phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài và cam kết đăng ký giao dịch cổ phiếu. Theo đó, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 0% và phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty như sau:

- Các cổ đông hiện hữu được hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm theo đúng tỷ lệ phát hành. Quyền mua cổ phiếu chỉ được chuyển nhượng 01 lần. Các cổ đông hiện hữu chỉ được chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho các tổ chức, cá nhân trong nước.
- Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua nếu có sẽ được Hội đồng quản trị phân phối cho các tổ chức, cá nhân trong nước.

16. Các loại thuế có liên quan

16.1. Đối với Công ty

16.1.1 Thuế Giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế năm 2016 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT như sau:

Hoạt động kinh doanh chính	Thuế suất
Hoạt động xuất khẩu thuốc tân dược	0%
Hoạt động bán thuốc tân dược	5%
Hoạt động bán thực phẩm chức năng	10%

16.1.2 Thuế Thu nhập doanh nghiệp

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và Luật số 32/2013/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 19/06/2013 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Luật số 71/2014/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 26/11/2014 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế.
- Công ty đáp ứng điều kiện được miễn, giảm và ưu đãi thuế TNDN theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19/05/2007 của Chính phủ về Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ do là Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ, theo giấy chứng nhận số 44/DNKHCN ngày 19/07/2018.

- Công ty được áp dụng mức thuế suất TNDN là 10% trong thời gian 15 năm kể từ năm 2018, được miễn thuế TNDN trong thời gian 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo, theo quy định tại Khoản 1, khoản 6 Điều 15, Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 20/05/2019 của Chính phủ.
- Theo quy định tại Điều 12, Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019, Doanh nghiệp khoa học và công nghệ không được ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với năm tài chính không đáp ứng được điều kiện về doanh thu của sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ đạt tỷ lệ tối thiểu 30% trên tổng doanh thu của doanh nghiệp. Năm 2020, tỷ lệ doanh thu của sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ là 58,466% trên tổng doanh thu, do đó, Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

16.1.3 Thuế xuất, nhập khẩu và các loại thuế khác

Các loại thuế khác như: Thuế xuất, nhập khẩu; thuế tài nguyên, thuế môn bài, thuế trước bạ ... Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

16.2. Đối với nhà đầu tư

16.2.1 Đối với nhà đầu tư cá nhân:

- Đối với nhà đầu tư trong nước: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Việc áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế cả năm phải đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 4a Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 27/06/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân và căn cứ Khoản 5 Điều 16 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Thông tư 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế 71/2014/QH13 và Nghị định 12/2015/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế.
- Đối với nhà đầu tư nước ngoài: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN là 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.
- Thu nhập từ cổ tức: Theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, thu nhập của cá nhân từ đầu tư vốn và chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%. Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế TNCN được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp

nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phần, tuy nhiên khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phần này thì nhà đầu tư mới phải nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ đầu tư vốn và thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

16.2.2 Đối với nhà đầu tư tổ chức:

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:
 - Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN hiện hành là 20%.
 - Đối doanh nghiệp nước ngoài: Tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.
- Thu nhập từ cổ tức: Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6, Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008.

17. Thông tin về các cam kết

Công ty cam kết đảm bảo tuân thủ quy định theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP về việc hoàn thiện hồ sơ đăng ký giao dịch cổ phiếu phát hành thêm trên sàn giao dịch chứng khoán UPCOM trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

Ngay sau khi kết thúc đợt chào bán ra công chúng, CPC1 Hà Nội cam kết:

- + Thực hiện báo cáo kết quả phát hành cho UBCKNN;
- + Nộp hồ sơ và thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung toàn bộ số cổ phiếu thực tế chào bán ra công chúng theo quy định tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam
- + Nộp hồ sơ và thực hiện đăng ký giao dịch bổ sung toàn bộ số cổ phiếu thực tế chào bán ra công chúng tại Sở giao dịch chứng khoán theo đúng quy định của pháp luật.

18. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt:

Không có.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội số 850 /2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/5/2021, số tiền huy động từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu sẽ được sử dụng vào mục đích mua Dây chuyền sản xuất thuốc ống tiêm và các phụ kiện đồng bộ (Máy BFS) trong giai đoạn 2021 – 2022.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu, dự kiến là 44.629.860.000 đồng, sẽ được CPC1 Hà Nội sử dụng để mua Dây chuyền sản xuất thuốc ống tiêm và các phụ kiện đồng bộ (Máy BFS). Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cụ thể như sau:

Bảng 39. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

STT	Mục đích sử dụng vốn	Giá trị máy (CHF)	Tổng giá trị đầu tư máy dự kiến (đồng) (*)	Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán (đồng)	Tiến độ sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến	Thời gian máy về dự kiến
1	Thanh toán chi phí mua Dây chuyền sản xuất thuốc ống tiêm và các phụ kiện đồng bộ (Máy BFS)	3.575.880	90.856.781.492 (Quý II/2021: 10% Quý II/2022: 80% Quý III/2022: 10%)	44.629.860.000	Quý II, III/2022	Quý II/2022
2	Các chi phí dự phòng (vận chuyển, lắp đặt, chênh lệch tỷ giá, ...)		10.000.000.000	0		
	Tổng cộng		100.856.781.492	44.629.860.000		

Nguồn: CPC1 Hà Nội

Ghi chú: Tỷ giá bán chuyển khoản SWISS FRANC của VCB ngày 15/4/2021: 1 CHF = 25.408,23 VNĐ

- Trong trường hợp số lượng vốn huy động từ cổ đông không đạt đủ như dự kiến, Hội đồng quản trị sẽ huy động vốn từ các nguồn khác phù hợp như vay thêm vốn Ngân hàng, vay vốn CBCNV hoặc nguồn khác để đảm bảo yêu cầu hoạt động sản xuất của Công ty trong giai đoạn 2021 – 2022.
- Ngày 04/05/2021, Công ty đã ký kết Hợp đồng mua bán số 460-15/W16 với Rommelag AG (Thụy sỹ) để nhập khẩu 01 Dây chuyền sản xuất thuốc ống tiêm và các phụ kiện đồng bộ (Máy BFS) với những nội dung chính như sau:

Nội dung Hợp đồng mua bán	Hàng hóa: 01 Dây chuyền sản xuất thuốc ống tiêm và các phụ kiện đồng bộ (Máy BFS)
Nhà cung cấp	Rommelag AG (Thụy sỹ)
Số lượng	1
Giá mua	3.780.000,00 CHF
Thời gian và điều khoản giao hàng	Bên Bán giao hàng theo điều khoản CIF tại Hải Phòng, Việt Nam; Việc giao thiết bị sẽ được Bên Bán thực hiện trong vòng 14 tháng sau khi Bên Mua hoàn tất điều khoản thanh toán theo điều 7 Hợp đồng mua bán.
Công suất, thông số kỹ thuật của máy	Công suất 20.000 ống/h; thể tích chiết rót 5 ml; 01 bộ khuôn 05 ml, không inlaser.
Điều khoản đặt cọc	Đặt cọc 10% giá trị Hợp đồng mua bán bằng điện chuyển tiền, tương ứng số tiền là 378.000,00 CHF.
Điều khoản thanh toán	Mở Thư tín dụng (L/C) không hủy ngang bằng 90% giá trị Hợp đồng mua bán, tương đương với 3.402.000,00 CHF. Điều khoản thanh toán theo L/C theo thứ tự như sau: - Thanh toán 80% tổng giá trị Hợp đồng mua bán đối với chứng từ vận chuyển. - Thanh toán 10% tổng giá trị Hợp đồng mua bán đối với giao thức SAT, tuy nhiên không muộn hơn 120 ngày sau ngày vận chuyển nếu chỉ xuất trình hóa đơn thương mại.

- Tiến độ thanh toán thực tế:
 - Ngày 07/05/2021: CPC1 Hà Nội đã thanh toán toàn bộ số tiền đặt cọc là 378.000,00 CHF (tương đương 9,76 tỷ đồng theo tỷ giá bán chuyển khoản SWISS FRANC của VCB ngày 07/05/2021) theo Hợp đồng mua bán số 460-15/W16.
 - Ngày 21/05/2021, Công ty đã mở Thư tín dụng (L/C) không hủy ngang bằng 90% giá trị Hợp đồng mua bán, tương đương với 3.402.000,00 CHF theo điều khoản thanh toán của Hợp đồng mua bán số 460-15/W16. Điều khoản thanh toán theo L/C theo thứ tự như sau:
 - + Thanh toán 80% tổng giá trị Hợp đồng mua bán đối với chứng từ vận chuyển.
 - + Thanh toán 10% tổng giá trị Hợp đồng mua bán đối với giao thức SAT, tuy nhiên không muộn hơn 120 ngày sau ngày vận chuyển nếu chỉ xuất trình hóa đơn thương mại.
- Ngoài ra, Công ty đã ký Hợp đồng tín dụng số 01/2021/3383375/HĐTD ngày 20/05/2021 với Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam để đầu tư 01 Dây chuyền sản xuất thuốc ống tiêm và các phụ kiện đồng bộ (Máy BFS) theo Hợp đồng mua bán số 460-15/W16 ngày 04/05/2021 ký giữa CPC1 Hà Nội với Rommelag AG (Thụy sỹ) với tổng giá trị vay tối đa là 78,264 tỷ đồng, thời hạn vay tối đa 84 tháng.

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

TỔ CHỨC TƯ VẤN



ASEAN SECURITIES

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN

Địa chỉ: Tầng 4, số 18 Lý Thường Kiệt, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 6275 3844 Fax: (84-24) 6275 3816

Website: <http://www.aseansc.com.vn>

TỔ CHỨC SOÁT XÉT BCTC BÁN NIÊN NĂM 2021



CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ATC

Địa chỉ: Tòa nhà ATC – Lô D12 – Khu đấu giá Vạn Phúc – P. Vạn Phúc – Q. Hà Đông – TP. Hà Nội

Điện thoại: (+84-24) 3 200 0162 Fax: (+84-4) 3 200 0163

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BCTC NĂM 2020



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Sudico, Đường Mễ Trì, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 8689.566/88 Fax: (84.4) 8686.248

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BCTC NĂM 2019



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C _ CHI NHÁNH HÀ NỘI

Địa chỉ: 40 Giảng Võ, Phường Cát Linh, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 37.367.879 Fax: (84-24) 37.367.869

Ý kiến của Tổ chức Tư vấn về đợt chào bán:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 850/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/05/2021, Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội tiến hành đăng ký chào bán 4.057.260 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 121.717.820.000 đồng lên 162.290.420.000 đồng với mục đích huy động vốn để mua máy móc, thiết bị nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất của Công ty trong giai đoạn 2021 – 2022.

Công ty dự kiến chào bán cho cổ đông hiện hữu 4.057.260 cổ phiếu theo tỷ lệ 1:0,333333 với mức giá chào bán là 11.000 đồng/cổ phiếu, bằng 37,2% giá trị sổ sách của Công ty tại thời



ASEAN SECURITIES

điểm 31/12/2020 (29.592 đồng/cổ phiếu) và bằng 13,3% so với giá giao dịch trên thị trường tại thời điểm xây dựng phương án chào bán cổ phiếu (giá đóng cửa bình quân 30 phiên giao dịch gần nhất của cổ phiếu Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội từ ngày 03/03/2021 đến ngày 15/04/2021 là 82.533 đồng/cổ phiếu).

Với triển vọng thị trường chứng khoán tăng trưởng vừa qua, cùng với kết quả kinh doanh ổn định năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021 khả quan của Công ty, vì vậy Tổ chức tư vấn cho rằng Công ty sẽ thành công trong đợt chào bán.

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

XII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104089394 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 /08/2009, thay đổi lần thứ 14 ngày 10/11/2017;
2. Phụ lục II: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 850/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/05/2021 của Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội;
Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty số 1377/2021/NQ-HĐQT ngày 19/07/2021 thông qua việc triển khai Phương án chào bán và hồ sơ đăng ký chào bán;
Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty số 1712/2021/NQ-HĐQT ngày 16/09/2021 thông qua phương án sử dụng vốn, phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa và cam kết đăng ký giao dịch cổ phiếu;
3. Phụ lục III: Điều lệ Công ty;
4. Phụ lục IV: Báo cáo tài chính năm 2019, 2020 được kiểm toán, Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021 soát xét và Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2021.

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2021

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



LÊ NAM THẮNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THANH BÌNH



ĐẶNG THỊ THU THỦY

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ THỊ THANH BÌNH

